

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư



Kính gửi: Chính phủ

(tài liệu phục vụ công tác thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định của Bộ Tư pháp)

Tại mục 5 Nghị quyết số 110/2023/QH15 kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã quyết nghị: “Đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư”.

Tại văn bản số 41/TTg-QHĐP ngày 10 tháng 01 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao là đơn vị chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị định nêu trên.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và trên cơ sở Thông báo số 223/TB-VPCP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp thu, hoàn chỉnh và lấy ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn chỉnh hồ sơ. Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị định của Chính phủ về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (sau đây gọi là dự thảo Nghị định) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư vượt trội, cạnh tranh quốc tế

1.1. Tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030 đã nêu quan điểm cần: (i) tập trung thu hút đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm; (ii) lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu; và (iii) ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao. Trên cơ sở đó, đã đề ra các nhiệm vụ:

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư; xây dựng, bổ sung cơ chế khuyến khích đối với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt cam kết; phân biệt ưu đãi giữa các ngành, nghề đầu tư khác nhau.

- Xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao..., thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư, đặt trụ sở và thành lập các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D).

1.2. Để thực hiện nhiệm vụ nêu trên, tại Nghị quyết số 50-NQ/TW và Quyết định số 667/QĐ-TTg đã đưa ra các định hướng chiến lược như sau:

- Tập trung thu hút đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm; lựa chọn khu vực, thị trường, đối tác để thúc đẩy hợp tác phát triển phù hợp với bối cảnh thế giới và khu vực; tái định vị dòng vốn đầu tư, giảm sự phụ thuộc vào các thị trường nhiều rủi ro và tiềm ẩn xảy ra tranh chấp.

- Ưu tiên việc kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu; thu hút đầu tư xanh, công nghệ cao, công nghệ phụ trợ, phương pháp quản lý, quản trị tiên tiến.

Để triển khai những đường lối, chủ trương đó, tại Nghị quyết 110/2023/QH15 về Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã giao nhiệm vụ cho Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành.

2. Bối cảnh mới trên thế giới và sự ra đời quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, OECD đã đưa ra tuyên bố Khung giải pháp Hai trụ cột, trong đó Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế tối thiểu toàn cầu (TTTC) 15% đối với các công ty đa quốc gia có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) nhằm ngăn các tập đoàn đa quốc gia chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế¹. Đến nay, Khung giải pháp Hai trụ cột đã nhận được sự đồng thuận của 142/142 nước, trong đó có Việt Nam. Để thúc đẩy tiến trình nội luật hóa Quy tắc, ngày 02/02/2023, OECD đã công bố hướng dẫn chi tiết về cách thức quy định thuế TTTC vào các văn bản luật² và thuế TTTC sẽ được áp dụng từ năm 2024³.

Đến nay, hầu hết quốc gia, đặc biệt là các quốc gia có các tập đoàn đầu tư lớn nhất tại Việt Nam như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, các quốc gia khu vực Châu Âu... đều đã luật hóa và áp dụng quy tắc thuế suất tối thiểu này. Theo đó, Quốc hội cũng đã ban hành Nghị quyết 107/2023/QH15 về việc áp dụng thuế thu nhập

¹ Trụ cột thứ nhất là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh).

² Theo OECD: <https://www.oecd.org/tax/beps/international-tax-reform-oecd-releases-technical-guidance-for-implementation-of-the-global-minimum-tax.htm>

³ Theo OECD: <https://www.oecd.org/tax/beps/agreed-administrative-guidance-for-the-pillar-two-globe-rules.pdf>

doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV và đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2024.

Thuế TTTC được áp dụng ở các quốc gia nói chung và Việt Nam nói chung đem đến tác động hết sức rõ rệt trong lĩnh vực thu hút đầu tư. Những hình thức ưu đãi đầu tư dựa trên thu nhập như miễn giảm thuế, thuế suất ưu đãi sẽ mất đi tác dụng trong bối cảnh thuế TTTC, dẫn đến nguy cơ giảm mạnh khả năng cạnh tranh trong thu hút ĐTNN. Vấn đề bao gồm cả (i) các dự án hiện hữu có thể ngừng thực hiện đầu tư mở rộng⁴ do không còn ưu đãi hấp dẫn, cạnh tranh với các nước về thuế và (ii) các dự án đầu tư mới sẽ khó thu hút hơn. Do đó, mục tiêu của Bộ Chính trị về thu hút vốn ĐTNN sẽ gặp thách thức rất lớn (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD)⁵.

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Báo cáo mới nhất của World Bank vừa đưa ra dự báo GDP toàn cầu năm 2024 có thể tăng 2,4%. Mức tăng trưởng này sẽ là kết quả kém nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính 2009, nếu loại trừ suy giảm do đại dịch vào năm 2020. Bên cạnh đó, theo Báo cáo Xu hướng đầu tư toàn cầu năm 2023 của UNCTAD cho biết dòng vốn ĐTNN đã có dấu hiệu bão hòa và chững lại kể từ giữa năm 2022, tăng nhẹ vào năm 2023 và dự kiến cũng chỉ tăng “khiêm tốn” trong năm 2024 so với mức phục hồi tích cực của năm 2021.

3. Đánh giá hiệu quả hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành và tính cần thiết của việc ban hành chính sách về ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong bối cảnh mới

3.1. Hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành

(1) Hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành được xây dựng theo nguyên tắc nhà nước sẽ miễn, giảm nghĩa vụ tài chính đối với các chủ thể kinh doanh nếu thuộc đối tượng khuyến khích đầu tư. Các nghĩa vụ tài chính được miễn, giảm bao gồm thuế TNDN; thuế nhập khẩu; tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất và tăng mức chi phí được trừ, thời gian khấu trừ khi tính thuế. Đối tượng khuyến khích đầu tư là ngành, nghề, địa bàn khuyến khích đầu tư, doanh nghiệp công nghệ cao và các dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư lớn, doanh thu cao, sử dụng nhiều lao động, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

Các chính sách ưu đãi đầu tư trên là các biện pháp ưu đãi dựa trên thu nhập, được đưa ra ngay từ năm 1987, khi mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN). Sau 35 năm thực hiện và liên tục được hoàn thiện, đến nay đã hình thành hệ thống với khung pháp lý hoàn chỉnh, áp dụng chung cho nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn: đóng vai trò “trụ cột” đưa ra những nguyên tắc cơ bản về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

⁴ Trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 – 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 – 2025; 30 – 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 – 2030.

⁵ Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

- Các Luật chuyên ngành bao gồm Luật Thuế TNDN; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn: đưa ra các hướng dẫn chi tiết về các loại thuế và ưu đãi về thuế TNDN, thuế nhập khẩu, tiền thuê đất và sử dụng đất.

- Các Luật và Nghị định hướng dẫn về ưu đãi đối với lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích đầu tư như Luật Công nghệ cao, Nghị định về công nghiệp hỗ trợ...

(2) Ngành, nghề ưu đãi đầu tư bao gồm các ngành, nghề cần khuyến khích, theo định hướng phát triển đất nước trong từng thời kỳ, tập trung vào các ngành công nghệ cao, công nghệ ưu tiên phát triển, giáo dục, y tế, nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, ... Địa bàn ưu đãi đầu tư được xây dựng theo đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn và các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao.

Về hình thức ưu đãi, đối với thuế TNDN, nhà đầu tư sẽ được áp dụng mức thuế suất ưu đãi bao gồm: 17%, 15%, 10%, 9%, 7% và 5% tùy thuộc đối tượng ưu đãi đầu tư; nhà đầu tư cũng được áp dụng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp với các mức: miễn thuế tối đa không quá hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá bốn năm tiếp theo; miễn thuế không quá bốn năm và giảm 50% không quá chín năm tiếp theo; miễn thuế không quá 06 năm và giảm 50% không quá 13 năm tiếp theo.

Về nghĩa vụ tài chính về đất đai, nhà đầu tư được ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất với các mức 3 năm, 7 năm, 11 năm, 15 năm hoặc toàn bộ thời gian thuê; được miễn, giảm tiền sử dụng đất trong một số trường hợp.

Về thuế nhập khẩu, nhà đầu tư được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Bên cạnh ưu đãi đầu tư, pháp luật còn quy định về các biện pháp hỗ trợ đầu tư để khuyến khích đầu tư. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư bao gồm: Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Hỗ trợ tín dụng; Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của cơ quan nhà nước; Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư thực hiện trên cơ sở định hướng, khả năng bố trí nguồn lực trong từng giai đoạn, thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

Chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam nêu trên được đánh giá là cạnh tranh, nhờ đó, cùng với các thế mạnh như: tình hình kinh tế chính trị ổn định, tăng trưởng kinh tế cao và ổn định, vị trí địa lý chiến lược, chi phí sản xuất cạnh tranh, nguồn lao động dồi dào, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực, thị trường tiềm năng..., Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu lớn trong việc thu hút ĐTNN, với việc dòng vốn ĐTNN liên tục tăng qua các năm. Năm 2020, Việt Nam lần đầu

tiên vào nhóm 20 nước thu hút ĐTNN hàng đầu thế giới, trong khi ĐTNN trên toàn cầu có xu hướng giảm. Năm 2021, vốn ĐTNN vào Việt Nam tiếp tục duy trì sự ổn định và vượt mốc 31 tỷ USD, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong năm 2022, Việt Nam cũng đã thu hút gần 30 tỷ USD, dù giảm so với cùng kỳ nhưng cho thấy tín hiệu tích cực trong đại dịch. Năm 2023, vốn ĐTNN vào Việt Nam đạt 36,51 tỷ USD⁶, đây là mức cao kỷ lục trong giai đoạn 2018 – 2023.

3.2. Tính cần thiết của việc ban hành chính sách về hỗ trợ đầu tư trong bối cảnh mới

(i) Vẫn đề bảo đảm tính ưu đãi, giữ chân và tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư lớn đang đầu tư, đầu tư mở rộng và thu hút đầu tư mới vào các dự án công nghệ cao, công nghệ lõi tại Việt Nam

Do bối cảnh vừa áp dụng thuế TTTC từ đầu năm 2024, các ưu đãi miễn, giảm thuế hiện tại của nhà đầu tư lớn sẽ không còn hiệu quả, làm giảm tính hấp dẫn môi trường đầu tư tại Việt Nam, trong đó có các nhà đầu tư “đại bang” đang đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao. Về nguyên tắc, Việt Nam có thể không có các phản ứng chính sách và giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó. Việc này sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư. Tuy nhiên, nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi mà Việt Nam đã cấp sẽ không còn tác dụng khuyến khích với nhà đầu tư (vì mức ưu đãi này dựa trên thu nhập và không đạt chuẩn đối với quy tắc Trụ cột II do mang tính bồi hoàn với số thuế TNDN bổ sung mà Doanh nghiệp phải đóng, do đó, điều này sẽ vẫn sẽ khiến cho Doanh nghiệp phải nộp số thuế bổ sung tương ứng với số ưu đãi thuế được hưởng).

Đối với các doanh nghiệp lớn đang đầu tư vào các dự án công nghệ cao, mặc dù số lượng các doanh nghiệp này không nhiều nhưng có tác động về kinh tế-xã hội lớn, có mạng lưới doanh nghiệp phụ trợ đi kèm lên đến hàng trăm doanh nghiệp. Vì vậy, nếu không có chính sách duy trì tính cạnh tranh của môi trường đầu tư thì sẽ tác động đáng kể đến các kế hoạch khuyến khích nhóm nhà đầu tư này tiếp tục mở rộng đầu tư kinh doanh ở Việt Nam từ đó ảnh hưởng tới môi trường đầu tư kinh doanh và vị thế cạnh tranh của Việt Nam trong khu vực, thế giới, cũng như trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Ngoài ra, mặc dù tổng vốn ĐTNN trong năm 2023 có sự tăng trưởng nhưng các dự án mới đầu tư công nghệ cao có quy mô lớn tại Việt Nam có xu hướng chững lại. Trong bối cảnh thế giới thay đổi nhanh chóng, xuất hiện nhiều xu hướng đầu tư mới, cạnh tranh thu hút đầu tư diễn ra quyết liệt, chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam đang chưa đảm bảo tính cạnh tranh trong thu hút dự án trọng điểm vào lĩnh vực trên theo định hướng của Bộ Chính trị; chưa đa dạng, bắt kịp với các chính sách tiên tiến, thông lệ quốc tế; chưa phù hợp với yêu cầu trong bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, thiếu tính thực tiễn ... Một số tập đoàn lớn đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư, nhưng không lựa chọn Việt Nam.

⁶ Tính đến ngày 20/12/2023.

Hơn nữa, việc mở rộng đầu tư của một số dự án công nghệ cao có quy mô lớn cũng có dấu hiệu tạm ngừng, một số doanh nghiệp đã thông báo chính thức về việc đang tạm dừng kế hoạch đầu tư mới, mở rộng tại Việt Nam. Nhóm các nhà đầu tư này đang chờ phản ứng chính sách của Việt Nam.

Do đó, việc ban hành chính sách là hết sức cấp bách để không gây xáo trộn quá lớn đối với môi trường đầu tư kinh doanh khi áp dụng thuế TTCT, tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng và thu hút đầu tư mới tại Việt Nam. Chính sách này cần ban hành để có hiệu lực áp dụng trong năm tài chính 2024.

(ii) Phản ứng của các quốc gia trong bối cảnh mới:

Hiện nay, nhiều quốc gia đang chạy đua quyết liệt và thiết kế chính sách riêng để bắt kịp xu thế trên. Theo đó, các quốc gia đang áp dụng nhiều chính sách ưu đãi đầu tư đa dạng; áp dụng song song cả ưu đãi về thu nhập (miễn, giảm thuế) và ưu đãi về chi phí (hỗ trợ bằng tiền, trợ cấp đầu tư) để kết hợp hiệu quả, tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Trong đó, ưu đãi dựa trên chi phí thường được sử dụng để góp phần thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Thực tế cho thấy, với chính sách linh hoạt, kết hợp cả ưu đãi theo thu nhập và ưu đãi về chi phí, nhiều nước đã thu hút được các dự án có quy mô rất lớn trong lĩnh vực công nghệ cao.

Cụ thể, Thái Lan đã chấp thuận phân bổ 50% - 70% số tiền thu thuế bổ sung vào “Quỹ nâng cao năng lực” để hỗ trợ doanh nghiệp. Các khoản hỗ trợ dự kiến là bằng tiền hoặc tương đương tiền theo các điều kiện cụ thể; theo đó, dự kiến sẽ công bố các biện pháp này vào cuối năm 2024 và hiệu lực vào 2025. Tại Singapore, Chính phủ đã công bố Ngân sách năm 2024 trong đó có đề cập đến các định hướng chính sách hỗ trợ đầu tư đối ứng với chính sách thuế tối thiểu toàn cầu. Theo đó, Singapore sẽ ban hành chính sách Refundable Investment Credit (“RIC”) hỗ trợ tới 50% các chi phí đủ điều kiện trong các lĩnh vực kinh tế cốt lõi, các khoản đầu tư mới, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và duy trì nền kinh tế cạnh tranh. Các hướng dẫn chi tiết hơn sẽ được ban hành vào quý 3 năm 2024. Có thể thấy, bối cảnh thế giới hiện tại có nhiều xu hướng đầu tư mới vào công nghệ cao có giá trị tăng rất cao như chip mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo... Vì vậy, Việt Nam không nên đứng ngoài cuộc chơi đó, mà cần phải tận dụng cơ hội hiện tại, các biện pháp ngoại giao về kinh tế trong thời gian vừa qua để đẩy mạnh các biện pháp hỗ trợ đầu tư để duy trì, mở rộng và thu hút dự án đầu tư trong những lĩnh vực ưu tiên này về Việt Nam.

Hiện tại, so sánh với các quốc gia khác, dù Việt Nam đã có các biện pháp hỗ trợ đầu tư đã được quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư tuy nhiên các hình thức này chưa được áp dụng phổ biến trên thực tế do pháp luật về ngân sách chưa có quy định về chi ngân sách cho các hình thức hỗ trợ đầu tư, các hình thức này chủ yếu vẫn được triển khai dưới hình thức hỗ trợ phi tài chính. Do đó, đặt ra vấn đề cần thiết trong việc thiết kế các chính sách ưu đãi dựa trên chi phí rõ ràng hơn, bắt kịp xu thế mới và là chính sách có tính chất đối trọng, thay thế cho các chính sách ưu đãi thuế thu nhập hiện hành – bị giảm hiệu quả bởi các quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu.

(iii) Xây dựng các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành chính sách của Nghị quyết quốc hội

Nghị định này được ban hành nhằm quy định các biện pháp cụ thể để tổ chức thi hành những nội dung được giao trong Nghị quyết 110/2023/QH15. Trước đó, theo nhiệm vụ được đề ra trong Nghị quyết 68/2022/QH15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 “*nghiên cứu, đánh giá tác động của Quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu đến thu hút đầu tư vào Việt Nam để có các giải pháp phù hợp*”, cơ quan chủ trì đã nghiên cứu và đề xuất chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư trong bối cảnh mới. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã báo cáo⁷ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đề xuất giải pháp thu hút, hỗ trợ đầu tư áp dụng trong bối cảnh thực thi thuế tối thiểu toàn cầu. Đồng thời, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã xây dựng Đề án xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao⁸ gửi các Bộ ngành và cơ quan liên quan để góp ý. Theo đó, đã có các phân tích đánh giá tác động của chính sách trên những khía cạnh quan trọng (như đối với NSNN của việc thực hiện chính sách, làm rõ quy trình, thủ tục ngân sách, nguồn lực thực hiện hàng năm, thẩm quyền quyết định chi, cách thức chi hỗ trợ bằng tiền...), đánh giá toàn diện hệ thống ưu đãi đầu tư hiện hành để đưa ra giải pháp tổng thể nhằm duy trì và tăng cường môi trường đầu tư, đánh giá toàn diện về kết quả, thực trạng thi hành pháp luật và các vấn đề liên quan đến chính sách.

Trên cơ sở đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chính phủ đã có các văn bản trình⁹ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đề xuất xây dựng Nghị quyết về hỗ trợ đầu tư trong một số lĩnh vực mũi nhọn, theo đó đã có dự thảo Nghị định quy định chi tiết về hỗ trợ đầu tư kèm theo. Sau khi xem xét, UBTQVH đã cho ý kiến và quyết nghị đưa nội dung nêu trên tại Nghị quyết 110/2023/QH15 kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV: “Đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư ... để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư ...””.

Chính vì vậy, việc xây dựng Nghị định này là bước nối tiếp từ đề xuất xây dựng chính sách trước đó. Nói cách khác, đề nghị xây dựng chính sách này đã được hoàn thiện và được sự đồng ý về chủ trương của Quốc hội để giao Chính phủ xây dựng Nghị định quy định các biện pháp cụ thể tổ chức thi hành chính sách này. Điều này đảm bảo tính cần thiết và căn cứ xây dựng, ban hành Nghị định là phù hợp với quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tuy nhiên, để đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn tiếp tục xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

⁷ Các văn bản số: (i) 1945/BKHĐT-ĐTNN ngày 17/3/2023; (ii) 388/BKHĐT-ĐTNN ngày 09/6/2023 và (iii) 513/BC-BKHĐT ngày 13/7/2023.

⁸ Gửi kèm theo công văn số 6572/BKHĐT-ĐTNN ngày 14/8/2023.

⁹ Tại các Tờ trình 369/TTr-CP ngày 05/8/2023, Tờ trình 414/TTr-CP ngày 30/8/2023.

1. Mục tiêu xây dựng Nghị định

- Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam: Ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư

- Thu hút đầu tư có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, thân thiện môi trường, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

- Phù hợp với định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 – 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phù hợp với Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư.

- Phù hợp với các định hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045 tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022.

- Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

- Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;

- Phù hợp với quy tắc thuế TTCT thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hòa cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế TTCT, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);

- Đảm bảo tính khả thi, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, cơ cấu tổ chức tinh gọn, hiệu quả, sử dụng tối đa công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này hướng dẫn về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (sau đây gọi tắt là Quỹ) đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với Quỹ hỗ trợ đầu tư, các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Chính sách 1: Quy định về thành lập, quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư

1.1. Mục tiêu của chính sách

(1) Thành lập được Quỹ hỗ trợ đầu tư, mô hình của Quỹ phù hợp với các quy định của pháp luật.

(2) Bộ máy quản lý Quỹ gọn nhẹ hiệu quả, không làm tăng thêm nhiều biên chế, sử dụng tối đa công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước.

(3) Quỹ hoạt động đảm bảo đúng mục tiêu, hỗ trợ đúng đối tượng, cân đối được thu chi.

(4) Đảm bảo tính khả thi khi thực hiện, chỉ được hỗ trợ cho các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ.

1.2. Nội dung của chính sách

(1) Xây dựng mô hình hoạt động của Quỹ, địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, bộ máy quản lý.

(2) Xây dựng nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của Quỹ, quyền hạn, trách nhiệm của các vị trí quản lý của Quỹ.

(3) Quy định phương thức hỗ trợ của Quỹ.

(4) Quy định về cơ chế tài chính (nguồn ngân sách cấp cho Quỹ, dự toán ngân sách, chi hỗ trợ doanh nghiệp, chi quản lý Quỹ), chế độ kế toán, quyết toán, kiểm toán và công khai minh bạch thông tin của Quỹ.

1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

1.3.1. Về địa vị pháp lý

Quỹ Hỗ trợ đầu tư là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Bộ Tài chính/Kế hoạch và Đầu tư, do Chính phủ thành lập và hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Nghị định này.

Lý do đề xuất:

(1) Theo Thông báo số 223/TB-VPCP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp về Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

là cơ quan quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư. Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn đề xuất Chính phủ xem xét phương án giao Bộ Tài chính là cơ quan quản lý Quỹ vì các lý do: (i) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định 14/2023/NĐ-CP. Theo đó, Bộ Tài chính là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về “*Tài chính - ngân sách (bao gồm: Ngân sách nhà nước; ngân quỹ nhà nước;; các quỹ tài chính nhà nước...)*¹⁰” và có nhiệm vụ và quyền hạn “*quản lý quỹ dự trữ nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật*¹¹”; (ii) Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư chủ yếu thẩm tra các chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi nhằm đảm bảo phù hợp đúng với mục tiêu và quy định tại Nghị định; (iii) Trong quá trình trao đổi với các Bộ, ngành và địa phương, phần lớn đều thống nhất giao Bộ Tài chính là cơ quan quản lý Quỹ và Chủ tịch hội đồng xét duyệt là Bộ trưởng Bộ Tài chính.

(2) Việc xác định đây là quỹ tài chính ngoài ngân sách sẽ được báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội trong quy trình ban hành liên quan đến một số nội dung của Luật ngân sách nhà nước¹².

1.3.2. Về mô hình hoạt động và bộ máy quản lý

Quỹ hoạt động theo mô hình đặc thù, sử dụng cán bộ, công chức của Bộ Tài chính/Kế hoạch và Đầu tư, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm thông qua Cơ quan điều hành Quỹ. Trong đó, Cơ quan điều hành Quỹ bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và một số thành viên.

Lý do đề xuất:

(1) Các phương án tổ chức mô hình hoạt động của Quỹ trên cơ sở tham khảo các quỹ khác đang được vận hành sẽ có ưu và nhược điểm như sau:

	Đơn vị sự nghiệp	Công ty TNHH 1 TV	Đơn vị thuộc Bộ
Ưu điểm	<p>✓ NSNN cấp kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao. Do đó, vẫn có cơ sở để NSNN cấp hằng năm cho Quỹ trên cơ sở nguồn thu thuế bổ sung</p>	<p>✓ Hoạt động chi (ngoài ngân sách) không chịu điều chỉnh của các quy định về NSNN</p>	<p>✓ Không phát sinh thêm bộ máy, nhân sự</p> <p>✓ NSNN cấp kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao.</p>

¹⁰ Điều 1 Nghị định 14/2023/NĐ-CP

¹¹ Điểm a Khoản 7 Điều 2 Nghị định 14/2023/NĐ-CP

¹² Do Quỹ Hỗ trợ đầu tư có một số đặc thù có thể phát sinh một số vướng mắc so với pháp luật về ngân sách nhà nước như: (i) Sử dụng NSNN để chi hỗ trợ cho doanh nghiệp; (2) Nguồn ngân sách cấp cho Quỹ có nguồn gốc từ thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế của OECD; (iii) Ngân sách của Quỹ phải được bổ sung hằng năm căn cứ trên số tiền thuế bổ sung thu được hàng năm và các nguồn NSNN khác; (iv) Quỹ không có hoạt động nghiệp vụ phát sinh thêm các nguồn thu khác

Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Không cung cấp dịch vụ công nên chưa phù hợp với nhiệm vụ, chức năng của đơn vị sự nghiệp. ✓ Phát sinh thêm bộ máy, nhân lực. ✓ Có thể vẫn phát sinh các vướng mắc về sử dụng NSNN để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của Quỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ NSNN chỉ hỗ trợ vốn điều lệ ban đầu. Quỹ hoạt động dựa trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn do đó sẽ không có cơ sở để để NSNN cấp hằng năm. ✓ Phát sinh thêm bộ máy, nhân lực 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Hoạt động chi chịu điều chỉnh của các quy định về NSNN do đó sẽ phát sinh các vướng mắc liên quan đến (i) phân loại chi (đầu tư hay thường xuyên), (ii) lập dự toán, (iii) đối tượng nhận NSNN là doanh nghiệp. ✓ Nghị quyết Quốc hội giao Chính phủ thành lập Quỹ
------------	--	---	---

Để đảm bảo nhiệm vụ Quốc hội đã giao cho Chính phủ tại Nghị quyết số 110/2023/QH15 và phù hợp với các đặc điểm của Quỹ hỗ trợ đầu tư, Quỹ hỗ trợ đầu tư là đơn vị mang các đặc điểm của cả 3 mô hình trên, được thành lập và vận hành theo các quy định đặc thù tại Nghị định với Bộ máy quản lý Quỹ sử dụng cán bộ, công chức của Bộ Tài chính/Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm thông qua Cơ quan điều hành Quỹ.

(2) Tương tự đối với ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư cũng là một trong các chính sách của nhà nước trong việc thu hút đầu tư tại Việt Nam. Do đó, tương tự thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư¹³, doanh nghiệp thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ sẽ tự xác định hạng mục hỗ trợ chi phí đạt điều kiện, thực hiện các thủ tục hưởng hỗ trợ chi phí tại cơ quan tài chính. Do đó, đề xuất tận dụng nguồn nhân lực sẵn có của Bộ, để đảm bảo nguyên tắc tinh gọn, công khai, minh bạch phù hợp với các nguyên tắc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước tại Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

1.3.3. Về nguyên tắc hoạt động và nhiệm vụ quyền hạn, phương thức chi hỗ trợ

Nguyên tắc hoạt động: (i) không vì mục đích lợi nhuận; (ii) chịu trách nhiệm

¹³ Theo quy định tại Điều 17 Luật Đầu tư 2020 thì nhà đầu tư tự xác định ưu đãi đầu tư và thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư tại cơ quan thuế, cơ quan tài chính, cơ quan hải quan và cơ quan khác có thẩm quyền tương ứng với từng loại ưu đãi đầu tư”.

trong phạm vi hỗ trợ của mình; (ii) hỗ trợ đúng đối tượng đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này

Nhiệm vụ của Quỹ: (i) Cơ quan thường trực của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư (nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, báo cáo cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư...); (ii) Lập dự toán NSNN hằng năm, đề nghị bổ sung ngân sách (nếu cần); (iii) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản, các nguồn ngân sách hoạt động được ngân sách nhà nước, các nguồn kinh phí nhận viện trợ, tài trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để tạo nguồn tài chính hỗ trợ chi phí; (iv) Hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp theo phương thức quy định tại Nghị định; và (v) Thực hiện chế độ báo cáo, kê toán, quyết toán theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

Phương thức chi hỗ trợ: Quỹ chi hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ sau khi số tiền hỗ trợ đã được xét duyệt và quyết định bởi Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư.

Lý do để xuất: để phù hợp với mục tiêu của chính sách.

1.3.4. Về ngân sách hoạt động

Nguồn ngân sách cấp cho Quỹ hàng năm từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bồi sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu¹⁴ và các nguồn NSNN khác. Tháng 1 hàng năm ngân sách nhà nước cấp tiền cho Quỹ.

Trường hợp dự toán thấp hơn số thu thuế thực tế và không đủ chi hỗ trợ Quỹ cần có một tỷ lệ dự phòng cần thiết hoặc đề xuất bồi sung ngân sách từ nguồn dự phòng để đảm bảo chi hỗ trợ. Trường hợp cần bồi sung ngân sách, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính Phủ quyết định.

Ngân sách hoạt động của Quỹ còn bao gồm (i) các nguồn ngoài ngân sách như lãi tiền gửi, các khoản đóng góp tài trợ....; (ii) Nguồn tồn dư Quỹ hàng năm.

Quỹ lập kế hoạch tài chính hằng năm căn cứ số thực nộp năm trước và số ước tính trong năm của thuế thu nhập doanh nghiệp bồi sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và nhu cầu đề nghị hỗ trợ của từng nhóm đối tượng.

Lý do để xuất: để phù hợp với chủ trương Quốc hội giao cho Chính phủ thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư tại mục 5 Nghị quyết số 110/2023/QH15 kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV.

2. Chính sách 2: Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư.

2.1 Mục tiêu của chính sách

Thành lập hội đồng xét duyệt hỗ trợ để xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp để đảm bảo chặt chẽ và khách quan dựa trên ý kiến của nhiều thành

¹⁴ Theo số liệu của Tổng cục Thuế đã tính toán dựa trên số liệu quyết toán thuế TNDN năm 2022 tại Báo cáo của Bộ Tài chính về đề án áp dụng Thuế TTTC tại Việt Nam) khi áp dụng TTTC tại Việt Nam, số thuế bồi sung thu thêm được cho ngân sách nhà nước cho năm 2024 ước tính khoảng 14.600 tỷ đồng. Theo đó, khoảng 122 Tập đoàn nước ngoài đầu tư vào Việt Nam là đối tượng phải nộp thuế TNDN bồi sung. Trong đó, có 18 Tập đoàn từ Hàn Quốc đầu tư tại Việt Nam phải nộp thuế bồi sung hơn 10.700 tỷ đồng, 36 Tập đoàn từ Nhật Bản nộp thuế bồi sung hơn 250 tỷ đồng, 50 tập đoàn từ các quốc gia khác (như Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ,...) nộp thuế bồi sung hơn 3.560 tỷ đồng.

viên hội đồng.

2.2. Nội dung chính sách: (i) Thành lập hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư; (ii) Cơ chế làm việc của Hội đồng; (iii) Quyền hạn trách nhiệm của các thành viên hội đồng.

2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

2.3.1. Về thành lập, cơ chế làm việc, quyền hạn trách nhiệm của Hội đồng xét duyệt

Hội đồng xét duyệt được thành lập theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng là đại diện lãnh đạo các bộ Tài Chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ ngành, các cơ quan liên quan do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định theo đề nghị của Quỹ hỗ trợ đầu tư.

Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư làm việc theo chế độ tập thể dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng. Ý kiến các thành viên Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư được thực hiện bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc bằng văn bản gửi đến Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư.

Nhiệm vụ của Hội đồng xét duyệt là xem xét, phê duyệt đề nghị hỗ trợ đầu tư do các doanh nghiệp đề nghị và ban hành văn bản thông báo xét duyệt hỗ trợ đầu tư.

Lý do đề xuất:

(1) Việc thành lập Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư nhằm đảm bảo có một đơn vị nhà nước có thẩm quyền rộng, bao quát các ngành, lĩnh vực có liên quan nhằm thực hiện nhiệm vụ xét duyệt hỗ trợ đầu tư của Quỹ một cách đúng đắn, có hiệu quả, minh bạch. Ngoài ra, Hội đồng xét duyệt có sự tham gia của đại diện từ các Bộ có liên quan giúp cho việc thực hiện xem xét kết quả thẩm định, phê duyệt đề nghị hỗ trợ được dựa trên việc đánh giá, xem xét toàn diện các vấn đề của các lĩnh vực chuyên môn có liên quan như tài chính, đầu tư, khoa học và công nghệ, môi trường....

(2) Cơ chế làm việc theo chế độ tập thể để đảm bảo mọi vấn đề của Hội đồng xét duyệt được xem xét và quyết định dựa trên trí tuệ và trách nhiệm tập thể của các chuyên gia, đối tượng quản lý trong các lĩnh vực. Các thành viên trong Hội đồng xét duyệt được quy định quyền hạn và nhiệm vụ cho vai trò của mình, điều này để đảm bảo bộ máy chung của Hội đồng được hoạt động một cách phù hợp.

Ngoài ra, Bộ Tài chính có ý kiến nghiên cứu gộp với Chính sách 1 nêu trên để từ đó quy định cơ chế làm việc, quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ gắn với mô hình hoạt động của Quỹ. Tuy nhiên, Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư không nằm trong bộ máy quản lý của quỹ. Đây là hội đồng có thành viên từ các Bộ, ngành và cơ quan liên quan để thực hiện chức năng xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, đảm bảo chặt chẽ và khách quan, mà không gắn liền với việc quản lý quỹ. Do đó, đối với phương án tổ chức Hội đồng quản lý

Quỹ gắn với mô hình hoạt động của Quỹ sẽ được nghiên cứu thêm trong quá trình soạn thảo nghị định.

2.3.2 Về nguyên tắc xử lý của Hội đồng xét duyệt khi đề nghị hỗ trợ vượt khả năng chi trả của Quỹ:

Về cơ bản hỗ trợ cho doanh nghiệp chỉ giới hạn trong khả năng phân bổ của Quỹ. Do đó, trường hợp tổng mức đề nghị hỗ trợ cao hơn so với khả năng của Quỹ sẽ căn cứ vào quyết định của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ như sau:

(i) Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư giao Quỹ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính đề xuất Thủ tướng chính phủ bổ sung ngân sách từ nguồn phù hợp cho Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện chi trả.

(ii) Trường hợp không được bổ sung đủ ngân sách, Hội đồng xét duyệt quyết định điều chỉnh giảm số tiền hỗ trợ doanh nghiệp đã đề nghị và được thẩm định. Việc điều chỉnh được thực hiện cho từng loại đối tượng quy định tại Dự thảo Nghị định theo các tỷ lệ dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả của từng dự án đầu tư hoặc điều chỉnh giảm theo cùng một tỷ lệ cho tất cả các doanh nghiệp trong từng loại đối tượng quy định tại Dự thảo Nghị định, đảm bảo tổng số tiền hỗ trợ trong phạm vi ngân sách của Quỹ phân bổ cho từng loại đối tượng đó.

Lý do đề xuất:

(1) Một trong những vấn đề của chính sách hỗ trợ trên chi phí là khả năng hỗ trợ của ngân sách nhà nước, do mức hỗ trợ sẽ tính dựa trên chi phí thực tế phát sinh của doanh nghiệp và không có liên quan đến nghĩa vụ thuế mà doanh nghiệp đó phải nộp. Do đó, để có thể kiểm soát ngân sách cần phải không chế tổng mức ngân sách sẽ chi hàng năm cho Quỹ, trong trường hợp cần thiết ngân sách sẽ được xem xét để cấp bổ sung.

(2) Số tiền ngân sách cấp cho Quỹ có quan hệ chặt chẽ với phạm vi đối tượng được hỗ trợ. Theo đó, ngân sách của Quỹ cần được phân bổ hợp lý cho các nhóm đối tượng cần khuyến khích đầu tư để đảm bảo đạt được mục tiêu và hiệu quả của chính sách. Khi phương án bổ sung ngân sách không được phê duyệt thì việc điều chỉnh mức hỗ trợ sẽ thực hiện theo nguyên tắc (i) Các doanh nghiệp cùng một nhóm thì áp dụng phương pháp điều chỉnh giống nhau, (ii) Điều chỉnh trong phạm vi ngân sách được phân bổ cho từng nhóm. Đối tượng của chính sách dự kiến chia 2 nhóm: Nhóm công nghệ cao thông thường và nhóm chip, mạch tích hợp bán dẫn, AI. Nhóm chip, mạch tích hợp bán dẫn, AI có tiêu chí thấp hơn có thể sẽ thu hút được nhiều dự án đầu tư mới trong thời gian tới, nhu cầu chi hỗ trợ cho nhóm này có thể tăng lên dẫn đến cần bổ sung ngân sách cho Quỹ.

3. Chính sách 3: hỗ trợ chi phí của Quỹ

3.1 Mục tiêu của chính sách

- Khuyến khích thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao thông qua phương thức hỗ trợ bằng tiền từ chi từ Quỹ hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp.

- Khuyến khích tập trung vào các doanh nghiệp có dự án đầu tư quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, quản trị hiện đại, bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

- Đối tượng, mức hỗ trợ đảm bảo tập trung, không dàn trải để tăng tính hiệu quả của chính sách và không ảnh hưởng đến ngân sách nhà nước.

- Chính sách phù hợp với các quy định của OECD để không bị vô hiệu hóa bởi chính sách thuế tối thiểu toàn cầu của OECD. Không vi phạm các cam kết quốc tế.

- Đảm bảo khả thi khi triển khai thực hiện.

3.2 Nội dung của chính sách

(1) Xây dựng tiêu chí và điều kiện xác định các doanh nghiệp thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ.

(2) Xây dựng chính sách hỗ trợ bằng tiền cho các chi phí thực tế đã phát sinh của doanh nghiệp (i) xác định các loại chi phí được hỗ trợ, (ii) các chi phí đủ điều kiện được hỗ trợ, (iii) xác định đối tượng nào được hưởng hỗ trợ chi phí nào.

(3) Xây dựng tỷ lệ hỗ trợ và điều kiện áp dụng với từng mức hỗ trợ.

(4) Xây dựng hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trình tự thủ tục xét duyệt và chi hỗ trợ.

(5) Xây dựng cách xử lý khi đề nghị hỗ trợ vượt quá khả năng chi trả của Quỹ.

3.3 Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn

3.3.1 Về đối tượng

Phạm vi đối tượng cần được cân nhắc dựa trên khả năng ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ hàng năm. Bộ Kế hoạch và đầu tư đã cân nhắc và đề xuất phương án về đối tượng hỗ trợ với 3 nhóm đối tượng như sau tương ứng với nguồn ngân sách cấp sách cấp cho Quỹ như sau:

Thứ nhất, nhóm công nghệ cao bao gồm 04 loại: (i) doanh nghiệp công nghệ cao; (ii) doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao; và (iii) doanh nghiệp có dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (iv) doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm R&D.

Theo các phân tích nêu trên về tính cần thiết và cấp thiết xây dựng quy định này trong bối cảnh mới – OECD áp dụng chính sách thuế tối thiểu toàn cầu là nhằm mục đích duy trì tính hấp dẫn môi trường đầu tư, khuyến khích thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia đầu tư trong các lĩnh vực cần khuyễn khích đầu tư. Để đạt được mục tiêu này nhóm lớn cần hỗ trợ trước mắt là nhóm các đối tượng hoạt động đầu tư công nghệ cao có quy mô lớn, đóng góp lớn cho kinh tế xã hội.

Thứ hai, nhóm doanh nghiệp đầu tư dự án chip, mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI).

Đây là nhóm đối tượng mà không chỉ Việt Nam mà các quốc gia khác trên thế giới cũng đang quan tâm và đẩy mạnh thu hút đầu tư trong lĩnh vực này. Hiện

nay, Bộ Thông tin và Truyền thông đang được Chính phủ giao xây dựng Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045. Mặc dù, lĩnh vực chip, mạch tích hợp bán dẫn và công nghệ trí tuệ nhân tạo đã nằm trong Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Tuy nhiên để có cơ sở thu hút các dự án chip, mạch tích hợp bán dẫn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kiến nghị bổ sung thêm nhóm đối tượng này với các tiêu chí và điều kiện về quy mô vốn đầu tư và doanh thu thấp hơn để cạnh tranh trong quá trình thu hút các dự án thuộc lĩnh vực này trong thời gian tới.

Thứ ba, nhóm doanh nghiệp có dự án thuộc Danh mục dự án tăng trưởng xanh.

Nhóm đối tượng này nhằm khuyến khích đầu tư xanh thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 về thiết lập cơ chế ưu đãi, khuyến khích về đầu tư xanh.

Nguồn ngân sách cấp cho Quỹ để thực hiện hỗ trợ 3 nhóm đối tượng trên cần ưu tiên nhóm đối tượng công nghệ cao. Hỗ trợ cho nhóm chip, mạch tích hợp bán dẫn, AI và nhóm tăng trưởng xanh ngân sách nhà nước cần bổ sung thêm nguồn ngân sách tương ứng ngoài nguồn thu từ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung từ quy định về chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

Tuy nhiên, qua rà soát và đánh giá lại mục tiêu thu hút đầu tư trong tình hình mới và phù hợp với nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết số 110/2023/QH15 Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận thấy: Đối với nhóm đối tượng tăng trưởng xanh¹⁵, theo Quyết định 1658/QĐ-TTg năm 2021 “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050” đặt ra mục tiêu tăng trưởng xanh với phạm vi bao trùm toàn bộ nền kinh tế, trong mọi lĩnh vực vực ngành nghề, địa bàn, lối sống của người dân với định hướng chung “tập trung nỗ lực cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, giảm cường độ phát thải khí nhà kính thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng xanh, bền vững, xây dựng lối sống xanh, đảm bảo quá trình chuyển đổi xanh theo nguyên tắc, bình đẳng, bao trùm, nâng cao năng lực chống chịu trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế”. Như vậy, việc hỗ trợ đối với tăng trưởng xanh cần đánh giá cụ thể về mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ, gắn với tiêu chí kỹ thuật về xanh, đánh giá hiệu quả thu được phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh, đảm bảo không chồng chéo giữa các chính sách hỗ trợ của các bộ ngành, đề xuất ngân sách tổng thể cho tăng trưởng xanh. Do đó, chính sách khuyến khích tăng trưởng xanh cần được nghiên cứu đánh giá và xây dựng chính sách riêng trong thời gian tới.

¹⁵ Tăng trưởng xanh là sự tăng trưởng dựa trên quá trình thay đổi mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế nhằm tận dụng lợi thế so sánh, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc nghiên cứu và áp dụng công nghệ tiên tiến, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng hiện đại để sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giảm phát thải khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần xóa đói giảm nghèo và tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế một cách bền vững

Ngoài ra, hiện nay, Bộ Quốc phòng đang có ý kiến đề xuất bổ sung đối tượng “công nghiệp quốc phòng, an ninh” vì:

(i) Theo Thông báo số 3440/TB-TTKQH ngày 22/3/2024 của Tổng Thư ký Quốc hội thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với việc tiếp thu, giải trình, chỉnh lý dự thảo Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (CNQP, AN và ĐVCN) tại Phiên họp thứ 31 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 15/3/2024, Chủ tịch Quốc hội đã nhấn mạnh một trong nội dung chi ưu tiên của Quỹ hỗ trợ đầu tư là dành cho phát triển CNQP, AN.

(ii) Việc sử dụng Quỹ này cho CNQP, AN là phù hợp mục tiêu xây dựng Quỹ đã được nêu tại dự thảo Tờ trình (hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số ngành, lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư) thể hiện ở các khía cạnh: (1) Doanh nghiệp là cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt phù hợp với đối tượng hỗ trợ của Quỹ này; (2) Lĩnh vực CNQP, AN là lĩnh vực Nhà nước khuyến khích đầu tư; (3) Sử dụng Quỹ này cho CNQP, AN phù hợp với đường lối chủ trương ngoại giao của Đảng.

Liên quan đến vấn đề này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng việc bổ sung đối tượng “công nghiệp quốc phòng, an ninh” trong Quỹ hỗ trợ đầu tư là chưa phù hợp do:

(i) Các ngành, lĩnh vực liên quan đến an ninh, quốc phòng là lĩnh vực có tính chất đặc thù, trong đó một số ngành, lĩnh vực là ngành nghề kinh doanh có điều kiện và hạn chế tiếp cận nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Luật Đầu tư và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Do đó, việc quy định thêm đối tượng này sẽ gây bất bình đẳng cho các doanh nghiệp và không phù hợp với mục tiêu của Quỹ tại Nghị quyết 110/2023/QH15 là ngoài ổn định môi trường đầu tư thì còn khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư.

(ii) Các dự án về an ninh quốc phòng thường có yêu tố bảo mật cao, vì vậy, quy trình thẩm định, xét duyệt có thể rất phức tạp và lại khó đảm bảo được việc bảo mật các thông tin nhạy cảm liên quan đến an ninh quốc phòng.

(iii) Ngoài ra, các chế độ kế toán, báo cáo, kiểm toán của các đơn vị quốc phòng có những đặc thù riêng dẫn đến việc thẩm định đề nghị hỗ trợ đầu tư của các đơn vị công nghiệp quốc phòng sẽ gặp nhiều khó khăn khi xem xét chung trong một cùng quy trình với các doanh nghiệp hoạt động theo Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp.

Do đó, việc hỗ trợ cho các dự án này cần phải được đánh giá và đưa vào một chính sách hỗ trợ khác phù hợp hơn.

Trên cơ sở ý kiến kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp ngày 13/5/2024 về nội dung dự thảo Nghị định và nội dung rà soát trên đây, Bộ Kế hoạch đầu tư đề xuất đối tượng hỗ trợ chi phí của Quỹ sẽ **tập trung vào nhóm đối tượng**

công nghệ cao trong đó riêng đối tượng trong lĩnh vực chip, mạch tích hợp bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ được thiết kế tiêu chí, điều kiện hưởng hỗ trợ ở mức thấp hơn để khuyến khích thu hút riêng các đối tượng này trong thời gian tới.

3.3.2 Về đối tượng cụ thể

Xem xét hỗ trợ đầu tư bao gồm: (i) Doanh nghiệp công nghệ cao; (ii) Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (iii) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao; (iv) Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển.

Lý do đề xuất:

(1) Tiêu chí xác định doanh nghiệp cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao đã được quy định tại pháp luật công nghệ cao, theo đó việc ưu đãi cho những đối tượng này sẽ không gây xáo trộn và tăng thêm nhiều thủ tục hành chính so với quy định hiện tại;

(2) Phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam trong thời gian tới nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam về mặt dài hạn trong chuỗi cung ứng quốc tế nhằm đến việc sản xuất các sản phẩm công nghệ cao made-in-Vietnam. Đặc biệt, là trong các ngành nghề lĩnh vực công nghệ cao đang là xu hướng mới trên thế giới như chip, bán dẫn... khuyến khích, thúc đẩy việc đưa hoạt động nghiên cứu và phát triển về Việt Nam thông qua các trung tâm nghiên cứu và phát triển để nâng cao nền tảng công nghệ gốc, phát triển nhân lực khoa học công nghệ tại Việt Nam.

(3) Phù hợp với tính chọn lọc của chính sách để tập trung nguồn lực nhằm thu hút đầu tư vào một lĩnh vực ưu tiên, tránh hỗ trợ dàn trải, tạo sự đột phá để đảm bảo vị thế cạnh tranh của Việt Nam, hạn chế thấp nhất tác động đến ngân sách nhà nước. Bản thân các sản phẩm và công nghệ thuộc lĩnh vực “công nghệ cao” theo Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành¹⁶ cũng đã tương đối đa dạng, bao gồm cả các lĩnh vực về bán dẫn, điện tử, công nghiệp chế tạo, năng lượng như hydrogen, vật liệu, sinh học, môi trường v.v...theo đó đối tượng áp dụng vừa chọn lọc, lại vừa đủ phổ quát để khuyến khích đầu tư vào các sản phẩm, công nghệ tiên tiến.

(4) Phù hợp với điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên như: (i) Đối với các quy tắc OECD, đối tượng hỗ trợ của chính sách này áp dụng cho tất cả đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng trợ cấp, mà không giới hạn áp dụng đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi Thuế TTTC, không phân biệt dự án đầu tư cũ hay mới. (ii) Đối với các quy định trong các hiệp định WTO và FTA, việc áp dụng cho tất cả doanh nghiệp (không phân biệt áp dụng doanh nghiệp trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài, các công ty xuất khẩu hay công ty bán hàng trong nước) – không bị coi là có “tính riêng biệt” cũng là yếu tố để giúp cho chính sách không bị coi là trợ cấp bị cấm, và không vi phạm nguyên tắc đối xử không công bằng trong các

¹⁶ Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

điều ước, cam kết quốc tế. Yếu tố hỗ trợ theo ngành sản xuất cụ thể không làm phát sinh yếu tố phân biệt đối xử do không đặt ra bất kỳ rào cản tham gia thị trường nào đối với các doanh nghiệp muốn đáp ứng đủ tiêu chí để được hưởng hỗ trợ.

3.3.3. Về tiêu chí và điều kiện

Tiêu chí, điều kiện để xác định được doanh nghiệp nên được tập trung khuyến khích đầu tư, ưu tiên dựa trên các tiêu chí đã được xây dựng trước đó và đưa thêm các tiêu chí nhằm đạt được mục tiêu chính sách đề ra. Một số tiêu chí phản ánh quy mô, hiệu quả hoạt động và đóng góp kinh tế xã hội đưa lựa chọn gồm : Doanh thu, quy mô vốn đầu tư, điều kiện giải ngân vốn đầu tư, số nhân lực, giá trị sản xuất gia tăng (phản ánh mức độ lan tỏa kết nối chuỗi cung ứng).

3.3.3.1. Tiêu chí vốn đầu tư và doanh thu

Các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ đầu tư phải đáp ứng các tiêu chí về vốn đầu tư hoặc doanh thu như sau:

- a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao với doanh thu của dự án từ 20.000 tỷ đồng/năm hoặc quy mô vốn đầu tư của dự án từ 12.000 tỷ đồng.
- b) Doanh nghiệp công nghệ cao đạt doanh thu từ 20.000 tỷ đồng/năm hoặc có dự án đầu tư với quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng.
- c) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao với doanh thu của dự án từ 20.000 tỷ đồng/năm hoặc quy mô vốn đầu tư của dự án từ 12.000 tỷ đồng;
- d) Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển với quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng.

Trường hợp các dự án đầu tư nêu trên thuộc lĩnh chip, mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) cần đạt doanh thu tối thiểu 10.000 tỷ đồng/năm hoặc quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng

Lý do đề xuất:

(1) Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng¹⁷, 12.000 tỷ đồng¹⁸ và 30.000 tỷ đồng¹⁹. Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: (i) thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; (ii) khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư²⁰ (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

(2) Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên

¹⁷ Điều 15 Luật Đầu tư 2020.

¹⁸ Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014)

¹⁹ Điều 20 Luật Đầu tư 2020.

²⁰ Điểm a Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư

20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp²¹. Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam. Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế TTTC được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

(3) Riêng đối với ngành công nghiệp chip bán dẫn được xác định là ngành xương sống của kỷ nguyên công nghệ, chip bán dẫn là thành phần cốt lõi cực kỳ thiết yếu trong không chỉ xe ô tô mà còn máy bay, điện thoại, CPU máy tính, tivi, tủ lạnh và gần như tất cả các thiết bị điện tử khác. Dựa trên những lợi thế hiện có của Việt nam về trữ lượng đất hiếm đứng thứ 2 thế giới bằng 50% trữ lượng đất hiếm của Trung Quốc, Việt Nam là thị trường tiêu thụ chip có tiềm năng trên thế giới với nhiều tập đoàn công nghệ lớn đang hoạt động sản xuất tại Việt nam, lao động tay nghề ngày càng cao... Chính phủ đang đẩy mạnh hợp tác quốc tế thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực này với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng sản xuất bán dẫn toàn cầu. Do đó, trong nhóm đối tượng hoạt động công nghệ cao nêu trên tiêu chí vốn và doanh thu đối với các dự án công nghệ cao trong ngành này được giảm xuống một nửa so với nhóm công nghệ cao nói chung để khuyến khích mạnh mẽ hơn (cụ thể là vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng hoặc doanh thu 10.000 tỷ đồng).

3.3.3.2. Điều kiện về giải ngân vốn đầu tư

Các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ do đáp ứng tiêu chí vốn đầu tư thì còn phải đồng thời thỏa mãn điều kiện về giải ngân như sau:

Dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư từ ngày Dự thảo Nghị định có hiệu lực phải hoàn thành giải ngân tối thiểu 12.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm (đối với dự án đầu tư chip, mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 5.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm) kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

Trong trường hợp dự án đầu tư được cấp trước thời điểm Dự thảo Nghị định có hiệu lực đầu tư tăng thêm vốn từ 12.000 tỷ đồng (6.000 tỷ đồng đối với dự án đầu tư chip, mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI)) trở lên kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thì thời hạn giải ngân được tính từ ngày dự án được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, dự án đầu tư tăng thêm vốn để đạt mức tối thiểu 12.000 tỷ đồng (6.000 tỷ đồng (đối với dự án đầu tư chip, mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI)) thì thời hạn giải ngân tính từ ngày cấp các văn bản trên lần đầu.

²¹ Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng.

Trường hợp dự án đầu tư đã đăng ký vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng (6.000 tỷ đồng đồng đối với dự án đầu tư chip, mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI)) theo Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc các giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương được cấp lần đầu hoặc điều chỉnh trước ngày Dự thảo Nghị định có hiệu lực thì thời hạn hoàn thành giải ngân thực hiện theo các văn bản đã được cấp.

Dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển hoàn thành giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương.

Lý do đề xuất:

(1) Đối với tiêu chí về giải ngân, theo quan sát, đã có nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư theo chi phí để thu hút các dự án đầu tư lớn, như Indonesia với dự án của LG Chemical, Ba Lan với dự án của Intel, Malaysia với dự án của Tập đoàn bán dẫn AT&S của Áo, hay Mỹ với dự án của Vinfast. Thông tin hiện tại chưa được công bố về việc các quốc gia này thực hiện giải ngân thế nào, không loại trừ trường hợp giải ngân một khoản tiền lớn từ ban đầu thay vì theo từng năm. Tuy nhiên, với điều kiện của Việt Nam thì việc giải ngân khoản tiền lớn ngay từ khi nhà đầu tư đăng ký dự án đầu tư ban đầu là rất khó, gây rủi ro vượt quá năng lực tài chính của quỹ. Theo đó, hỗ trợ trên chi phí đều theo nguyên tắc chi trước – hỗ trợ sau có nghĩa là doanh nghiệp thực hiện các khoản chi phí trong năm rồi mới được nhà nước hỗ trợ theo từng năm.

(2) Có hai loại chi phí được hỗ trợ trước khi doanh nghiệp hoàn thành giải ngân là hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội. Đây là loại hỗ trợ không chỉ mang tính chất hỗ trợ cho doanh nghiệp mà còn gián tiếp hỗ trợ nâng cao trình độ, tay nghề và mang lại phúc lợi cho người lao động Việt Nam, theo đó mang lại lợi ích lâu dài cho Việt Nam. Mặc dù được chi hỗ trợ trước khi hoàn thành giải ngân theo tiến độ nhưng doanh nghiệp vẫn cần đảm bảo hoàn thành giải ngân theo quy định tại Nghị định này. Khi hậu kiểm nếu không đáp ứng điều kiện giải ngân doanh nghiệp phải hoàn trả lại ưu đãi.

(3) Điều kiện giải ngân vốn đầu tư nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiêm túc, có tiềm lực tài chính, hoàn thành giải ngân nhanh và đi vào hoạt động sớm. Những doanh nghiệp này sẽ nhanh chóng đi vào ổn định sản xuất và sớm có đóng góp kinh tế xã hội cho Việt nam. Quy định điều kiện về quy mô vốn đầu tư và điều kiện giải ngân cũng khuyến khích các doanh nghiệp mở rộng đầu tư để đạt quy mô vốn và tiến độ giải ngân để được hưởng hỗ trợ. Theo quy định, các trường hợp dự án đã đăng ký trước ngày Dự thảo Nghị định có hiệu lực mà chưa đạt mức vốn đầu tư 12.000 tỷ đồng (6.000 tỷ đồng đối với ngành công nghiệp chip bán dẫn) nếu điều chỉnh tăng vốn đầu tư để đạt mức 12.000 tỷ đồng (6.000 tỷ đồng đối với ngành công nghiệp chip bán dẫn) hoặc đầu tư thêm 12.000 tỷ đồng trở lên (6.000 tỷ đồng đối với ngành công nghiệp chip bán dẫn) cũng thuộc đối tượng được hỗ trợ nếu đáp ứng điều kiện về thời hạn giải ngân

3.3.3.3. Điều kiện về tuân thủ pháp luật

Doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ phải không có các khoản nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

3.3.4. Về hạng mục hỗ trợ chi phí của Quỹ

Hỗ trợ một phần cho các chi phí đã thực tế phát sinh của doanh nghiệp bao gồm: (i) Hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển; (iii) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định; (iv) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (v) Hỗ trợ chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội;

Lý do đề xuất:

(1) Việc lựa chọn các khoản chi phí được hỗ trợ dựa trên một số tiêu chí sau:

(i) Phù hợp với mục tiêu của chính sách hỗ trợ đầu tư cho ngành công nghệ cao, có tính đột phá, tập trung vào các chi phí thiết yếu trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp để thúc đẩy sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao; (ii) Mang tính hỗ trợ nguồn lực đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam về bản chất kinh tế, phù hợp với định hướng phát triển; (iii) Phù hợp với thông lệ quốc tế, dựa trên tham khảo kinh nghiệm các quốc gia khác trên thế giới; (iv) Mang tính chọn lọc, phù hợp với tình hình ngân sách.

(2) Về 05 hạng mục hỗ trợ chi phí nêu trên được quyết định vì đáp ứng được các tiêu chí nêu trên, cụ thể:

- *Phù hợp với mục tiêu chính sách:* các khoản chi hoàn toàn phù hợp và mang tính thiết thực với các doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực công nghệ cao, cụ thể:

+ Loại hình **(i)** hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và **(ii)** hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển: phù hợp với tình hình thực tế của các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ cao phải chi trả các khoản chi phí để đào tạo, phát triển nhân lực, và thực hiện các hoạt động nghiên cứu phát triển.

+ Loại hình **(iii)** hỗ trợ chi phí đầu tư tài sản cố định và **(iv)** hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao: là các khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp, theo đó có tính khuyến khích, hỗ trợ thiết thực để doanh nghiệp giảm chi phí, nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh với lĩnh vực công nghệ cao;

+ Loại hình **(v)** hỗ trợ chi phí đầu tư các hệ thống công trình hạ tầng xã hội thì người lao động sẽ được hưởng lợi nhiều hơn khi được đảm bảo về chất lượng đời sống sinh hoạt.

- *Mang tính đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam:* Các khoản chi phí đầu tư mang lợi ích kinh tế thực chất có thể bao gồm chi phí đầu tư vào các tài sản hữu hình như nhà xưởng, máy móc thiết bị, chi phí nhân công. Bản thân OECD trong quy định Trụ cột 2 cũng đưa ra khái niệm về khoản khấu trừ thu nhập theo hoạt động kinh tế thực chất (“SBIE” – Substance based income exclusion) được trừ ra khỏi thu nhập khi tính toán thuế nộp bổ sung. Như vậy, trường hợp Việt Nam có

cơ chế ưu đãi chi phí đối với chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản hữu hình và chi phí phát triển nguồn nhân lực thì cũng sẽ phù hợp với tinh thần của OECD trong việc khuyến khích đầu tư thực chất nêu trên. Bên cạnh đó, việc khuyến khích chi phí nghiên cứu và phát triển cũng phù hợp với định hướng phát triển của quốc gia.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới: Các quốc gia đang phát triển có tiền lệ ưu đãi theo chi phí có thể kể đến Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, bao gồm cơ chế về hỗ trợ chi phí đầu tư vào nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công nghệ và nghiên cứu phát triển, trong đó nổi bật là bộ 3 chính sách khuyến khích sản xuất điện tử của Ấn Độ, chính sách RIC hỗ trợ đầu tư trên chi phí của Singapore, và chính sách theo Đạo Luật Tăng cường cạnh tranh của Thái Lan nhằm khuyến khích nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Các quốc gia phát triển cũng rất phổ biến hình thức đầu tư theo chi phí đối với nghiên cứu phát triển (như Vương quốc Anh, Ireland, Ba Lan, Pháp, v.v...), ưu đãi chi phí hoạt động, ưu đãi chi phí vốn (Ba Lan, Hungary, Singapore, v.v...). Như vậy 05 khoản chi phí được đưa ra theo Nghị quyết là hoàn toàn phù hợp và có tiền lệ áp dụng tại các quốc gia trên thế giới. Đồng thời, cũng chưa xảy ra trường hợp khiếu kiện về vi phạm cam kết quốc tế với các hình thức này.

- Mang tính chọn lọc, phù hợp ngân sách, tránh trùng lặp các khoản chi đã có nguồn kinh phí hỗ trợ khác: 05 khoản chi phí được đưa ra có tính chọn lọc, sát với thực tế, dễ xác định và kiểm soát khi thực thi, theo đó giúp kiểm soát bội chi ngân sách. Trong khi đó, một số hình thức ưu đãi khác được đề cập tại Điều 18 Luật Đầu tư (ví dụ: chi phí chuyển giao công nghệ thì đã được hỗ trợ theo quy định của pháp luật về công nghệ, được bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ riêng từ các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, theo đó nếu đưa vào thì sẽ gây trùng lặp, ảnh hưởng đến ngân sách hỗ trợ). Do đó, đề xuất chỉ tập trung ngân sách để hỗ trợ cho 05 hình thức (i) Hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (ii) Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển; (iii) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định; (iv) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (v) Chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội. Một số hạng mục chi phí (i), (ii), (v) đã có trong Điều 18 Luật đầu tư, tuy nhiên qua rà soát việc hỗ trợ bằng tiền cho các chi phí này chưa có quy định chi tiết và do vướng luật ngân sách nhà nước - chưa có quy định chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp không có yếu tố nhà nước - nên việc triển khai các hình thức hỗ trợ này bằng tiền cho doanh nghiệp trên thực tế là chưa hiệu quả.

- Phù hợp với điều ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên như: (i) các cam kết WTO do hỗ trợ chi phí là hình thức hỗ trợ dựa trên chi phí mà doanh nghiệp đã thực hiện, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu (không phải là trợ cấp xuất khẩu), điều này giúp hạn chế rủi ro hình thức hỗ trợ này bị coi là một loại trợ cấp bị cấm. Ngoài ra, khả năng cao một chương trình trợ cấp dựa trên chi phí nghiên cứu và phát triển, đầu tư tài sản cố định, đào tạo, đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội khó có gây tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích cho các nước thành viên khác do đó nguy cơ về trợ cấp có thể bị khiếu kiện là thấp.

3.3.5. Về phương thức hỗ trợ

Phương thức: Chi hỗ trợ trực tiếp bằng tiền cho doanh nghiệp được hỗ trợ.

Lý do đề xuất

Có hai phương thức hỗ trợ phù hợp với quy định của OECD là Chi trực tiếp bằng tiền hoặc phương thức Cán trừ với nghĩa vụ thuế đạt chuẩn (QRTC). Tuy nhiên, phương thức cản trừ vào nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp được đánh giá là khó thực hiện do cơ chế phân cấp ngân sách địa phương, trung ương không thực hiện được bù trừ và cơ chế bù trừ chưa được quy định trong quản lý thuế.

3.3.6. Về các chi phí đủ điều kiện được hỗ trợ

Đối với mỗi hình thức hỗ trợ trên từng loại chi phí sẽ xây dựng quy định để xác định phạm vi chi phí đủ điều kiện được hỗ trợ.

(1) Chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: bao gồm các chi phí đào tạo, chi phí hỗ trợ đào tạo, chi phí đào tạo khác.

(2) Chi phí nghiên cứu phát triển: bao gồm chi thường xuyên cho hoạt động nghiên cứu phát triển, chi đào tạo nhân lực nghiên cứu phát triển, chi hợp tác nghiên cứu, chi phí bản quyền, chi khấu hao đầu tư cơ sở hạ tầng, chi phí nghiên cứu phát triển khác và các chi phí nghiên cứu phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn.

(3) Chi phí đầu tư tài sản cố định: bao gồm chi đầu tư tài sản cố định tăng thêm trong năm xét hỗ trợ: Nguyên giá của tài sản cố định tăng thêm trong năm tài chính.

(4) Chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao: Tính trên phần giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao tại Việt Nam.

Phạm vi từng loại chi phí sẽ được quy định chi tiết trong dự thảo Nghị định.

Lý do đề xuất

Đây là nội dung quan trọng, là căn cứ tính toán ra mức hỗ trợ cho doanh nghiệp nên cần quy định chi tiết để làm căn cứ tính toán và kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ.

3.3.7. Về mức hỗ trợ và điều kiện tương ứng với từng mức hỗ trợ

(1) Mức hỗ trợ tối đa cho chi phí nghiên cứu phát triển được xác định trên tỷ lệ hỗ trợ tối đa áp dụng cho từng loại đối tượng như sau:

Bậc	Phần chi phí nghiên cứu và phát triển đã chi trong năm tài chính (tỷ đồng)	DN CNC/ứng dụng CNC (%)	DN sản xuất sản phẩm CNC (%)	Trung tâm R&D (%)
1	Đến 120	xx	xx	xx
2	Từ 120 đến 240	xx	xx	xx
3	Trên 240	xx	xx	xx

(2) Mức hỗ trợ tối đa cho chi phí đầu tư tài sản cố định được xác định trên tỷ lệ hỗ trợ tối đa áp dụng cho từng loại đối tượng như sau:

Bậc	Giá trị nguyên giá của TSCĐ đầu tư tăng thêm trong năm tài chính (tỷ đồng)	DN CNC/ứng dụng CNC (%)	DN sản xuất SP phẩm CNC (%)
1	Đến 120	xx	xx
2	Từ 120 đến 240	xx	xx
3	Trên 240	xx	xx

Giá trị tài sản cố định đầu tư thêm là khoản hỗ trợ có giá trị lớn dựa trên nguyên giá của tài sản cố định đầu tư thêm do đó để đảm bảo khả năng chi trả của ngân sách nên nghiên cứu đưa ra một mức trần hàng năm dựa trên tổng vốn đầu tư đăng ký x% trên tổng vốn đầu tư.

(3) Mức hỗ trợ tối đa cho chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao được xác định trên tỷ lệ hỗ trợ tối đa áp dụng cho từng loại đối tượng như sau:

Đối tượng	Mức hỗ trợ 1 (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng (Khi đáp ứng các điều kiện chung)	Mức hỗ trợ 2 (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng (Nếu đáp ứng điều kiện cao về doanh thu, nhân lực, giá trị sản xuất gia tăng.)
DNCNC, DN có dự án UD CNC	xx	xx
DN sản xuất sản phẩm CNC	xx	xx

(4) Mức hỗ trợ tối đa cho chi phí đào tạo, chi phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội quy định một tỷ lệ cố định áp dụng cho tất cả các đối tượng.

(5) Việc xác định tỷ lệ cụ thể sẽ được tính toán cụ thể khi xây dựng nội dung chi tiết Nghị định. Đồng thời, trong quá trình thực hiện, tỷ lệ hỗ trợ cần được đánh giá tính phù hợp và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế²².

Lý do để xuất:

(1) Để đảm bảo không ảnh hưởng đến ngân sách, mức hỗ trợ chỉ quy định mức tối đa mà doanh nghiệp có thể nhận được. Tùy theo tình hình ngân sách từng năm mà mức hỗ trợ nhận được có thể bằng hoặc thấp hơn mức tối đa.

(2) Mức hỗ trợ tối đa cần được quy định cho từng loại chi phí được hỗ trợ. Mức hỗ trợ đối với mỗi loại chi phí sẽ quy định mức khác nhau với các đối tượng khác nhau.

²² Có thể 3 năm điều chỉnh tỷ lệ một lần

(3) Mức hỗ trợ có thể chia mức khác nhau đối với từng bậc chi phí phát sinh khác nhau nhằm khuyễn khích các doanh nghiệp đầu tư vào các hoạt động cần khuyễn khích.

(4) Quy định thêm các điều kiện về mức độ đáp ứng tiêu chí để phân loại đối tượng theo nguyên tắc mức độ đáp ứng tiêu chí cao sẽ được hưởng mức hỗ trợ cao.

(5) Mức hỗ trợ tối đa cho chi phí đào tạo, chi phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng xã hội quy định một tỷ lệ cố định áp dụng cho tất cả các đối tượng do khoản hỗ trợ này ngoài mục đích hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp còn mang tính chất hỗ trợ để đem lại phúc lợi cho người lao động.

3.3.8. Về hồ sơ, trình tự, thủ tục xét duyệt và chi hỗ trợ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục xét duyệt và chi hỗ trợ được xây dựng chi tiết trong dự thảo Nghị định đảm bảo đầy đủ, chính xác và minh bạch và dễ thực hiện.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành văn bản

- Từ nguồn ngân sách trung ương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến văn bản: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến nội dung văn bản và các quy định liên quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của văn bản kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong văn bản, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện văn bản.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ dự kiến tiến độ của dự án xây dựng Nghị định của Chính phủ về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư như sau:

- Chính phủ thông qua đề nghị xây dựng Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư trong tháng 6 năm 2024.

- Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội về nội dung tại Nghị định vào tháng 6 năm 2024. Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ hoàn thiện và trình Chính phủ thông qua Nghị định vào tháng 7 năm 2024.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Lê Minh Khái (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, ĐTNN_{DA}.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Số: /2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ ĐỊNH**VỀ THÀNH LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư (sau đây gọi tắt là Quỹ) và các chính sách hỗ trợ chi phí của Quỹ đối với doanh nghiệp hoạt động đầu tư công nghệ cao.

2. Nghị định này áp dụng đối với Quỹ, các doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hỗ trợ chi phí* là biện pháp hỗ trợ tài chính của nhà nước đối với doanh nghiệp cho một phần chi phí doanh nghiệp thực tế phát sinh đủ điều kiện nhận hỗ trợ.

2. Năm tài chính là kỳ kế toán năm được xác định theo pháp luật về kế toán.
 3. Giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao theo quy định tại Nghị định này được xác định bằng Giá vốn toàn bộ sản phẩm công nghệ cao bán ra (không bao gồm phí bản quyền, phí chuyển giao công nghệ phải trả cho bên nước ngoài) trừ đi chi phí nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu từ nước ngoài trong năm tài chính (không bao gồm nguyên vật liệu nhập khẩu hoặc nhập khẩu tại chỗ có Chứng nhận xuất xứ Việt Nam theo quy định hiện hành) xác định theo sổ kế toán và báo cáo tài chính đã được kiểm toán.
 4. Tỷ lệ giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao theo quy định tại Nghị định này được xác định bằng giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao theo quy định tại Khoản 3 điều này trên giá vốn toàn bộ sản phẩm công nghệ cao.
- 5. Dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển....**

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng chính sách hỗ trợ chi phí của Quỹ

1. Doanh nghiệp cùng lúc thỏa mãn các điều kiện của các hạng mục hỗ trợ chi phí khác nhau thì được áp dụng kết hợp các hạng mục hỗ trợ chi phí có lợi nhất.
2. Doanh nghiệp đáp ứng điều kiện hưởng hỗ trợ chi phí thực tế ở mức nào thì hưởng hỗ trợ chi phí ở mức đó.
3. Doanh nghiệp tự kê khai và chịu trách nhiệm về các số liệu, thông tin trong Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí. Trường hợp doanh nghiệp không thực tế đáp ứng các tiêu chí, điều kiện hưởng hỗ trợ chi phí thì phải bồi hoàn lại số tiền hỗ trợ đã nhận từ nhà nước nhiều hơn so với mức đáp ứng thực tế cộng với mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân của bình quân 3 Ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước công bố tại thời điểm bồi hoàn.
4. Tiền hỗ trợ từ Quỹ không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp.
5. Tỷ lệ hỗ trợ các loại chi phí được quy định tại Chương III của Nghị định này sẽ được Chính phủ xem xét điều chỉnh theo chu kỳ 3 năm một lần kể từ năm đầu tiên áp dụng chính sách tại Chương III.
6. Đối với chính sách hỗ trợ chi phí tại Chương III của Nghị định này, doanh nghiệp có quyền đề xuất mức hỗ trợ chi phí theo tỷ lệ hỗ trợ tối đa đối với từng loại chi phí. Căn cứ vào ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ, Quỹ sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định chi hỗ trợ theo mức đề xuất của doanh nghiệp hoặc mức khác phù hợp với ngân sách được cấp hàng năm.

CHƯƠNG II

QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ VÀ HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân của Quỹ hỗ trợ đầu tư

1. Quỹ Hỗ trợ đầu tư là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc Bộ Tài chính/Bộ Kế hoạch và Đầu tư, do Chính phủ thành lập và hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ quy định tại Nghị định này.

2. Quỹ Hỗ trợ đầu tư có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

Điều 5. Nguyên tắc, mục tiêu hoạt động của Quỹ

1. Nguyên tắc hoạt động

- a) Quỹ hoạt động theo nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận.
- b) Quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ.
- c) Quỹ hỗ trợ đúng đối tượng đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Mục tiêu hoạt động

- a) Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn đa quốc gia đầu tư tại Việt Nam trong công nghệ cao;
- b) Ôn định môi trường đầu tư.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Nhiệm vụ của Quỹ

- a) Cơ quan thường trực của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư (nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, báo cáo cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư...);
- b) Lập dự toán NSNN hằng năm, đề nghị bổ sung ngân sách (nếu cần);
- c) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản, các nguồn ngân sách hoạt động được ngân sách nhà nước, các nguồn kinh phí nhận viện trợ, tài trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để tạo nguồn tài chính hỗ trợ chi phí;
- d) Hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp theo phương thức quy định tại Nghị định;
- đ) Thực hiện chế độ báo cáo, kê toán, quyết toán theo quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Quyền hạn của Quỹ

- a) Tổ chức và hoạt động theo đúng nguyên tắc và mục tiêu hoạt động của Quỹ;
- b) Tiếp nhận các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền và hiện vật cho Quỹ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- d) Được sử dụng nguồn vốn của Quỹ để tài trợ, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định này
- đ) Được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại ;
- e) Được sử dụng ngân sách nhàn rỗi của Quỹ để gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại

Điều 7. Cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ

1. Bộ máy quản lý Quỹ sử dụng cán bộ, công chức của Bộ Tài chính/Bộ Kế hoạch và đầu tư, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm thông qua Cơ quan điều hành Quỹ.
2. Cơ quan điều hành Quỹ do Bộ trưởng Bộ Tài Chính/Bộ Kế hoạch và đầu tư quyết định thành lập, bao gồm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và một số thành viên.

Điều 8. Ngân sách hoạt động của Quỹ

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ vào tháng 01 hàng năm bao gồm từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn ngân sách nhà nước khác.

2. Các nguồn ngoài ngân sách nhà nước:

a) Lãi tiền gửi.

b) Các khoản cho tặng, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

c) Các nguồn ngân sách nhà nước khác (nếu có).

3. Nguồn tồn dư Quỹ hàng năm.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ của Quỹ

Quỹ chi trực tiếp bằng tiền để hỗ trợ chi phí theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Điều 10. Quản lý tài chính của Quỹ

1. Lập kế hoạch tài chính:

Quỹ Lập kế hoạch tài chính hoặc đề xuất bổ sung dự toán, căn cứ số thực nộp năm trước và số ước tính trong năm của thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và nhu cầu đề nghị hỗ trợ của từng nhóm đối tượng bao gồm nhóm công nghệ cao, nhóm chip bán dẫn và nhóm tăng trưởng xanh, Quỹ xây dựng kế hoạch hỗ trợ gửi Bộ Tài chính tổng hợp chung trong dự toán hàng năm, trình cấp thẩm quyền quyết định.

2. Quỹ thực hiện chế độ báo cáo, kế toán, quyết toán, công khai, minh bạch tài chính Quỹ theo quy định tại Nghị định này, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan khác.

3. Quỹ chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán về các hoạt động tài chính của các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính và Kiểm toán nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Hàng năm, số tiền Quỹ chưa chi hết cho năm tài chính sẽ được kết chuyển và chi trả trong năm sau.

Điều 11. Tổ chức và quyền hạn của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư

1. Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định thành lập.

2. Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và các thành viên khác của Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng là đại diện lãnh đạo các bộ: Tài chính, Khoa học và Công nghệ và các Bộ ngành, các cơ quan liên quan do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định theo đề nghị của Quỹ hỗ trợ đầu tư. Quỹ là cơ quan thường trực của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu

3. Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư có quyền hạn chính là phê duyệt đề nghị hỗ trợ đầu tư.

4. Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư làm việc theo chế độ tập thể dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng.

5. Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư xem xét và phê duyệt mức hỗ trợ đầu tư theo các nguyên tắc sau:

- a) Trường hợp tổng mức đề nghị hỗ trợ trong phạm vi năng lực tài chính của Quỹ tại năm thực hiện chi hỗ trợ, Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư phê duyệt đề xuất của Quỹ hỗ trợ đầu tư theo mức đề nghị của Doanh nghiệp đã được thẩm định.
- b) Trường hợp tổng mức đề nghị hỗ trợ vượt quá phạm vi năng lực tài chính của Quỹ tại năm thực hiện chi hỗ trợ, Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư giao Quỹ hỗ trợ đầu tư thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính đề xuất Thủ tướng chính phủ bổ sung thêm ngân sách từ nguồn ngân sách phù hợp của Chính phủ để thực hiện chi trả.
- (i) Trường hợp được bổ sung ngân sách, Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư ban hành Quyết định xét duyệt hỗ trợ đầu tư.
- (ii) Trường hợp không được bổ sung ngân sách, Hội đồng xét duyệt quyết định điều chỉnh giảm số tiền hỗ trợ doanh nghiệp đã đề nghị và được thẩm định. Việc điều chỉnh được thực hiện cho từng nhóm đối tượng theo các tỷ lệ dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả của từng dự án đầu tư hoặc điều chỉnh giảm theo cùng một tỷ lệ cho tất cả các doanh nghiệp trong cùng một nhóm, đảm bảo tổng số tiền hỗ trợ trong phạm vi ngân sách của Quỹ phân bổ cho từng nhóm đối tượng đó.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư

Xem xét phê duyệt kế hoạch xét duyệt, quyết định triệu tập các cuộc họp Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư, chủ trì các phiên họp và các nhiệm vụ khác

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư

Nhiệm vụ chính là xem xét các nội dung của hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên quan đến các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan минh phụ trách và về những vấn đề chung khác theo kế hoạch xét duyệt của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư.

Điều 14. Gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại đối với nguồn ngân sách tạm thời nhàn rỗi của Quỹ

Tiền gửi có kỳ hạn được thực hiện theo nguyên tắc và quy trình thủ tục đảm bảo có đánh giá lựa chọn ngân hàng có mức lãi suất cao và đảm bảo chính xác, minh bạch.

Chương III CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

Điều 15. Hạng mục và đối tượng áp dụng hỗ trợ chi phí

1. Hạng mục hỗ trợ chi phí của Quỹ bao gồm:
 - a) Hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
 - b) Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển
 - c) Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định
 - d) Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao

e) Hỗ trợ chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội.

2. Đối tượng được hưởng hỗ trợ chi phí bao gồm:

a) Doanh nghiệp công nghệ cao.

b) Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao.

c) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao.

d) Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển.

Điều 16. Tiêu chí và điều kiện hỗ trợ đầu tư

1. Các doanh nghiệp tại các điểm a, b, và c khoản 2 Điều 15 Nghị định này phải đáp ứng điều kiện sau:

a) Có dự án đạt quy mô vốn trên 12.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng/năm. Trường hợp đầu tư trong lĩnh vực chip, mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) thì dự án có quy mô vốn tối thiểu 6.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu tối thiểu 10.000 tỷ đồng/năm.

b) Doanh nghiệp thuộc diện được hưởng hỗ trợ theo kiều kiện về quy mô vốn đầu tư phải hoàn thành giải ngân tối thiểu 12.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp, điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp đầu tư trong lĩnh vực chip, mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) thì hoàn thành giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 5.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp, điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Các doanh nghiệp tại điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định này phải đáp ứng điều kiện sau:

a) Dự án có quy mô vốn tối thiểu 6.000 tỷ đồng hoặc đạt doanh thu tối thiểu 10.000 tỷ đồng/năm.

b) Doanh nghiệp thuộc diện được hưởng hỗ trợ theo điều kiện về quy mô vốn đầu tư phải hoàn thành giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 05 năm hoặc 5.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp, điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Các doanh nghiệp tại điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định này phải đáp ứng điều kiện sau:

a) Có quy mô vốn đầu tư trên 3.000 tỷ đồng

b) Hoàn thành giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có giá trị tương đương.

4. Các doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này phải không có các khoản nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ.

Điều 17. Hỗ trợ chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

1. Các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này được hỗ trợ tối đa xx% đối với chi phí doanh nghiệp thực tế đã chi trong năm cho hoạt động đào tạo phát triển nguồn nhân lực là người lao động Việt Nam trên cơ sở hồ sơ xin hỗ trợ hợp lệ được phê duyệt.

2. Phạm vi chi phí được hỗ trợ bao gồm:

a) Chi đào tạo dài hạn hoặc ngắn hạn ở trong nước, ở nước ngoài.

b) Chi hỗ trợ đào tạo.

c) Các chi phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khác.

3. Hỗ trợ này áp dụng cả trong trường hợp dự án đang trong quá trình thực hiện đầu tư chưa hoàn thành giải ngân theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Điều 18. Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển

1. Các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này được hỗ trợ theo tỷ lệ dưới đây đối với chi phí doanh nghiệp thực tế đã chi trong năm cho hoạt động nghiên cứu và phát triển trên cơ sở hồ sơ xin hỗ trợ hợp lệ được phê duyệt.

Tỷ lệ hỗ trợ tối đa cho chi phí nghiên cứu phát triển áp dụng cho từng đối tượng
này sau

Bậc	Phần chi phí nghiên cứu và phát triển đã chi trong năm tài chính (tỷ đồng)	DNCNC, DN có dự án ứng dụng CNC (%)	DN có dự án trung tâm R&D (%)	DN có dự án sản xuất sản phẩm CNC trung tâm R&D (%)
1	Đến 120	xx	xx	xx
2	Từ 120 đến 240	xx	xx	xx
3	Trên 240	xx	xx	xx

2. Cách tính hỗ trợ: số tiền hỗ trợ đầu tư là tổng số tiền tính theo từng bậc hỗ trợ. Số tiền tính theo từng bậc hỗ trợ bằng chi phí trong bậc hỗ trợ nhân (x) với tỷ lệ hỗ trợ tương ứng của bậc hỗ trợ đó.

3. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm Các chi phí theo quy định của Luật Công nghệ cao, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn cho từng đối tượng tương ứng.

Điều 19. Hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định

1. Các doanh nghiệp được hỗ trợ chi phí đầu tư tạo tài sản cố định theo tỷ lệ tại khoản 4 Điều này tính trên nguyên giá của tài sản cố định mà doanh nghiệp thực tế đã đầu tư tăng thêm trong năm đề nghị hỗ trợ.

Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp hàng năm được tính toán theo quy định tại khoản 4 Điều này nhưng số tiền hỗ trợ tối đa trong một năm không vượt quá xx% tổng vốn đầu tư đăng ký trên Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của các dự án công nghệ cao theo quy định tại Nghị định này.

2. Tài sản cố định tăng thêm được hỗ trợ phải cam kết sử dụng cho hoạt động kinh doanh trong công nghệ cao của doanh nghiệp ít nhất 3 năm.

3. Số tiền hỗ trợ đầu tư là tổng số tiền tính theo từng bậc hỗ trợ. Số tiền tính theo từng bậc hỗ trợ bằng chi phí trong bậc hỗ trợ nhân (x) với tỷ lệ hỗ trợ tương ứng của bậc hỗ trợ đó.

Tỷ lệ hỗ trợ tối đa áp dụng cho từng loại đối tượng như sau:

Bậc	Giá trị nguyên giá của TSCĐ đầu tư tăng thêm trong năm tài chính (tỷ đồng)	DNCNC và DN ứng dụng CNC (%)	DN sản xuất sản phẩm CNC (%)
1	Đến 120	xx	xx
2	Từ 120 đến 240	xx	xx
3	Trên 240	xx	xx

Điều 20. Hỗ trợ chi phí sản xuất sản phẩm công nghệ cao

Các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này được hỗ trợ như sau

Áp dụng đối với DNCNC, DN có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm CNC		Áp dụng đối với DN có dự án ứng dụng CNC	
Mức hỗ trợ (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng	Mức hỗ trợ (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng	Mức hỗ trợ (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng	Mức hỗ trợ (%) trên Giá trị sản xuất gia tăng
xx	xx	xx	xx
Nếu đáp ứng điều kiện chung	Nếu đáp ứng điều kiện cao về doanh thu, nhân lực, giá trị sản xuất gia tăng.	Nếu đáp ứng điều kiện chung	Nếu đáp ứng điều kiện cao về doanh thu, nhân lực, giá trị sản xuất gia tăng.

2. Sản phẩm công nghệ cao được áp dụng tại điều này bao gồm các sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển và các sản phẩm được tạo ra từ công nghệ thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 21. Hỗ trợ chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội

1. Các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này được hỗ trợ tối đa xx% đối với các loại chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội.

2. Phạm vi chi phí được hỗ trợ bao gồm: tất cả các khoản chi phí trực tiếp cho việc đầu tư các công trình: y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, cây xanh, công viên và công trình khác theo quy định về công trình hạ tầng xã hội của pháp luật về xây dựng, phục vụ cho dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ.

3. Việc đề xuất hỗ trợ chi phí đầu tư hệ thống công trình hạ tầng xã hội được áp dụng cả trong trường hợp dự án đang trong quá trình thực hiện đầu tư và chưa hoàn thành giải ngân theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

Điều 22. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ bao gồm:

1. Đơn đề nghị hưởng hỗ trợ chi phí .
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.
3. Quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.
4. Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, Giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao, Giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.
5. Báo cáo tình hình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư và thuế trong giai đoạn đề nghị hỗ trợ chi phí.
6. Báo cáo tài chính của năm đề nghị hỗ trợ đã được kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán độc lập.
7. Đề xuất hình thức hỗ trợ, mức hỗ trợ, căn cứ xác định mức hỗ trợ.
8. Tài liệu khác có liên quan .

Điều 23. Nội dung thẩm định đề nghị hỗ trợ chi phí

1. Đánh giá sự phù hợp với tiêu chí và điều kiện của đối tượng được hưởng hỗ trợ.
2. Đánh giá sự phù hợp với các nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ đầu tư.
3. Đánh giá sơ bộ về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;
4. Đánh giá tiêu chí đáp ứng các điều kiện để xác định mức hỗ trợ đầu tư.
5. Đánh giá sơ bộ sự phù hợp giữa chi phí hỗ trợ mà doanh nghiệp đề xuất và hạng mục hỗ trợ chi phí .

Điều 24. Trình tự và thủ tục thẩm định đề nghị hỗ trợ chi phí

1. Doanh nghiệp nộp đề nghị hỗ trợ đầu tư về Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
2. Cơ quan điều hành Quỹ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến Bộ, ngành và địa phương có liên quan đến đến các nội dung thẩm định.
3. Cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
4. Trên cơ sở các Hồ sơ đề xuất hỗ trợ đầu tư của các doanh nghiệp và ý kiến góp ý của các Bộ ngành và địa phương, Cơ quan điều hành Quỹ tổng hợp và thẩm định các khoản hỗ trợ do doanh nghiệp đề nghị và gửi cho Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư.
5. Trên cơ sở kết quả thẩm định hỗ trợ đầu tư, Hội đồng ban hành văn bản phê duyệt hỗ trợ đầu tư và gửi cho Quỹ hỗ trợ đầu tư thực hiện.
6. Quỹ hỗ trợ đầu tư kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và ra thông báo cho từng doanh nghiệp.

7. Kho bạc Nhà nước thanh toán tiền hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp và hạch toán ngân sách nhà nước theo quy định.

8. Doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng tài khoản theo quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước để thực hiện thanh toán hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Điều 25. Lựa chọn tư vấn hỗ trợ xét duyệt hồ sơ

1. Trường hợp cần thiết phải lựa chọn nhà thầu tư vấn hỗ trợ thẩm định hồ sơ, Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư quyết định việc thuê nhà thầu tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm theo quy định pháp luật để thực hiện công việc tư vấn.

2. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm của bộ, ngành trung ương và cơ quan địa phương

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm hỗ trợ đầu tư.

b) Hướng dẫn việc quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động và chế độ chính sách đối với người trong bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ.

c) Có ý kiến chấp thuận đối với kế hoạch hoạt động 05 năm, hàng năm của Quỹ.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành và cơ quan có liên quan đánh giá các tỷ lệ hỗ trợ quy định tại Nghị định này, báo cáo đề xuất Chính phủ quyết định điều chỉnh nếu cần thiết.

d) Hướng dẫn việc tiếp nhận tài trợ và đóng góp của Quỹ.

e) Đánh giá kết quả hoạt động, hiệu quả hoạt động của Quỹ; đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong quản lý, điều hành của người quản lý.

2. Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ.

b) Xác định nguồn thu dự kiến của Quỹ từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu; nghiên cứu khả năng cân đối ngân sách trung ương để bổ sung nguồn lực cho các hoạt động hỗ trợ của Quỹ; cân đối, bố trí dự toán chi ngân sách trung ương hàng năm cho Quỹ hỗ trợ đầu tư để hỗ trợ chi phí cho các doanh nghiệp.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan chuyên môn khác bổ sung sửa đổi, bổ sung các thủ tục, văn bản có liên quan.

4. Các Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thẩm định và có ý kiến về Hồ sơ đề xuất hỗ trợ theo chức năng, nhiệm vụ; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hỗ trợ đầu tư theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ.

Điều 27. Trách nhiệm của doanh nghiệp nhận hỗ trợ của Quỹ

1. Sử dụng nguồn hỗ trợ theo đúng quy định pháp luật.
2. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc sử dụng hỗ trợ của Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.
2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- TTgCP, các PTTgCP;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

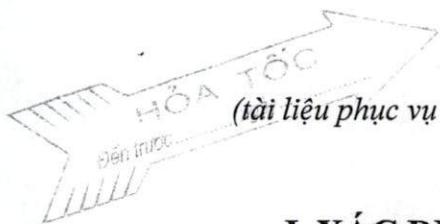
Phạm Minh Chính

Số: 3776 /BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH VỀ THÀNH LẬP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ



Kính gửi: Chính phủ

(tài liệu phục vụ công tác thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định của Bộ Tư pháp)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

1.1. Việc hình thành thuế suất tối thiểu toàn cầu ("TTTC")

Từ cuối năm 2019, thế giới đã và đang chứng kiến những thay đổi nhanh chóng, phức tạp, khó lường và khó dự báo. Đại dịch Covid-19, khủng hoảng năng lượng, đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự, thiên tai, biến đổi khí hậu, lạm phát diện rộng ở nhiều nền kinh tế lớn,... đang làm thay đổi cục diện thương mại và kinh tế thế giới. Các tác nhân này đã khiến triển vọng phát triển kinh tế và thu ngân sách của hầu hết các nước giảm mạnh.

Trong khi đó, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và các mô hình kinh tế mới (kinh tế chia sẻ, kinh tế số...) đã và đang thay đổi kết cấu và bản chất của nền kinh tế toàn cầu. Các công ty đa quốc gia, thông qua các công cụ như các tài sản vô hình (bản quyền, bằng sáng chế, thương hiệu,...) hay các hoạt động kinh doanh qua nền tảng số xuyên quốc gia (mà không có sự hiện diện vật lý ở quốc gia đó) đã tận dụng cơ hội để tránh nghĩa vụ thuế thông qua chuyển lợi nhuận từ quốc gia có thuế suất cao sang quốc gia có thuế suất thấp, thực hiện các hoạt động chuyển giá... Các hoạt động trên đã gây xói mòn nghiêm trọng nguồn thu ngân sách của các quốc gia¹, dẫn đến việc nhiều nước trên thế giới đơn phương áp dụng các loại thuế khác nhau, phát sinh bất đồng giữa các nước.

Việc hình thành các mức thuế suất khác biệt để tận dụng lợi thế toàn cầu hóa được nhiều nước thực hiện theo nhiều cách: (i) một số nước hạ thuế thu nhập doanh nghiệp xuống mức rất thấp (*Barbados 5,5%, Uzbekistan 7,5%, Hungary 9%, Macedonia 10%, Ireland 12,5%*...); (ii) các thiên đường thuế đưa ra mức thuế

¹ Liên Hợp Quốc ước tính thất thu thuế toàn cầu lên tới 500 - 600 tỷ USD/năm.

suất 0% (*Cayman Islands, Bermuda, Bahamas...*); *(iii)* Nhiều quốc gia, khu vực cũng chịu áp lực từ việc doanh nghiệp đe dọa rút vốn, chuyển trụ sở đăng ký kinh doanh dẫn đến buộc phải giảm thuế (*Hoa Kỳ giảm từ 35% năm 2017 xuống còn 21% năm 2021, khu vực sử dụng đồng Euro - Eurozone giảm từ 36,8% năm 1995 xuống còn 22,7% năm 2020*)... khiến thuế suất trung bình của doanh nghiệp trên toàn cầu giảm từ 27% năm 2001 xuống còn 20,2% và năm 2021.

Hạ thuế suất đã trở thành công cụ của các quốc gia trong cuộc cạnh tranh thu hút và giữ chân doanh nghiệp. Nhiều quốc gia tham gia vào “cuộc đua xuống đáy” nhằm giảm thuế suất thu nhập doanh nghiệp (TNDN) về mức thấp nhất để thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN). Đối tượng hưởng lợi là các Tập đoàn đa quốc gia, mặc dù có lợi nhuận cao, nhưng phải nộp thuế TNDN rất thấp, thậm chí không bị đánh thuế; bên cạnh đó, vấn đề chuyển lợi nhuận (chuyển giá) của các công ty đa quốc gia cũng ngày càng trở nên phức tạp, với các công cụ và biện pháp tinh vi.

Trước hiện trạng trên, Diễn đàn “Hợp tác chung thực hiện các giải pháp chống xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” (Diễn đàn IF) - OECD đã tổ chức quá trình đàm phán giữa 139 nước thành viên về biện pháp đảm bảo các công ty đa quốc gia tuân thủ nghĩa vụ thuế, giảm bớt căng thẳng giữa các nước, củng cố sự ổn định của hệ thống thuế toàn cầu.

Ngày 09/07/2021, Bộ trưởng Tài chính và Thống đốc Ngân hàng trung ương của Nhóm các nền kinh tế phát triển và mới nổi hàng đầu thế giới (G20) đã thống nhất về nguyên tắc *Giải pháp Hai trụ cột nhằm giải quyết các thách thức thuế quan phát sinh trong quá trình số hóa nền kinh tế* (gọi tắt là Thỏa thuận thuế TTTC), bao gồm: *(1)* Trụ cột thứ nhất là phân bổ thuế đối với hoạt động kỹ thuật số (phân bổ lại quyền đánh thuế đối với các công ty đa quốc gia giữa nơi đặt trụ sở chính và nơi hoạt động kinh doanh); *(2)* Trụ cột thứ hai đặt ra mức thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu 15% đối với các công ty đa quốc gia nhằm ngăn các công ty này chuyển lợi nhuận sang quốc gia có thuế suất thấp để tránh thuế.

Ngày 08/10/2021, Diễn đàn “Hợp tác toàn cầu về xói mòn cơ sở thuế và chuyển lợi nhuận” đã ban hành tuyên bố về Khung giải pháp Hai trụ cột để giải quyết các thách thức phát sinh từ nền kinh tế kỹ thuật số với sự đồng thuận của 136 nước thành viên (bao gồm Việt Nam).

Trụ cột 2 áp dụng với các công ty đa quốc gia (MNE) có doanh thu hợp nhất toàn cầu hàng năm từ 750 triệu EUR (tương đương khoảng 870 triệu USD) trong ít nhất 2 năm trong giai đoạn 4 năm liền kề trước năm soát xét. Hiện tại, các quốc gia thuộc Liên minh Châu Âu EU, Hàn Quốc, Nhật Bản và một số quốc gia khác đã chính thức áp dụng quy định về Thuế TTTC hiệu lực từ năm 2024. Một số quốc gia khác như Singapore, Thái Lan, Malaysia... dự kiến sẽ áp dụng chính sách này từ năm 2025.

Trụ cột 2 áp dụng ba nguyên tắc cốt lõi bao gồm (i) quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (Income Inclusion Rule – IIR), (ii) quy định về các khoản thanh toán chịu thuế dưới mức thuế suất tối thiểu toàn cầu (Undertaxed payment rule – UTPR), và (iii) quy định về quyền đánh thuế của nước nguồn (Subject to tax rule – STTR). Việc đưa ra các quy tắc đánh thuế của Trụ cột 2 nhằm đảm bảo rằng các công ty đa quốc gia thuộc phạm vi áp dụng sẽ phải nộp thuế tối thiểu 15% tại bất kỳ quốc gia nào nơi tập đoàn đó hoạt động.

1.2. Việc áp dụng chính sách thuế TTTC tại Việt Nam

Tại Việt Nam, sau thời gian nghiên cứu, Chính phủ đã xây dựng và đề xuất Dự thảo Nghị quyết về áp dụng thuế Thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định về thuế TTTC tại Việt Nam, trình Quốc hội phê duyệt tại Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV. Ngày 29/11/2023, Quốc hội đã chính thức thông qua và ban hành Nghị quyết số 107/2023/QH15 về việc áp dụng Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Theo Nghị quyết số 107/2023/QH15, Việt Nam sẽ áp dụng các quy định (i) Quy định về thuế TNDN bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) và (ii) Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (IIR).

1.3. Chủ trương xây dựng chính sách về Quỹ hỗ trợ đầu tư

Song song với việc ban hành Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về việc áp dụng thuế TTTC tại Việt Nam từ 01/01/2024, tại Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023, Quốc hội đã đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi ban hành.

1.4. Nhận xét

1.4.1. Việc Việt Nam chính thức áp dụng chính sách về Thuế TTTC từ ngày 01/01/2024 theo Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 sẽ có tác động lớn trên phương diện thuế cũng như môi trường đầu tư. Một mặt, Việt Nam có cơ hội thu được phần thuế bổ sung thông qua hai quy định về QDMTT áp dụng đối với các công ty thành viên của các công ty đa quốc gia hoạt động tại Việt Nam, cũng như quy định IIR đối với các Tập đoàn Việt Nam có đầu tư ra nước ngoài thuộc phạm vi áp dụng. Mặt khác, các chính sách ưu đãi thuế TNDN như miễn giảm thuế, thuế suất ưu đãi đối với các đối tượng này sẽ mất đi tác dụng và trở nên không còn hấp dẫn. Theo đó, việc xây dựng chính sách về Quỹ hỗ trợ đầu tư

để đưa ra các chính sách hỗ trợ đầu tư mới, phù hợp với quy tắc của OECD là rất cần thiết để Việt Nam có thể đảm bảo vị thế cạnh tranh trong thu hút đầu tư, cũng như ổn định môi trường đầu tư để tiếp tục khuyến khích các nhà đầu tư hiện hữu duy trì và mở rộng hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.

1.4.2. Về tinh thần của Quỹ hỗ trợ đầu tư, theo nguyên tắc, ưu đãi hỗ trợ đầu tư phải gắn liền với xu hướng phát triển về kinh tế, xã hội, công nghệ, khuyến khích đầu tư để giải quyết các bài toán thực tiễn; đủ cấp tiến để bắt kịp với xu thế mới trên toàn cầu nhằm tăng tính cạnh tranh của Việt Nam trong thu hút đầu tư, nhưng cũng cần phải phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của đất nước.

1.4.3. Xu thế mới trên thế giới hiện nay là thu hút đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ lõi có giá trị gia tăng lớn hoặc nâng cao vị thế quốc gia (điện tử, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...).

Hiện nay, nhiều quốc gia đang đang chạy đua quyết liệt và thiết kế chính sách riêng để theo kịp xu thế trên. Theo đó, các quốc gia đang áp dụng nhiều chính sách ưu đãi đầu tư đa dạng; áp dụng song song cả ưu đãi về thu nhập (*miễn, giảm thuế*) và ưu đãi về chi phí (*hỗ trợ bằng tiền, trợ cấp đầu tư*) để kết hợp hiệu quả, tạo sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Trong đó, ưu đãi dựa trên chi phí thường được sử dụng để góp phần thúc đẩy phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên. Thực tế, việc hỗ trợ bằng tiền, trợ cấp đầu tư sẽ không chi trả ngay cho doanh nghiệp mà sẽ căn cứ theo kết quả triển khai thực hiện dự án (tiền độ giải ngân, doanh thu,...) và được phân bổ cho các loại chi phí mà doanh nghiệp đã thực hiện kèm theo các điều kiện nhất định². Với chính sách ưu đãi linh hoạt, nhiều nước đã thu hút được các dự án có quy mô rất lớn trong ngành công nghiệp công nghệ cao.

1.4.4. Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, tham gia nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, ký kết các hiệp định song phương và đa phương, do vậy, việc thực hiện chính sách cải cách thuế toàn cầu như Trụ cột 2 thuế TTTC là không tránh khỏi. Đồng thời, ngay cả khi việc thực thi quy tắc sẽ dẫn đến nhiều khó khăn, thách thức, Việt Nam không thể yêu cầu các quốc gia khác, đặc biệt là các đối tác đầu tư lớn của mình không tham gia quy tắc; mà trái lại, đây là cơ hội Việt Nam xem xét, đánh giá, nghiên cứu và hoàn thiện chính sách ưu đãi đầu tư nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động ĐTNN.

Chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam về cơ bản đã bám sát tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước, liên tục hoàn thiện trong hơn 30 năm qua, góp phần quan trọng trong khuyến khích đầu tư trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam chưa tương thích với bối cảnh mới, cụ thể như sau:

² Ví dụ: theo Đạo luật Chip của Hoa Kỳ, Chính phủ sẽ hỗ trợ 25% tổng vốn đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất. Theo đó, vốn đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất sẽ được liệt thành nhiều hạng mục. Đồng thời, việc hỗ trợ sẽ có chu kỳ 10 năm. Trong 10 năm đó mà doanh nghiệp không triển khai hoặc bán các tài sản cố định được hỗ trợ thì sẽ vi phạm và thu hồi hỗ trợ.

(i) *Chưa đa dạng*, chỉ phụ thuộc vào các hình thức ưu đãi dựa trên thu nhập (miễn, giảm thuế); ưu đãi về tiền thuê đất, hầu như chưa có các hình thức ưu đãi dựa trên chi phí; do đó đang giảm dần tính cạnh tranh trong thu hút đầu tư và chưa khuyến khích các hoạt động đầu tư lâu dài.

(ii) *Chưa bắt kịp với các chính sách tiên tiến, thông lệ quốc tế*; chưa phù hợp với yêu cầu trong bối cảnh quốc tế có nhiều thay đổi, đặc biệt với việc ra đời của chính sách Thuế TTTC.

(iii) *Pháp luật về ngân sách chưa có quy định về chi ngân sách* cho các hình thức hỗ trợ đầu tư được quy định tại Luật Đầu tư nên chính sách trên chưa áp dụng được trên thực tế.

Điều này dẫn đến, trong thời gian vừa qua, có nhiều tập đoàn lớn đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư tại Việt Nam, nhưng do pháp luật chưa có quy định cụ thể về hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước nên họ đã chuyển sang quốc gia khác (LG Chemical đề xuất dự án sản xuất pin với đề nghị VN hỗ trợ 30% chi phí sản xuất (tiền mặt), sau đó đã chuyển sang Indonesia; Intel đề xuất dự án sản xuất chip với vốn đầu tư 3,3 tỷ USD, đề xuất Việt Nam hỗ trợ 15% bằng tiền, sau đó đã chuyển sang Ba Lan; Tập đoàn bán dẫn AT&S của Áo, vào khảo sát, dự kiến đầu tư, nhưng Việt Nam không đáp ứng được về: (i) cơ chế hỗ trợ theo chi phí; (ii) số lượng lao động công nghệ cao có sẵn; do đó đã chuyển sang Malaysia...).

Ngoài ra, việc mở rộng đầu tư của một số dự án công nghệ cao có quy mô lớn cũng có dấu hiệu chững lại để chờ phản ứng chính sách của Việt Nam. Thời gian vừa qua, một số tập đoàn lớn đã có trao đổi chính thức về việc đang tạm dừng kế hoạch đầu tư mới, mở rộng tại Việt Nam nếu Chính phủ Việt Nam không có chính sách hỗ trợ đầu tư phù hợp khi áp dụng thuế TTTC (*Samsung cho biết sẽ xem xét kế hoạch đầu tư mở rộng thêm và dịch chuyển dây chuyền sản xuất sang Ấn Độ; LG đang tạm dừng kế hoạch đầu tư dự án mới sản xuất thiết bị điện tử trị giá 5 tỷ USD; SMC (Nhật Bản) đang dự kiến đầu tư sản xuất thiết bị y tế trị giá 500 triệu - 1 tỷ USD tại Đồng Nai; Foxconn, Compal, Quanta (Đài Loan): đang nghiên cứu mở rộng đầu tư các thiết bị phụ trợ cho Apple, IBM, Sisco; Nvidia đang xem xét đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp bán dẫn*).

Trước mắt, cần giải pháp cấp bách để ứng phó với ảnh hưởng thuế TTTC; ngăn làn sóng dịch chuyển đầu tư ra khỏi Việt Nam của một nhóm các nhà đầu tư lớn (có thể kéo theo nhiều các công ty vệ tinh đi theo) có vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

1.4.5. Các nhà đầu tư, đặc biệt là các công ty đa quốc gia đầu tư dự án mới cũng như mở rộng tại Việt Nam một phần chủ yếu là do sự ổn định của môi trường đầu tư cũng như cam kết về chính sách bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi luật pháp chính sách. Việc Việt Nam không có các giải pháp kịp thời đồng hành cùng doanh nghiệp sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư mở rộng hoặc

duy trì đầu tư của các công ty đa quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam và kéo theo sự sụt giảm việc thu hút các công ty vệ tinh khác; đồng thời giảm động lực đầu tư của các nhà đầu tư mới đang có kế hoạch đầu tư vào Việt Nam. Bên cạnh đó, có thể dẫn đến việc thu hẹp quy mô sản xuất, giảm cầu về lao động.

1.4.6. Trong trường hợp Việt Nam không có động thái chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm giảm hiệu quả của chính sách ưu đãi thuế TNDN của Việt Nam; không còn hấp dẫn để giữ chân hoặc thu hút thêm vốn đầu tư mới từ các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam; từ đó, ảnh hưởng đến vị thế cạnh tranh của Việt Nam so với các nước trong khu vực, cũng như ảnh hưởng đến việc thu hút nguồn vốn ĐTNN có chọn lọc, chất lượng cao.

1.4.7. Ngoài ra, nếu chính sách ưu đãi thuế hiện tại bị thay đổi bởi cơ chế thuế suất tối thiểu toàn cầu thì một mặt, Chính phủ phải đổi mới với các cam kết về bảo hộ đầu tư cho các nhà đầu tư hiện đang sản xuất kinh doanh tại Việt Nam vẫn còn đang trong thời kỳ ưu đãi đầu tư; mặt khác là phải sửa đổi, ban hành các cơ chế ưu đãi để tiếp tục cạnh tranh với các nước trong khu vực để duy trì và thu hút vốn ĐTNN. Do đó, quyết định đầu tư của các doanh nghiệp, nhà ĐTNN sẽ phụ thuộc vào các yếu tố phi-thuế (Non-taxation) trong thời gian tới.

2. MỤC TIÊU XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

2.1. Mục tiêu tổng thể

a) Phù hợp với Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2030.

b) Phù hợp với Nghị quyết số 110/2023/QH15 Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc đồng ý chủ trương, giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư.

c) Đảm bảo lợi ích hài hòa giữa nhà đầu tư và nhà nước trên cơ sở: (i) phù hợp với các quy tắc của OECD; (ii) không vi phạm các cam kết quốc tế; và (iii) phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- a) Đảm bảo sức cạnh tranh và hấp dẫn của môi trường đầu tư Việt Nam;
- b) Có tính chọn lọc, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư và phát triển ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu;
- c) Có hiệu quả trong việc phát triển một số doanh nghiệp lớn có vai trò dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực then chốt, trọng yếu, có vị thế quan trọng trong chuỗi giá trị công nghiệp, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn;
- d) Tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước;
- đ) Ứng xử bình đẳng giữa các doanh nghiệp, hài hoà cho các đối tượng áp dụng, bao gồm doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế TTCT, nhà đầu tư mới (bao gồm cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài);
- e) Phù hợp với quy tắc thuế TTCT thuộc Trụ cột 2 và hướng dẫn của OECD; không vi phạm các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- g) Đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Quy định về thành lập, quản lý Quỹ hỗ trợ đầu tư

1.1. Xác định vấn đề bất cập:

1.1.1. Về địa vị pháp lý của Quỹ:

(1) Theo quy định của pháp luật hiện hành thì các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách có các đặc điểm sau đây³: (i) Là quỹ do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, nguồn thu, nhiệm vụ chi của quỹ để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật⁴; (ii) Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí hoạt động; (iii) Trường hợp NSNN hỗ trợ vốn điều lệ thì phải đáp ứng điều kiện: (a) Có khả năng tài chính độc lập; (b) Có nguồn thu, nhiệm vụ chi không trùng với nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước; (c) Thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật.

(2) Để thực hiện chủ trương của Quốc hội về giao Chính phủ trong năm 2024 xây dựng dự thảo Nghị định về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư từ nguồn thu thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu và các nguồn hợp pháp khác để ổn định môi trường đầu tư, khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đối với một số lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư, Quỹ

³ Theo Điều 8.11 Luật NSNN 2015

⁴ Điều 4.19 Luật Ngân sách nhà nước 2015

Hỗ trợ đầu tư sẽ cần có một số đặc điểm sau: (i) Sử dụng NSNN để chi hỗ trợ cho doanh nghiệp; (ii) Nguồn ngân sách cấp cho Quỹ có nguồn gốc từ thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế của OECD và các nguồn NSNN khác; (iii) Ngân sách của Quỹ phải được bổ sung hằng năm căn cứ trên số tiền thuế bổ sung thu được hằng năm và các nguồn NSNN khác; (iv) Quỹ không có hoạt động nghiệp vụ phát sinh thêm nguồn thu.

Như vậy, việc xác định địa vị pháp lý của Quỹ theo các quy định áp dụng đối với các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách sẽ phát sinh các bất cập.

1.1.2. Về mô hình hoạt động và bộ máy quản lý

(1) Các phương án tổ chức mô hình hoạt động của Quỹ trên cơ sở tham khảo các quỹ khác (Xem thêm tại Phụ lục III đính kèm Báo cáo này) đang được vận hành sẽ có ưu và nhược điểm như sau:

	Đơn vị sự nghiệp	Công ty TNHH 1 TV	Đơn vị thuộc Bộ
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> ✓ NSNN cấp kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao. Do đó, vẫn có cơ sở để NSNN cấp hằng năm cho Quỹ trên cơ sở nguồn thu thuế bổ sung 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Hoạt động chi (ngoài ngân sách) không chịu điều chỉnh của các quy định về NSNN 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Không phát sinh thêm bộ máy, nhân sự ✓ NSNN cấp kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao.
Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Không cung cấp dịch vụ công nên chưa phù hợp với nhiệm vụ, chức năng của đơn vị sự nghiệp. ✓ Phát sinh thêm bộ máy, nhân lực. ✓ Có thể vẫn phát sinh các vướng mắc về sử dụng NSNN để thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của Quỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ NSNN chỉ hỗ trợ vốn điều lệ ban đầu. Quỹ hoạt động dựa trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn do đó sẽ không có cơ sở để để NSNN cấp hằng năm. ✓ Phát sinh thêm bộ máy, nhân lực 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Hoạt động chi chịu điều chỉnh của các quy định về NSNN do đó sẽ phát sinh các vướng mắc liên quan đến (i) phân loại chi (đầu tư hay thường xuyên), (ii) lập dự toán, (iii) đối tượng nhận NSNN là doanh nghiệp. ✓ Nghị quyết Quốc hội giao Chính phủ thành lập Quỹ

Khi đối chiếu với mục tiêu, nhiệm vụ và chức năng của Quỹ hỗ trợ đầu tư thì các mô hình đang được áp dụng ở các Quỹ khác đều có điểm chưa phù hợp.

(2) Pháp luật hiện hành chưa có quy định thống nhất về tổ chức bộ máy quản lý của các Quỹ tài chính nhà nước. Trên thực tiễn, một số mô hình quỹ do

trung trương quản lý được triển khai như sau (*Xem thêm tại Phụ lục III đính kèm Báo cáo này*):

(*) *Mô hình 1:* Hội đồng quản lý quỹ (gồm Chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên)
+ Cơ quan điều hành quỹ (gồm Giám đốc, phó giám đốc và đơn vị chuyên môn)
+ Ban kiểm soát Quỹ

(*) *Mô hình 2:* Hội đồng thành viên + giám đốc + kiểm soát viên (mô hình công ty TNHH)

(*) *Mô hình 3:* Giám đốc, phó giám đốc + Kế toán trưởng + Bộ máy giúp việc

(*) *Mô hình 4:* Hội đồng quản lý liên ngành + Ban kiểm soát + Ban tư vấn
+ Cơ quan điều hành.

(3) Theo các quy định hiện hành, chế độ hoạt động/làm việc cho bộ máy tổ chức của các Quỹ được nhà nước thành lập gồm có 2 loại gồm (i) chuyên trách và (ii) kiêm nhiệm. Tuy nhiên, luật chưa quy định rõ ràng những trường hợp, tính chất nào thì áp dụng chế độ làm việc theo kiêm nhiệm hay chuyên trách cho bộ máy tổ chức của các Quỹ do nhà nước thành lập,

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

(1) Thành lập được Quỹ hỗ trợ đầu tư, mô hình của Quỹ phù hợp với các quy định của pháp luật.

(2) Bộ máy quản lý Quỹ gọn nhẹ hiệu quả, không làm tăng thêm nhiều biên chế, sử dụng tối đa công chức, viên chức trong cơ quan Nhà nước.

(3) Quỹ hoạt động đảm bảo đúng mục tiêu, hỗ trợ đúng đối tượng, cân đối được thu chi.

(4) Đảm bảo tính khả thi khi thực hiện, chỉ được hỗ trợ cho các doanh nghiệp được hưởng hỗ trợ.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Giải pháp 1: giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách mới và áp dụng các mô hình hoạt động, mô hình quản lý của các Quỹ hiện tại đang triển khai

Giải pháp 2: xây dựng khung pháp lý đặc thù, thiết kế mô hình hoạt động, mô hình quản lý và các nội dung khác phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và chức năng của Quỹ Hỗ trợ đầu tư cụ thể:

(1) *Địa vị pháp lý của Quỹ:* Quỹ Hỗ trợ đầu tư là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Bộ Tài chính/Kế hoạch và Đầu tư⁵, do Chính phủ

⁵ Theo kết luận của Thường trực Chính phủ tại cuộc họp ngày 13/5/2024 thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị phụ trách Quỹ hỗ trợ đầu tư. Tuy nhiên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn đề xuất Chính phủ xem xét phương án giao Bộ Tài chính là cơ quan quản lý Quỹ vì các lý do: (i) phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định 14/2023/NĐ-CP. Theo đó, Bộ Tài chính

giáo Bộ Tài chính là cơ quan đầu ly Quốc và Chi cục hải quan đóng vai trò là Bộ trưởng Bộ Tài chính
bao gồm bốn đơn vị trực thuộc là Nhịp đập, (ii) Trong qua trình tra đội của Bộ, ngân hàng và các phi hành
nghìn sách these only định nghĩa phap luật, (iii) Hội đồng xét duyệt hồ sơ đầu tư chi tiêu nhằm mục đích xác định
nhà nước:...; các quy tắc chính sách nhà nước... và cơ quan này là quy định về các quy tắc chính sách nhà nước
là cơ quan của Chính phủ, thuc hiện chức năng quản lý nhà nước về "Tài chính - ngân sách (bao gồm: Ngân sách nhà nước; ngân sách

hành chính sách.

(4) **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không có tác động do không ban

(3) **Tác động về thu tuc hanh chinh:** Không phát sinh thu tuc hành chính.

(2) **Tác động về giao:** Không có tác động

được quy định tại Nghị định.

thực tế từ đó có thể dẫn tới hệ quả là không thể thi hành chính sách họa tro chi phi
phát sinh rất nhiều bất cập khi triển khai hoat dong của Quốc hội tro dau tu tren
(1) **Tác động về kinh te - xa hoi:** Việc giới các quy định như hiện nay se

liên quan đến hoat dong quan ly cua Quoc.

Không được NSNN cap ngan sach hoat dong hang nam va cac van de bat cap khac
quan ly cua cac Quoc hien tai dang trien khai se dan den he qua la Quoc co kha nang
sach moi cho Quoc ho tro dau tu va chi ap dung cac mo hinh hoat dong, mo hinh
Trong truong hop gioi hanh phuc nhu hien trang, không quy định co che, chinh

Giai phap I

1.4. Danh gia tac doong cua cac gai phap

tinh deac thu cua Quoc, dam bao tinh kha thi khi thiuc hien.

(5) **Cac noi dung khac:** nghanieun cung xay dung theo hieu quoc phan am duoc cac

dau tu he thong cong trinh ha tang xa hoi.

co dinh, (iv) ho tro chi phi nghanieun cung va phat trien, (v) ho tro chi phi dau tu tao tai san
(ii) Ho tro chi phi nghanieun cung va phat trien, (iii) ho tro chi phi dau tu he thong cong trinh
nghaniep dat tieu chi, bao gom (i) ho tro chi phi dao tao, phat trien nghanieun uhanh luc,
(4) **Phuong thuc ho tro cua Quoc:** chi thiuc tiep bang trien de ho tro doanh

Nghanieun ton du Quoc hang nam.

(ii) cac nghanieun ngeoai ngan sach (lai trien ghi, cac khoan dong gop tai tro....); (iii)
gom nghanieun thu thu bo sung tu thu TTCC va nghanieun ngan sach nha nuoc khac),
(3) **Ngan sach hoat dong:** (i) nghanieun ngan sach nha nuoc cap hanh nam (bao

toan truong va mot so thanh vien.

Quoc. Trong do, Co quan dieu hanh Quoc bao gom Giam doc, Pho Giam doc, Kep
hoacch va Da tu, hoat dong theo che do kiem nhiem thong qua Co quan dieu hanh
deac thu quy dinh tai Nghi dinh, su dung can bo, cong chuc cua Bo Tai chinh/Kep
(2) **Ve mo hinh hoat dong va bo may quan ly:** Quoc hoat dong theo mo hinh

Quy ban truong vui Quoc hoi truong quy thiuc ban hanh nghaniep.

(Việc quy định day la Quoc tai chinh nha nuoc ngeoai ngan sach se duoc bao cao
thanh lap va hoat dong theo chuc nang va nhiem vu quy dinh tai Nghi dinh nay.

Giải pháp 2

(1) Tác động đến ngân sách nhà nước: giải pháp được đưa ra có mục tiêu không ảnh hưởng tiêu cực tới NSNN.

Về khả năng cân đối thu – chi ngân sách: Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư được bố trí trong dự toán chi hằng năm của ngân sách trung ương theo nguyên tắc dựa trên khả năng cân đối ngân sách nhà nước. Do vậy, không có khả năng khoản chi vượt khoản thu.

Theo rà soát, đối tượng thuộc nhóm công nghệ cao được hưởng hỗ trợ dự kiến khoảng 22 doanh nghiệp, so với 122 doanh nghiệp nộp thuế TTCT (ước tính của Tổng Cục thuế). Đồng thời, số thuế phải nộp bổ sung của 22 doanh nghiệp này chiếm khoảng 80% số thu bổ sung thuế TTCT tại Việt Nam. Do đó, xét về tương quan thu-chi thì rủi ro thâm hụt ngân sách là thấp.

Về quy trình thực hiện chi hỗ trợ chi phí từ Quỹ:

- Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Các khoản hỗ trợ cho doanh nghiệp sẽ được căn cứ theo các khoản chi của doanh nghiệp trong năm 2024 theo báo cáo tài chính có kiểm toán. Theo đó, khoản chi trả sẽ được xác định trong năm 2025.

- Thời gian doanh nghiệp hoàn thành Báo cáo tài chính có kiểm toán là 3 tháng sau khi kết thúc năm tài chính (tháng 3/2025). Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư của doanh nghiệp được nộp cho cơ quan chủ trì thẩm định tổng hợp sẽ được thiết kế sau thời điểm tháng 3/2025 (dự kiến tháng 8/2025).

- Căn cứ dự thu Thuế bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (QDMTT) và nhu cầu, Quỹ lập dự toán và báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp số tiền dự kiến hỗ trợ cho doanh nghiệp vào dự toán chi cho Quỹ hỗ trợ đầu tư hàng năm để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội quyết định khi xem xét thông qua ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương.

- Tổ chức thực hiện chi trả hỗ trợ, thực hiện qua hình thức chi trả trực tiếp từ Quỹ Hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp trong phạm vi tài chính hằng năm của Quỹ (dự kiến quý II năm 2026). Trường hợp mức đề nghị hỗ trợ cao hơn so với khả năng của Quỹ sẽ căn cứ vào quyết định của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ như sau: (i) Hội đồng xét duyệt quyết định chỉ chi trả hỗ trợ trong khả năng của Quỹ, Hội đồng sẽ quyết định mức hỗ trợ cho từng doanh nghiệp; (ii) Hội đồng xét duyệt đề xuất bổ sung ngân sách từ nguồn phù hợp để chi trả hỗ trợ theo mức ngân sách sau khi được bổ sung.

Như vậy căn cứ vào quy trình nêu trên, có thể thấy thời gian thu thuế bổ sung thuế TTTC là 12 tháng sau khi kết thúc năm tài chính⁶, trong khi thời gian thực hiện chi hỗ trợ là 15 tháng sau khi kết thúc năm tài chính. Việc này đảm bảo việc chi hỗ trợ đầu tư diễn ra sau khi Việt Nam đã có nguồn tài chính từ thu thuế QDMTT để thực hiện chính sách. Đồng thời khoản chi hỗ trợ chỉ trong phạm vi năng lực tài chính của Quỹ, đảm bảo không có bất kỳ ảnh hưởng nào đến cân đối ngân sách nhà nước. Nói cách khác, việc thành lập Quỹ hỗ trợ đầu tư là giải pháp tạo mức trần cho hoạt động hỗ trợ, Quốc hội và Chính phủ chủ động trong việc kiểm soát NSNN cho hoạt động này.

(2) Tác động về giới: Không có tác động.

(3) Tác động về thủ tục hành chính: Theo quy định tại Nghị định 14/2023/NĐ-CP thì Bộ Tài chính là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về “Tài chính - ngân sách (bao gồm: Ngân sách nhà nước; ngân quỹ nhà nước;; các quỹ tài chính nhà nước...)”⁷ và có nhiệm vụ và quyền hạn⁸ “quản lý quỹ dự trữ nhà nước và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật”, “Ban hành các quy định về chế độ quản lý tài chính của các quỹ tài chính nhà nước”. Do đó, đề xuất tận dụng nguồn nhân lực sẵn có của Bộ Tài chính/Bộ Kế hoạch và Đầu tư, để đảm bảo nguyên tắc tinh gọn, công khai, minh bạch phù hợp với các nguyên tắc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước tại Nghị quyết số 39/NQ-TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: hiện tại chưa có văn bản ở cấp luật điều chỉnh thống nhất và đồng bộ về các điều kiện hình thành quỹ, cơ chế vận hành quỹ, khung quản lý chung, điều kiện và mức trợ của ngân sách nhà nước và nhiều nội dung quan trọng khác. Trong khi, Quỹ hỗ trợ đầu tư là giải pháp hiệu quả để thực hiện các mục tiêu đảm bảo tác động tối thiểu đến ngân sách nhà nước khi thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí phí.

⁶ Theo dự thảo Nghị quyết Về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu: Thời hạn nộp Tờ khai thông tin theo quy định GloBE và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn chậm nhất là 12 tháng sau ngày kết thúc năm tài chính (dự kiến tháng 12/2025)

⁷ Điều 1 Nghị định 14/2023/NĐ-CP

⁸ Khoản 7 Điều 2 Nghị định 14/2023/NĐ-CP

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là Chính phủ).

2. Chính sách 2: Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư

2.1. Xác định vấn đề bất cập

(1) Qua rà soát, pháp luật hiện hành chưa có quy định một cách thống nhất về bộ máy để thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ liên quan đến mục tiêu của các Quỹ tài chính nhà nước. Trên thực tiễn, mỗi quỹ sẽ có một hình thức tổ chức khác nhau để phù hợp với mục tiêu của Quỹ (tham khảo thêm Phụ lục III đính kèm), khái quát một số trường hợp như sau:

Mô hình 1: Gồm Chủ tịch và các thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách, do Bộ trưởng bộ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

Mô hình 2: Gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên là các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín, có trình độ, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Mô hình 3: Gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên là đại diện lãnh đạo từ các Bộ có liên quan do Chủ tịch Hội đồng bổ nhiệm, miễn nhiệm.

(2) Khi triển khai việc xét duyệt hỗ trợ, có khả năng gặp trường hợp đề nghị hỗ trợ vượt quá khả năng chi trả hỗ trợ của Quỹ, điều này đặt ra vấn đề cần có phương án để hội đồng xét duyệt xem xét và ra quyết định hỗ trợ.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thành lập được bộ máy thực hiện việc xét duyệt hỗ trợ đầu tư phù hợp với các quy định pháp luật.

- Bộ máy được thành lập đảm bảo tinh giản, nhanh gọn, tận dụng sẵn nguồn lực từ các đơn vị, cơ quan nhà nước khác. Mỗi thành viên trong bộ máy có chức năng, vai trò phù hợp với hoạt động của bộ máy.

- Bộ máy thực hiện chức năng xem xét kết quả thẩm định của cơ quan có thẩm quyền đối với nội dung đề nghị hỗ trợ đầu tư và xét duyệt hỗ trợ đầu tư một cách đúng đắn, phù hợp với các lĩnh vực chuyên môn.

- Bộ máy thực hiện các biện pháp để đảm bảo cân bằng giữa ngân sách và khả năng chi trả của Quỹ trong trường hợp khoản đề nghị hỗ trợ vượt quá khả năng chi trả của Quỹ.

2.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề

- Về cơ cấu và cơ chế làm việc của bộ máy: Lựa chọn thành lập bộ máy Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư gồm các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, và các thành viên khác. Trong đó chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng là đại diện lãnh đạo các bộ Tài

Chính, Khoa học và Công nghệ và các Bộ ngành, các cơ quan liên quan do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định theo đề nghị của Quỹ hỗ trợ đầu tư. Theo đó, việc Hội đồng xét duyệt có sự tham gia của đại diện từ các Bộ có liên quan giúp cho việc xem xét thẩm định, phê duyệt được đánh giá toàn diện dựa trên trí tuệ và trách nhiệm tập thể.

Ngoài ra, Bộ Tài chính có ý kiến nghiên cứu gộp với Chính sách 1 nêu trên để từ đó quy định cơ chế làm việc, quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ gắn với mô hình hoạt động của Quỹ. Tuy nhiên, Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư không nằm trong bộ máy quản lý của quỹ. Đây là hội đồng có thành viên từ các Bộ, ngành và cơ quan liên quan để thực hiện chức năng xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, đảm bảo chặt chẽ và khách quan, mà không gắn liền với việc quản lý quỹ. Do đó, đối với phương án tổ chức Hội đồng quản lý Quỹ gắn với mô hình hoạt động của Quỹ sẽ được nghiên cứu thêm trong quá trình soạn thảo Nghị định.

- *Về chức năng, vai trò của các thành viên cho bộ máy:* Chủ tịch Hội đồng xem xét phê duyệt kế hoạch xét duyệt, quyết định triệu tập các cuộc họp Hội đồng, phân trách nhiệm cho các thành viên, và ủy quyền cho Phó Chủ tịch triệu tập và chủ trì các phiên họp. Các thành viên của Hội đồng có quyền hạn và trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp, xem xét nội dung đã được thẩm định, đóng góp ý kiến, trao đổi và biểu quyết về các nội dung được lấy ý kiến. Việc các thành viên trong Hội đồng xét duyệt được quy định quyền hạn và nhiệm vụ cho vai trò của mình, điều này để đảm bảo bộ máy chung của Hội đồng được hoạt động một cách phù hợp.

- *Về biện pháp đảm bảo, kiểm soát cân bằng giữa khả năng tài chính và khả năng chi trả của Quỹ:* Về cơ bản, hỗ trợ cho doanh nghiệp chỉ giới hạn trong khả năng phân bổ của Quỹ cho từng nhóm đối tượng. Do đó, trường hợp tổng mức đề nghị hỗ trợ cao hơn so với khả năng của Quỹ cho từng nhóm đối tượng sẽ căn cứ vào quyết định của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ như sau: (i) Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư giao Quỹ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính đề xuất Thủ tướng chính phủ bổ sung ngân sách từ nguồn phù hợp cho Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện chi trả; (ii) Trường hợp không được bổ sung ngân sách, Hội đồng xét duyệt quyết định điều chỉnh giảm số tiền hỗ trợ doanh nghiệp đã đề nghị và được thẩm định. Việc điều chỉnh được thực hiện cho từng nhóm đối tượng⁹ quy định tại Nghị định theo các tỷ lệ dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả của từng dự án đầu tư hoặc điều chỉnh giảm theo cùng một tỷ lệ cho tất cả các doanh

⁹ Đối tượng của chính sách dự kiến chia 2 nhóm: Nhóm công nghệ cao và Nhóm chip, mạch tích hợp bán dẫn, AI. Nhóm chip, mạch tích hợp bán dẫn, AI có tiêu chí thấp hơn có thể sẽ thu hút được nhiều dự án đầu tư mới trong thời gian tới, nhu cầu chi hỗ trợ cho nhóm này có thể tăng lên dẫn đến cần bổ sung ngân sách cho Quỹ.

nghiệp trong từng nhóm đối tượng quy định tại Nghị định, đảm bảo tổng số tiền hỗ trợ trong phạm vi ngân sách của Quỹ phân bổ cho từng nhóm đối tượng đó.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

(1) Tác động về thủ tục hành chính: Chỉ phát sinh thủ tục nội bộ và các thủ tục liên quan đến việc quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm, và các quyết định khác liên quan đến nhân sự của bộ máy. Ngoài ra, có thể phát sinh thủ tục liên quan đến ngân sách nhà nước, bổ sung ngân sách cho Quỹ từ nguồn phù hợp nếu Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư giao cho Quỹ thực hiện, hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính đề xuất Thủ tướng trong trường hợp mức đề nghị hỗ trợ vượt quá khả năng tài chính của Quỹ.

(2) Tác động về kinh tế - xã hội: Việc thành lập Hội đồng hỗ trợ xét duyệt đầu tư giúp cho đề nghị hỗ trợ được xem xét một cách toàn diện, khách quan tạo ra sự minh bạch trong công tác hỗ trợ đầu tư đối với các doanh nghiệp. Ngoài ra, việc xét duyệt hỗ trợ đầu tư cũng nằm trong chuỗi trình tự chung để thực hiện hỗ trợ đầu tư, do đó, chức năng và nhiệm vụ của Hội đồng xét duyệt hỗ trợ đầu tư cũng góp phần hoàn thiện và đảm bảo việc hỗ trợ đầu tư được diễn ra một cách hiệu quả, thúc đẩy và khuyến khích hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Đưa nội dung các giải pháp đã phân tích vào nội dung Dự thảo nghị định.

3. Chính sách 3: Hỗ trợ chi phí của Quỹ

3.1. Xác định vấn đề bất cập:

3.1.1 Về pháp lý:

(1) Chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư của Việt Nam được quy định tại Chương III Luật Đầu tư 2020 và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

(2) Hình thức ưu đãi đầu tư là miễn, giảm thuế, áp dụng theo tiêu chí lĩnh vực, địa bàn và các đối tượng mà Nhà nước khuyến khích phát triển. Các ưu đãi này đang được đánh giá là có tính cạnh tranh trong khu vực.

(Chi tiết tham khảo tại Phụ lục kèm theo)

(3) Các hình thức hỗ trợ đầu tư¹⁰ bao gồm: (i) Hỗ trợ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào dự án đầu tư; (ii) Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (iii) Hỗ trợ tín dụng; (iv) Hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ cơ sở sản xuất, kinh doanh di dời theo quyết định của

¹⁰ Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

cơ quan nhà nước; (v) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; (vi) Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin; (vii) Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển.

Khoản 2 Điều 18 Luật Đầu tư quy định: “*Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội và khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, Chính phủ quy định chi tiết các hình thức hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này¹¹ đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp đầu tư vào giáo dục, phổ biến pháp luật và các đối tượng khác.*”

So với các nước trong khu vực và trên thế giới, các hình thức hỗ trợ đầu tư tại Việt Nam được quy định tương đối đầy đủ tại Luật Đầu tư. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, việc triển khai áp dụng hỗ trợ đầu tư còn nhiều khó khăn và chưa khả thi, do chưa có sự thống nhất giữa các quy định pháp luật. Cụ thể, pháp luật về ngân sách chưa có quy định cụ thể về việc chi ngân sách cho các hỗ trợ đầu tư quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư.

Bên cạnh đó, để đem lại lợi thế cạnh tranh, một số quốc gia trên thế giới hiện đang áp dụng hình thức hỗ trợ đầu tư mới được các nhà đầu tư quan tâm và đánh giá cao (cụ thể: hỗ trợ dựa trên chi phí đầu tư, hỗ trợ về chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên và hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển¹²). Tuy nhiên, các hình thức hỗ trợ đầu tư dựa trên chi phí đầu tư và chi phí sản xuất sản phẩm ưu tiên này chưa được pháp luật Việt Nam quy định cụ thể.

3.1.2 Về ảnh hưởng của thuế TTTC

(1) Thuế TTTC (Trụ cột 2) là sự thay đổi căn bản về cấu trúc thuế quốc tế, được thiết kế nhằm hạn chế việc giảm chuyển dịch lợi nhuận và cạnh tranh về thuế của các tập đoàn đa quốc gia và cạnh tranh “xuống đáy” về thuế của các quốc gia. Như đã báo cáo ở trên, trong khi các nước phát triển đang khẩn trương và chủ động áp dụng quy tắc này thì các nước đang phát triển đang cân nhắc kỹ lưỡng bài toán tăng nguồn thu (qua áp dụng cơ chế thuế tối thiểu nội địa bổ sung đạt chuẩn - QDMTT) nhưng vẫn phải đảm bảo tiếp tục cạnh tranh thu hút đầu tư (qua việc ban hành các hình thức ưu đãi mới phù hợp).

(2) Hiện nay, chính sách ưu đãi về tài chính của Việt Nam tập trung vào 03 lĩnh vực: (i) Ưu đãi về thuế TNDN, (ii) Ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu và (iii) Ưu đãi về tài chính đất đai. Trong đó, ưu đãi về thuế TNDN sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các quy tắc tính thuế bổ sung thuế TTTC.

Chính sách ưu đãi thuế thu nhập gồm ưu đãi về thuế suất và ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế, trong đó gói ưu đãi thuế TNDN cao nổi bật đối với một dự án gồm: thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Về cơ bản, điều kiện để được hưởng ưu

¹¹ Quy định về hình thức hỗ trợ đầu tư.

¹² Nội dung hỗ trợ về chi phí nghiên cứu và phát triển đã được quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật Đầu tư.

đãi thuế là phải đáp ứng tiêu chí về địa bàn ưu đãi, lĩnh vực ưu đãi, hoặc có quy mô lớn dựa trên vốn đầu tư kèm điều kiện về thời gian giải ngân, doanh thu hoặc lao động sử dụng.

Đặc biệt, năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2021/QĐ-TTg quy định về ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với các dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế xã hội, trong đó bao gồm các dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm sẽ được hưởng mức ưu đãi thuế TNDN tối đa là miễn thuế 6 năm, giảm 50% số thuế trong 13 năm, và thuế suất ưu đãi 5% trong 37 năm, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể của dự án.

Theo Nghị quyết 107/2023/QH15, Việt Nam đã chính thức áp dụng Trụ cột 2 với mức thuế TTTC 15% từ ngày 01/01/2024, theo đó **ưu đãi** thuế TNDN đang áp dụng tại Việt Nam **sẽ không còn nghĩa**; dẫn đến Việt Nam sẽ không còn cạnh tranh trong thu hút, giữ chân các doanh nghiệp thuộc đối tượng này¹³.

(3) Bên cạnh phương án trợ cấp bằng tiền, một số phương án khác có thể được cân nhắc như: áp dụng thuế suất thuế ưu đãi với mức 15% suốt đời dự án; khấu trừ thêm chi phí, hoặc ưu đãi các loại thuế khác (giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân...). Tuy nhiên, các phương án này sẽ không mang lại hiệu quả cao trong bối cảnh áp dụng Trụ cột 2 do việc áp dụng thuế TTTC sẽ tác động trực tiếp đến phương án tài chính của doanh nghiệp đang hưởng ưu đãi theo thu nhập tại Việt Nam; đồng thời, số doanh nghiệp loại này tương đối nhiều, trong số đó nhiều doanh nghiệp có quy mô vốn đầu tư và lợi nhuận lớn (hàng tỷ đô la Mỹ). Trong khi đó, phương án ưu đãi các loại thuế khác là không đáng kể đối với tác động tài chính của thuế bổ sung theo cơ chế thuế TTTC.

Các hình thức như tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế cũng sẽ không có tác dụng hỗ trợ thiết thực cho doanh nghiệp do về bản chất sẽ tác động vào thu nhập của doanh nghiệp và khi đó sẽ phát sinh thêm thuế phải nộp bổ sung theo công thức tính toán thuế suất hiệu quả (ETR) của thuế TTTC.

(4) Ảnh hưởng đến mục tiêu thu hút vốn ĐTN

Bên cạnh khả năng cải thiện các nguồn thu thuế từ các công ty công nghệ đa quốc gia có doanh thu lớn (các BigTech như: Netflix, Facebook, Google và các nền tảng thương mại điện tử khác), việc tham gia thỏa thuận thuế doanh nghiệp tối thiểu toàn cầu khi được áp dụng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn FDI toàn cầu, trong đó các nước thu hút FDI thông qua các ưu đãi thuế như Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn hơn. Mục tiêu thu hút vốn ĐTN đầy tham vọng sẽ gặp thách thức rất lớn (giai

¹³ Tùy vào thời gian hoạt động của dự án hoạt động, các dự án này đang hưởng các mức thuế suất ưu đãi khác nhau, tuy nhiên phần nhiều sẽ thấp hơn nhiều so với mức thuế TTTC 15%. Theo đó, khi các quốc gia khác, đặc biệt là các quốc gia của Công ty mẹ của các doanh nghiệp này áp dụng quy tắc Thuế TTTC, các doanh nghiệp này sẽ chịu thiệt hại nặng nề do phần Thuế bổ sung nộp tại quốc gia của công ty mẹ đối với phần chênh lệch giữa mức thuế suất hiệu quả khi đang hưởng ưu đãi tại Việt Nam và thuế suất tối thiểu 15%.

đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm)¹⁴.

Đặc biệt, nền kinh tế toàn cầu đang đứng trước nhiều thách thức nhanh chóng, khó lường. Tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 chỉ đạt 2,9%, thấp hơn đáng kể so với mức 3,4% ước tính của năm 2022. OECD cũng đưa ra dự báo kinh tế thế giới năm 2024 sẽ tăng trưởng chậm hơn 2023 với các nguy cơ về việc lan rộng các cuộc xung đột tại khu vực Trung Đông, gia tăng lạm phát. Dòng vốn ĐTNN trên toàn cầu trong năm 2023 mặc dù tăng trưởng nhưng vẫn đối mặt với sự bất ổn của nền kinh tế cũng như thách thức về lãi suất tăng cao.

(5) Tác động đến kế hoạch mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu

Việc mở rộng đầu tư của các dự án hiện hữu cũng có nguy cơ giảm sút (trong khi Việt Nam đặt mục tiêu vốn thực hiện 20 - 30 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2021 - 2025; 30 - 40 tỉ USD/năm cho giai đoạn 2026 - 2030). Nguyên nhân do rất nhiều dự án quy mô lớn đang thuộc ngành công nghệ cao, ngành ưu đãi đầu tư với mức thuế suất thấp hơn 15%. Khi áp dụng mức thuế TTTC là 15% chính thức từ năm tài chính 2024, thì những lợi ích mang lại từ chính sách ưu đãi thuế mà các công ty này được hưởng tại Việt Nam sẽ không còn nữa, từ đó ảnh hưởng đến tính hấp dẫn của thị trường Việt Nam trong thu hút ĐTNN.

(6) Niềm tin của các nhà đầu tư giảm sút

Việc giữ nguyên ưu đãi cho các dự án đã cấp trước đó¹⁵, về nguyên tắc sẽ không ảnh hưởng đến cam kết của Việt Nam với nhà đầu tư; nhưng *nếu không có giải pháp, thì mức ưu đãi này sẽ là vô nghĩa với họ (vì vẫn phải nộp mức chênh lệch tại quốc gia đặt trụ sở)*. Qua đó, ảnh hưởng đến mức độ “thiện chí đồng hành” của Việt Nam với cộng đồng nhà đầu tư, dễ bị gắn với hình ảnh “đem con bỏ chợ”.

(7) Gia tăng áp lực đối với công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài

Công tác quản lý nhà nước về đầu tư nước ngoài, đặc biệt trong công tác thu thuế đối với các công ty đa quốc gia trước mắt sẽ có những khó khăn do: *(i)* yêu cầu phải có hệ thống hành lang pháp lý hoàn chỉnh, nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ phát triển để có thể rà soát, bóc tách từng giao dịch, xác định chính xác, đầy đủ từng loại doanh thu, lợi nhuận của các công ty đa quốc gia; *(ii)* việc kết nối hệ thống cơ sở dữ liệu, thu thập, trao đổi thông tin giữa các cơ quan chức năng trong và ngoài nước phục vụ công tác quản lý thuế các công ty đa quốc gia còn hạn chế; *(iii)* mức độ hoàn thiện các quy trình quản lý chưa được đồng bộ, mức độ liên kết và tích hợp giữa các quy trình nghiệp vụ chưa cao do chưa có mô hình tổng thể tái thiết kế các quy trình nghiệp vụ theo luồng công việc gắn kết với

¹⁴ Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

¹⁵ Trụ cột 2 không quy định các nước phải nâng mức thuế TNDN lên 15% mà chỉ đưa ra cơ chế để thu thuế trong trường hợp các tập đoàn đa quốc gia có công ty con nộp thuế dưới mức 15% tại một quốc gia này sẽ bị đánh thuế bổ sung lên mức 15% ở quốc gia có công ty mẹ để đảm bảo đạt mức thuế suất tối thiểu toàn cầu.

ứng dụng công nghệ thông tin; (*iv*) chất lượng nguồn nhân lực, các phương pháp, kỹ năng thanh tra, kiểm tra chưa theo kịp với sự phát triển nhanh chóng của các công ty đa quốc gia và các mô hình kinh doanh mới¹⁶.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để ứng phó với ảnh hưởng của thuế TTTC, đồng thời thực hiện chủ trương thu hút đầu tư có chọn lọc theo định hướng của Bộ Chính trị thì cần phải có ngay giải pháp cấp bách để nhằm giải quyết các bài toán sau:

(i) Giữ chân và tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư lớn đang đầu tư vào các dự án trong công nghệ cao tại Việt Nam

Do bối cảnh thuế TTTC, các ưu đãi miễn, giảm thuế hiện tại của nhà đầu tư lớn không còn hiệu quả, làm giảm tính hấp dẫn môi trường đầu tư tại Việt Nam, trong đó có các nhà đầu tư “đại bàng” đang đầu tư trong công nghệ cao.

Mặc dù số lượng các doanh nghiệp này không nhiều nhưng có tác động về kinh tế-xã hội lớn, có mạng lưới doanh nghiệp phụ trợ đi kèm lên đến hàng trăm doanh nghiệp. Do đó, nếu không có chính sách giữ chân nhóm nhà đầu tư này thì sẽ tác động đáng kể đến môi trường đầu tư kinh doanh và vị thế cạnh tranh của Việt Nam trong khu vực, thế giới, cũng như trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Do đó, việc ban hành chính sách là hết sức cấp bách để không gây xáo trộn quá lớn đối với môi trường đầu tư kinh doanh khi áp dụng thuế TTTC, tạo sự yên tâm cho các nhà đầu tư duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng tại Việt Nam. Chính sách này cần ban hành có hiệu lực ngay từ năm tài chính 2024, cùng thời điểm với chính sách áp dụng thuế TTTC.

(ii) Tiếp tục thu hút các nhà đầu tư chiến lược mới đầu tư công nghệ cao

Bối cảnh thế giới hiện tại có nhiều xu hướng đầu tư mới vào các lĩnh vực có giá trị gia tăng rất cao như chip, bán dẫn... Việt Nam cũng không đứng ngoài cuộc chơi đó, mà cần phải tận dụng cơ hội hiện tại, thông qua các biện pháp ngoại giao kinh tế được đẩy mạnh trong suốt thời gian qua để thu hút được các dự án đầu tư trong những lĩnh vực ưu tiên này về Việt Nam.

Để thu hút các nhà đầu tư mới, thì cần chính sách ưu đãi đột phá, cùng với nguồn ngân sách để thực hiện. Theo đó, tận dụng cơ hội nguồn thu bổ sung từ thuế TTTC để làm nguồn ngân sách thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư với các chính sách tiên tiến, trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, nhằm thu hút các dự án trên về Việt Nam.

3.3. Các giải pháp giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính

¹⁶ Ví dụ như trong trường hợp Amazon, có vốn hóa thị trường hơn 1.000 tỷ USD, doanh thu ròng năm 2020 đạt hơn 380 tỷ USD nhưng tỷ suất lợi nhuận chỉ đạt 6,3%. Mặc dù vậy, mảng kinh doanh dịch vụ điện toán đám mây của công ty này với doanh thu 45 tỷ USD trong năm 2020 vẫn đạt tỷ suất lợi nhuận trên 30%.

sách hỗ trợ đầu tư mới

b) Giải pháp 2: xây dựng các chính sách hỗ trợ chi phí của Quỹ đối với các hoạt động đầu tư công nghệ cao, cụ thể:

(1) *Đối tượng hỗ trợ chi phí:* (i) doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao; (ii) doanh nghiệp công nghệ cao; (iii) doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao; (iv) doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển. (

(2) Tiêu chí hưởng hỗ trợ chi phí:

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao với doanh thu của dự án từ 20.000 tỷ đồng/năm hoặc quy mô vốn đầu tư của dự án từ 12.000 tỷ đồng.

b) Doanh nghiệp công nghệ cao đạt doanh thu từ 20.000 tỷ đồng/năm hoặc có dự án đầu tư với quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng.

c) Doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao với doanh thu của dự án từ 20.000 tỷ đồng/năm hoặc quy mô vốn đầu tư của dự án từ 12.000 tỷ đồng;

d) Doanh nghiệp có dự án đầu tư trung tâm nghiên cứu và phát triển với quy mô vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng.

Đồng thời các doanh nghiệp này phải không có các khoản nợ thuế, nợ ngân sách nhà nước quá hạn tại thời điểm nộp hồ sơ và đáp ứng các tiêu chí về giải ngân.

Trường hợp các dự án đầu tư nêu trên thuộc lĩnh chip, mạch tích hợp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI) cần đạt doanh thu tối thiểu 10.000 tỷ đồng/năm hoặc quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng.

(3) Nguyên tắc hỗ trợ chi phí:

(i) Hỗ trợ đầu tư được áp dụng bình đẳng cho các doanh nghiệp có các dự án đầu tư mới và dự án đầu tư đang hoạt động, đầu tư mở rộng thuộc đối tượng nêu trên.

(ii) Hỗ trợ đầu tư được tính theo chi phí thực tế phát sinh từng năm của doanh nghiệp và trên cơ sở kết quả thực hiện dự án của doanh nghiệp trong năm đó. Doanh nghiệp chỉ được nhận hỗ trợ sau khi đáp ứng các điều kiện về đối tượng, tiêu chí, tiến độ giải ngân vốn đầu tư của dự án thuộc diện hỗ trợ đầu tư theo Nghị định này.

(iii) Các khoản chi hỗ trợ đầu tư được căn cứ dựa trên khả năng cân đối ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

(4) Mức hỗ trợ chi phí: Mức hỗ trợ đầu tư được thiết kế theo từng loại chi phí, được chia theo các mức phù hợp với quy mô đầu tư và các điều kiện đạt được về nhân lực, tỷ lệ giá trị gia tăng, phù hợp quy định tại Việt Nam cũng như thông lệ quốc tế và khả năng cân đối của Quỹ. Các chi phí được hưởng hỗ trợ là các chi phí phục vụ đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam.

5) Nội dung thẩm định hỗ trợ chi phí

Nội dung thẩm định hỗ trợ đầu tư bao gồm (i) đánh giá sự phù hợp với tiêu chí và điều kiện của đối tượng được hưởng hỗ trợ, (ii) đánh giá sự phù hợp với các nguyên tắc ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, (iii) đánh giá sơ bộ về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, (iv) Đánh giá tiêu chí đáp ứng các điều kiện để xác định mức hỗ trợ đầu tư, (v) đánh giá sự phù hợp của các hình thức hỗ trợ và chi phí hỗ trợ mà doanh nghiệp đề xuất.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

Giải pháp 1:

Trong trường hợp Việt Nam không có động thái điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế thực hiện phù hợp thì việc áp dụng chính sách thuế suất tối thiểu toàn cầu sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình thu hút, quản lý đầu tư nước ngoài tại Việt Nam như đã phân tích tại phần I.3 và 3.1.2 nêu trên.

(1) Tác động về kinh tế - xã hội: Việc giữ các quy định như hiện nay không tạo ra sức hấp dẫn, sức cạnh tranh cho môi trường đầu tư Việt Nam để thu hút các dự án đầu tư mới cũng như giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu khi thuế TTCT được áp dụng.

(2) Tác động về giới: Việc giữ nguyên các quy định hiện nay trước bối cảnh mới có thể khiến cho số lượng việc làm của nữ giới có thể bị giảm đáng kể hơn so với nam giới. Việc không ban hành chính sách khiến môi trường đầu tư giảm sức hấp dẫn, cạnh tranh, do đó, các doanh nghiệp lớn có thể cắt giảm quy mô sản xuất, giảm việc làm. Ở Việt Nam, tại nhiều doanh nghiệp quy mô lớn trong lĩnh vực sản xuất công nghệ cao, lao động nữ chiếm tỷ lệ khá cao. Ví dụ trường hợp tổ hợp Samsung điện tử sản xuất tại Việt Nam, tổng số lượng lao động của tổ hợp này giai đoạn thấp điểm vào khoảng 65.000 người, trong đó số lao động nữ là 43.000 người (tức lao động nữ chiếm khoảng 66% tổng số lao động trong tổ hợp này). Từ đó, có thể thấy rằng việc làm của nữ giới tại các doanh nghiệp sản xuất đầu tư công nghệ cao quy mô lớn nói chung có thể sẽ bị chịu ảnh hưởng nhiều hơn so với nam giới.

(3) Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh thủ tục hành chính do không ban hành chính sách.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Không có tác động do không ban hành chính sách.

Giải pháp 2:

(1) Đánh giá tác động về kinh tế xã hội: tạo ra sức hấp dẫn, sức cạnh tranh cho môi trường đầu tư Việt Nam để thu hút các dự án đầu tư mới cũng như giữ chân các nhà đầu tư hiện hữu khi thuế TTTC được áp dụng nhằm đạt được mục tiêu thu hút đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD (30 - 40 tỉ USD/năm) và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD (40 - 50 tỉ USD/năm)¹⁷.

Việc lựa chọn doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp có dự án ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao và xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển là vì:

(i) Phù hợp với định hướng thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam¹⁸ trong thời gian tới nhằm nâng cao vị thế của Việt Nam về mặt dài hạn trong chuỗi cung ứng quốc tế nhằm đến việc sản xuất các sản phẩm công nghệ cao made-in-Vietnam. Đặc biệt, là trong các ngành nghề lĩnh vực công nghệ cao đang là xu hướng mới trên thế giới như chip, bán dẫn,... Ngoài ra, khuyến khích, thúc đẩy việc đưa hoạt động nghiên cứu và phát triển về Việt Nam thông qua các trung tâm nghiên cứu và phát triển để nâng cao nền tảng công nghệ gốc, phát triển nhân lực khoa học công nghệ tại Việt Nam.

(ii) Phù hợp với tính chất chọn lọc của chính sách để tập trung nguồn lực nhằm thu hút đầu tư vào một lĩnh vực ưu tiên, tránh hỗ trợ dàn trải, tạo sự đột phá để đảm bảo vị thế cạnh tranh của Việt Nam, hạn chế thấp nhất tác động đến ngân sách nhà nước. Bản thân các sản phẩm và công nghệ thuộc lĩnh vực “công nghệ cao” theo Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành¹⁹ cũng đã tương đối đa dạng, bao gồm cả các lĩnh vực về năng lượng như hydrogen, vật liệu, sinh học, v.v...theo đó đối tượng áp dụng vừa chọn lọc, lại vừa đủ phô quát để khuyến khích đầu tư vào các sản phẩm, công nghệ tiên tiến.

(iii) Quy mô vốn đầu tư hiện nay được quy định tại văn bản pháp luật về đầu tư và thuế, theo đó sẽ có 03 mức 6.000 tỷ đồng²⁰, 12.000 tỷ đồng²¹ và 30.000 tỷ đồng²². Việc lựa chọn quy mô vốn đầu tư trên 12.000 tỷ đồng nhằm mục đích: **(a)** thu hẹp được đối tượng áp dụng để bảo đảm không bội chi ngân sách cho hỗ trợ đầu tư; **(b)** khuyến khích các tập đoàn đa quốc gia có các công ty thành viên tăng vốn đầu tư. Riêng quy mô vốn đầu tư đối với trung tâm nghiên cứu và phát triển

¹⁷ Mục 3 Phần II Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

¹⁸ (i) Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030; (ii) Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021-2030.

¹⁹ Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁰ Điều 15 Luật Đầu tư 2020.

²¹ Khoản 1 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế năm 2014)

²² Điều 20 Luật Đầu tư 2020.

cũng đã được quy định tại Điều 20 Luật đầu tư²³ (vốn tối thiểu 3.000 tỷ đồng).

(iv) Quy định về ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư đạt doanh thu trên 20.000 tỷ đồng đã được quy định tại pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp²⁴. Đồng thời, với việc áp dụng tiêu chí doanh thu 20.000 tỷ đồng sẽ khuyến khích doanh nghiệp công nghệ cao kinh doanh hiệu quả, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, qua đó thúc đẩy phát triển ngành công nghệ cao tại Việt Nam. Như vậy, đối tượng áp dụng đã được quy định tại các văn bản pháp luật liên quan, không phải là nội dung mới được quy định sau khi thuế TTTC được ban hành. Điều này đảm bảo sự phù hợp với các quy định của OECD.

(v) Đối với Doanh nghiệp có dự án đầu tư chip, mạch tích hợp bán dẫn tại một trong các phân đoạn thiết kế, sản xuất, lắp ráp, đóng gói, kiểm thử: Ngành công nghiệp chip, mạch tích hợp bán dẫn được xác định là ngành xương sống của kỹ nguyên công nghệ. Trong đó, chip, mạch tích hợp bán dẫn là thành phần cốt lõi cực kỳ thiết yếu trong không chỉ xe ô tô mà còn máy bay, điện thoại, CPU máy tính, tivi, tủ lạnh và gần như tất cả các thiết bị điện tử khác. Dựa trên những lợi thế hiện có của Việt nam về trữ lượng đất hiếm đứng thứ 2 thế giới bằng 50% trữ lượng đất hiếm của Trung Quốc, Việt Nam là thị trường tiêu thụ chip có tiềm năng trên thế giới với nhiều tập đoàn công nghệ lớn đang hoạt động sản xuất tại Việt nam, lao động tay nghề ngày càng cao... Chính phủ đang đẩy mạnh hợp tác quốc tế thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực này với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng sản xuất bán dẫn toàn cầu. Do đó, tiêu chí vốn và doanh thu đối với các dự án chip, mạch tích hợp bán dẫn ngành này được giảm xuống một nửa so với nhóm công nghệ cao nói chung để khuyến khích mạnh mẽ hơn (cụ thể là vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng hoặc doanh thu 10.000 tỷ đồng).

Việc lựa chọn các khoản chi phí được hỗ trợ dựa trên một số tiêu chí sau:

(i) Phù hợp với mục tiêu của chính sách hỗ trợ đầu tư cho ngành công nghệ cao, có tính đột phá, tập trung vào các chi phí thiết yếu trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp để thúc đẩy sản xuất trong công nghệ cao;

(ii) Mang tính hỗ trợ nguồn lực đầu tư thực chất, có lợi cho Việt Nam về bản chất kinh tế, phù hợp với định hướng phát triển²⁵;

²³ Điểm 2 Khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư

²⁴ Khoản 5 Điều 13 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế năm 2014) quy định việc kéo dài thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi với các dự án có mức doanh thu trên 20.000 tỷ đồng.

²⁵ Các khoản chi phí đầu tư mang lợi ích kinh tế thực chất có thể bao gồm chi phí đầu tư vào các tài sản hữu hình như nhà xưởng, máy móc thiết bị, chi phí nhân công. Bản thân OECD trong quy định Trụ cột 2 cũng đưa ra khái niệm về khoản khấu trừ thu nhập theo hoạt động kinh tế thực chất ("SBIE" – Substance based income exclusion) được trừ ra khỏi thu nhập khi tính toán thuế nộp bổ sung. Như vậy, trường hợp Việt Nam có cơ chế ưu đãi chi phí đối với chi phí sản xuất, chi phí đầu tư tài sản hữu hình và chi phí phát triển nguồn nhân lực thì cũng sẽ phù hợp với tinh thần của OECD trong việc khuyến khích đầu tư thực chất nêu trên. Bên cạnh đó, việc khuyến khích chi phí nghiên cứu và phát triển cũng phù hợp với định hướng phát triển của quốc gia.

(iii) Phù hợp với thông lệ quốc tế, dựa trên tham khảo kinh nghiệm các quốc gia khác trên thế giới²⁶;

(iv) Mang tính chọn lọc, phù hợp với tình hình ngân sách, tránh trùng lặp với các khoản hỗ trợ ưu đãi đã được bố trí nguồn kinh phí khác để thực hiện²⁷.

(2) Đánh giá tác động đến ngân sách nhà nước: giải pháp được đưa ra có mục tiêu không ảnh hưởng tiêu cực tới NSNN như phân tích ở phần giải pháp khi xây dựng Quỹ hỗ trợ đầu tư.

(3) Đánh giá tác động về hệ thống luật pháp chính sách

a) Sự phù hợp với các quy tắc OECD

Nhằm đạt được mục tiêu của chính sách chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển dịch lợi nhuận, OECD cũng có khuyến nghị một số nội dung nhằm tránh hiện tượng đảo ngược chính sách, cụ thể là cấm các quốc gia cung cấp các lợi ích có liên quan đến các quy tắc của Trụ cột II.

(1) Định nghĩa “lợi ích có liên quan” theo quy định của Trụ cột II

Theo Luận giải (Commentary) hướng dẫn chi tiết các Quy tắc mẫu²⁸, khái niệm “lợi ích” được diễn giải như sau:

Thuật ngữ “các lợi ích” là bao quát và toàn diện để điều chỉnh bất kỳ loại lợi thế nào được cung cấp bởi một khu vực pháp lý, bao gồm các ưu đãi về thuế và trợ cấp; và cụm từ “liên quan đến các quy tắc” được soạn thảo có chủ ý với phạm vi rộng để tính đến các cơ chế khác nhau mà qua đó lợi ích được cung cấp.

(2) Chủ thể cung cấp “lợi ích có liên quan”

Theo Điểm 126 trang 213 tại bản Luận giải của OECD²⁹, khi xem yếu tố “khu vực pháp lý” cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc áp dụng các quy tắc của Trụ cột II, khái niệm “khu vực pháp lý” không chỉ là quốc gia hoặc chính quyền trung ương của khu vực pháp lý đó, mà còn bao gồm bất kỳ các phân khu chính trị, chính quyền địa phương, hoặc bất kỳ tổ chức công lập. Ví dụ, nếu một ngân hàng phát triển công lập cung cấp một lợi ích cụ thể liên quan đến việc áp dụng quy tắc thu nhập gộp IIR, thì quy tắc thu nhập gộp IIR áp dụng tại khu vực pháp lý đó không được coi là đạt chuẩn.

²⁶ Các quốc gia đang phát triển có tiền lệ ưu đãi theo chi phí có thể kể đến Ấn Độ, Trung Quốc, Thái Lan, bao gồm cơ chế về hỗ trợ chi phí đầu tư vào nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công nghệ và nghiên cứu phát triển, trong đó nổi bật là bộ 3 chính sách khuyến khích sản xuất điện tử của Ấn Độ, chính sách RIC hỗ trợ đầu tư trên chi phí của Singapore, và chính sách theo Đạo Luật Tăng cường cạnh tranh của Thái Lan nhằm khuyến khích nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Các quốc gia phát triển cũng rất phổ biến hình thức đầu tư theo chi phí đối với nghiên cứu phát triển (như Vương quốc Anh, Ireland, Ba Lan, Pháp, v.v...), ưu đãi chi phí hoạt động, ưu đãi chi phí vốn (Ba Lan, Hungary, Singapore, v.v...). Như vậy 05 khoản chi phí được đưa ra là hoàn toàn phù hợp và có tiền lệ áp dụng tại các quốc gia trên thế giới.

²⁷ 05 khoản chi phí được đưa ra có tính chọn lọc, sát với thực tế, dễ xác định và kiểm soát khi thực thi, theo đó giúp kiểm soát bối chi ngân sách

²⁸ Điểm 123 trang 213 của Commentary: *The word “benefits” is comprehensive enough to cover any kind of advantage provided by a jurisdiction, including tax incentives, grants, and subsidies and the phrase “related to such rules” is intentionally drafted with broad language to take into account different mechanisms through which the benefit is provided.*

²⁹ *In this context, the term “jurisdiction” is not restricted to the national or central government of the jurisdiction. It includes any political subdivision, local authority, or any other public entity or arrangement. For example, if a public development bank provides a particular benefit that is related to the application of the IIR, then such rule is not a Qualified IIR.*

(3) Mục đích cấm cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Yêu cầu “các khu vực pháp lý không được cung cấp bất kỳ lợi ích liên quan đến các quy tắc” của Trụ cột II được quy định trong định nghĩa về IIR, UTPR, DMTT đạt chuẩn tại Quy tắc mẫu (Model Rules)³⁰ và diễn giải các định nghĩa này trong Bản luận giải (Commentary)³¹.

Mục đích của các quy định cấm này là để tránh các nước áp dụng các biện pháp đối ứng mang tính chất tiêu cực hoặc đi ngược lại với mục tiêu chung của Trụ cột II là chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận, đồng thời tạo cơ hội để các nước tái cấu trúc hệ thống ưu đãi theo hướng có hiệu quả hơn.

Mục đích này có thể được hiểu thông qua diễn giải về Thuế tối thiểu bổ sung nội địa đạt chuẩn (QDMTT) tại Điểm 116 trang 212 của Commentary như sau³²:

Thuế bổ sung nội địa được coi là là đạt chuẩn nếu được áp cho phần Lợi nhuận thặng dư của các Công ty trong nước nhằm tăng nghĩa vụ thuế lên Mức tối thiểu chung toàn cầu. Việc đánh thuế bổ sung nội địa phải được thực hiện và quản lý để tạo ra kết quả tương đương như khi áp dụng Quy tắc GloBE và các Luận giải, bao gồm cả việc cấm các khu vực pháp lý cung cấp bất kỳ lợi ích có liên quan đến thuế nội địa đó. Giới hạn về “lợi ích” này không nhằm mục đích hạn chế khả năng của một khu vực pháp lý tiến hành cải cách hệ thống thuế thu nhập doanh nghiệp của mình theo hướng phù hợp với cấu trúc thuế quốc tế mới được quy định trong Quy tắc GloBE. Những cải cách sau khi áp dụng thuế tối thiểu nội địa này không nên được coi là một “lợi ích” với điều kiện là nghĩa vụ thuế sau cải cách của Tập đoàn đa quốc gia, về mặt tổng thể, không đi ngược lại với mục đích, định hướng của các quy định tại Quy tắc GloBE và các Luận giải tương ứng.

Do đó, các chính sách trợ cấp trực tiếp (không thông qua hệ thống thuế) sẽ ít rủi ro bị coi là lợi ích trực tiếp liên quan đến QDMTT.

(4) Cơ sở đánh giá việc cung cấp các “lợi ích có liên quan”

Theo Commentary của OECD, để xem xét liệu một lợi ích có liên quan đến Quy tắc mẫu của Trụ cột II hay không cần phải xem xét toàn bộ các tình tiết, sự kiện và hoàn cảnh của từng vụ việc. Trong đó phải xem xét nguyên tắc cơ bản của

³⁰ Nội dung này quy định rải rác trong định nghĩa Thuế tối thiểu nội địa đạt chuẩn (Qualified Domestic Minimum Top-up Tax), Quy tắc gộp thu nhập chịu thuế đạt chuẩn (Qualified IIR), Quy tắc nộp thuế thặng dư (Qualified UTPR) tại trang 64, 65 của Quy tắc mẫu (OECD Model Rule).

³¹ Ví dụ tại Điểm 141 trang 216 của Commentary khi diễn giải về UTPR đạt chuẩn có nêu “The definition prohibits a jurisdiction from providing benefits that are related to the IIR or the UTPR that it has implemented. See discussion on this in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. – Định nghĩa này cấm các khu vực pháp lý cung cấp các lợi ích có liên quan đến việc thực hiện quy tắc IIR hoặc UTPR

³² 116. Qualified Domestic Minimum Top-up Tax means a tax that applies to Excess Profits of the domestic Constituent Entities and operates to increase domestic tax liability with respect to those profits to the Minimum Rate. The tax must be implemented and administered in a way that is consistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary, including the prohibition against the implementing jurisdiction providing any collateral or other benefits that are related to such domestic tax as discussed further in the Commentary to the definition of a Qualified IIR. This limitation on collateral benefits is not intended to restrict the ability of a jurisdiction to make changes to the design of its corporate tax system in light of the new international tax architecture under the GloBE Rules. Such changes to the domestic corporate tax rules consequent on the introduction of a domestic minimum tax should not be considered a benefit provided that they do not result in MNE Groups achieving overall tax outcomes that are inconsistent with the outcomes provided for under the GloBE Rules and their Commentary.

Trụ cột II là tạo ra một sân chơi bình đẳng giữa tất cả các khu vực pháp lý và tránh các hành động đi ngược mục đích do có sự khác biệt trong việc triển khai và áp dụng các quy tắc GloBE.

OECD đã cung cấp một số yếu tố cần được tính đến khi đánh giá liệu có "lợi ích liên quan đến các quy tắc" tại điểm 126³³ trang 213 của Luận giải như sau:

- Liệu lợi ích chỉ được cấp cho các doanh nghiệp là đối tượng bị ảnh hưởng theo Quy tắc Mẫu Trụ cột Hai hay không;
- Liệu lợi ích có được giới thiệu như là một phần của việc thực hiện các Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không; Và
- Liệu lợi ích có được giới thiệu sau khi OECD bắt đầu thảo luận về Quy tắc mẫu của Trụ cột Hai hay không³⁴.

(*Ghi chú: OECD chưa quy định toàn bộ các yếu tố đánh giá, các yếu tố này được xem là chỉ dẫn bước đầu khi đánh giá và lưu ý khi thiết kế chính sách ưu đãi để đảm bảo không vi phạm nguyên tắc này.*)

Đối với QDMTT nếu Chính phủ có cung cấp khoản lợi ích có liên quan thì chính sách thuế tối thiểu nội địa coi như không đạt tiêu chuẩn. Thuế tối thiểu nội địa bổ sung không đạt chuẩn thì số thuế tối thiểu nộp thêm tại Việt Nam sẽ không được trừ khỏi công thức tính thuế tối thiểu bổ sung toàn cầu. Việc thuế tối thiểu bổ sung nội địa không đạt chuẩn làm tăng thêm nghĩa vụ thuế cho doanh nghiệp do phải nộp thêm thuế bổ sung tại quốc gia khác và có khả năng dẫn đến đánh trùng thuế giữa các quốc gia cũng như phát sinh thêm các thủ tục hành chính trong việc kê khai tính toán và có nguy cơ phát sinh các tranh chấp do sự khác biệt về tính toán giữa các quốc gia.

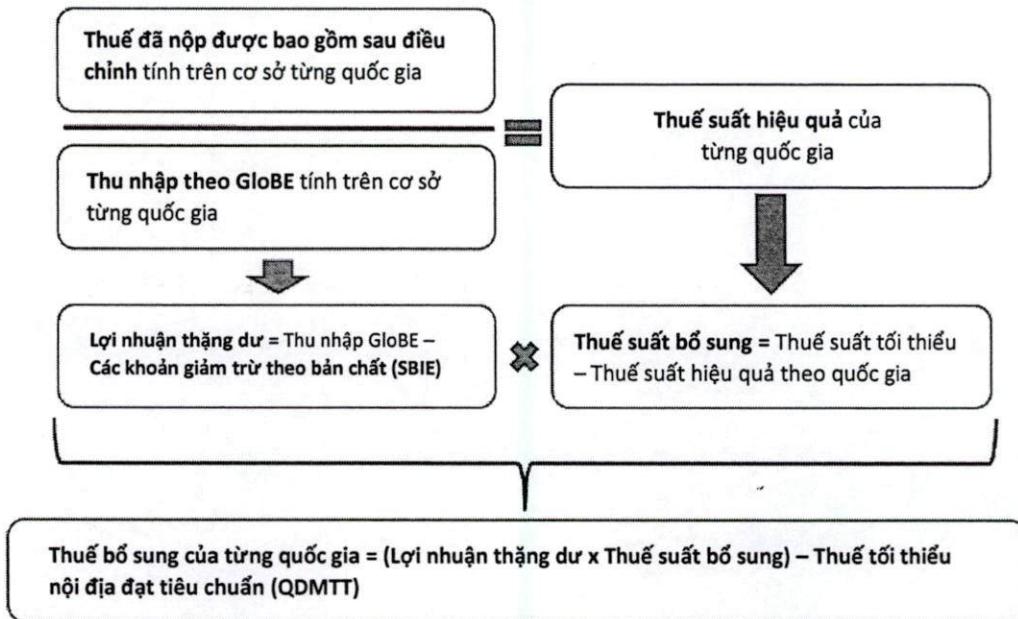
(5) Thiết kế chính sách cần không làm giảm suất hiệu quả để có thể mang lại lợi ích thực tế cho doanh nghiệp.

Công thức của Trụ Cột II:

³³ A tax benefit or grant provided to all taxpayers is not related to the GloBE Rules. Facts that are relevant but not decisive include whether the tax benefit or grant benefits only taxpayers subject to the GloBE Rules, whether the benefit is marketed as part of the GloBE Rules and if the regime was introduced after the OECD/G20 Inclusive Framework started discussing the GloBE Rules.

³⁴ OECD/G20 Inclusive Framework lập cách tiếp cận 2 trụ cột vào tháng 1/2019

Công thức tính số thuế nộp bổ sung theo quy tắc IIR



$$\text{Thuế suất hiệu quả (ETR)}_{\text{của từng quốc gia}} = \frac{\text{Số thuế đã nộp của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}{\text{Thu nhập trước thuế của tất cả các Công ty thành viên tại quốc gia đó (với một số điều chỉnh)}}$$

Căn cứ công thức nêu trên thuế suất hiệu quả càng thấp thì số thuế nộp bổ sung càng lớn hay nói cách khác nếu các khoản ưu đãi hỗ trợ có tác dụng làm giảm ETR thì sẽ làm tăng số thuế phải nộp bổ sung. Do đó, các chính sách hỗ trợ đưa ra đều cần xem xét sẽ ảnh hưởng đến ETR như thế nào.

Với công thức tính ETR ở trên, các hình thức ưu đãi sẽ tác động vào ETR thông qua việc (i) giảm tử số - làm giảm số thuế bao gồm (Covered Taxes) hoặc (ii) tăng mẫu số - làm tăng thu nhập (GloBe income).

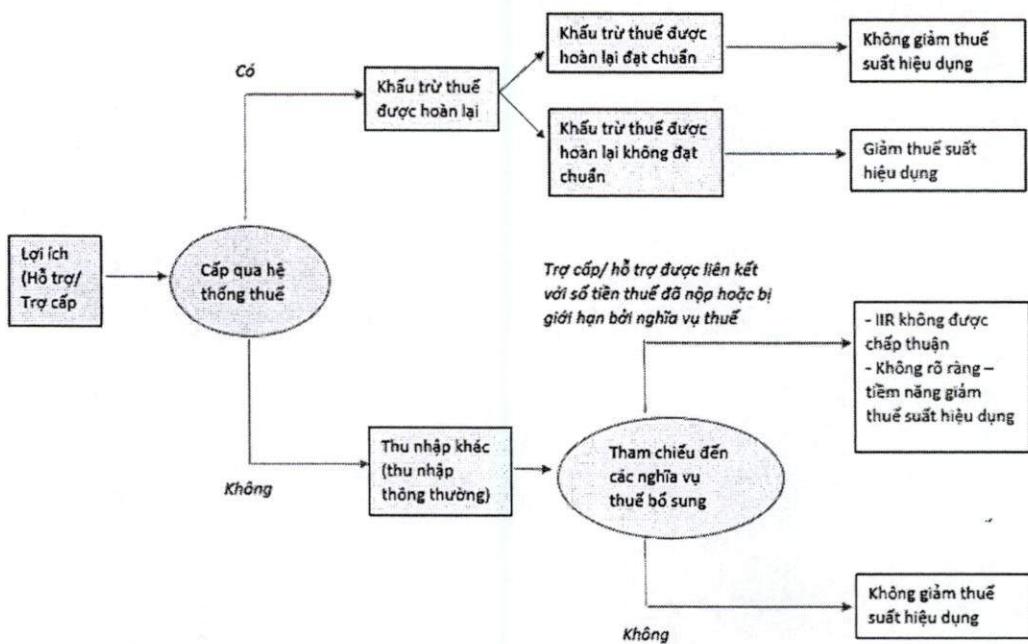
OECD trong tài liệu về Ưu đãi thuế và trụ cột 2 tháng 10/2022 đã đưa ra phân tích về các loại công cụ ưu đãi tác động như thế nào đến ETR như sau:

Bản chất khoản hỗ trợ	Loại công cụ	Lợi ích thuế bị ảnh hưởng bởi cách tính thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)	Ảnh hưởng đến thuế suất hiệu quả (GloBE ETR)		Lựa chọn công cụ ưu đãi
			Tử số	Mẫu số	
Ưu đãi dựa trên thu nhập		Miễn hoàn tòan	Nhiều khả năng	↓	Không lựa chọn
		Miễn một phần	Nhiều khả năng	↓	Không lựa chọn

		Giảm thuế suất	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
Ưu đãi dựa trên chi phí	Giảm trừ thuế nhập chịu thuế	Trợ cấp thuế ³	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn
		Chi phí hóa tức thì và khấu hao nhanh	Ít khả năng	Điều chỉnh phát sinh mang tính theo thời điểm		Không lựa chọn vì công cụ này chỉ đem lại lợi ích về mặt thời gian thông qua việc trì hoãn nộp thuế nhưng không mang lại lợi ích bù đắp cho các doanh nghiệp
		Đối với tài sản hữu hình, máy móc thiết bị và nhà cửa	Không ảnh hưởng	Không ảnh hưởng công thức tính		
		Đối với các tài sản vô hình có thời hạn ngắn	Ít khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		
		Tài sản khác	Nhiều khả năng	Có thể ảnh hưởng tính vào công thức tính		Không lựa chọn
	Giảm trừ thuế	Các khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện (QRTC)	Ít khả năng	Ghi chú 2	↑	Nên lựa chọn vì khoản giảm trừ thuế đạt chuẩn được tính vào thuế nhập chịu thuế nên không làm giảm GloBE ETR có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư
		Các khoản giảm trừ thuế khác	Nhiều khả năng	↓		Không lựa chọn vì khoản giảm trừ không đạt chuẩn sẽ làm giảm Adjusted Covered Tax nên sẽ làm giảm GloBE ETR

Nhìn chung, các khoản hỗ trợ, trợ cấp đầu tư có thể được chi trả theo hai phương thức (i) chi trả qua hệ thống thuế, hoặc (ii) chi trực tiếp hoặc theo các hình thức khác không qua hệ thống thuế như minh họa dưới đây:

Trong đó, khoản hỗ trợ của Chính phủ được chi trả trực tiếp bằng tiền mặt (Cash grant) hoặc chi trả qua hệ thống thuế bằng cách cấn trừ với nghĩa vụ thuế hoặc trả tiền mặt trong vòng 4 năm kể từ khi công ty đáp ứng điều kiện được hỗ trợ (QRTC) không làm giảm thuế suất hiệu quả nên có thể mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư khi áp dụng Trụ cột 2.



Lưu ý với trường hợp chi trả theo hình thức khác không qua hệ thống thuế

Khoản trợ cấp của Chính phủ nếu có liên kết hoặc giới hạn bởi các nghĩa vụ thuế sẽ không được coi là khoản giảm trừ thuế được hoàn lại đáp ứng điều kiện dẫn đến việc phải tính toán lại và làm giảm thuế suất hiệu quả GloBE ETR. Do đó, nếu đã chi trả không thông qua hệ thống thuế thì không nên có các quy định tham chiếu đến các nghĩa vụ thuế bổ sung.

Kết luận

Các đề xuất giải pháp chính sách hỗ trợ đầu tư sẽ không vi phạm các quy tắc của OECD vì:

(i) Khoản hỗ trợ không phải là cung cấp lợi ích có liên quan đến chính sách thuế tối thiểu nội địa bổ sung để chính sách này có thể đạt chuẩn theo quy định của OECD là QDMTT. Theo đó:

- Chính sách hỗ trợ áp dụng cho tất cả các đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng trợ cấp, không chỉ áp dụng với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi trụ cột 2, không phân biệt dự án đầu tư cũ hay mới.

- Chính sách không được giới thiệu là một phần của chính sách thuế TTTC, số tiền hỗ trợ không thể hiện mối liên hệ đến số thuế nộp bổ sung.

- Chính sách cũng dựa trên các tiêu chí hoặc quy định đã có từ trước để giảm thiểu việc giới thiệu một chính sách mới sau khi áp dụng trụ cột 2.

(ii) Chính sách hỗ trợ có hình thức hỗ trợ trực tiếp bằng tiền để mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư. Theo đó, khoản hỗ trợ sẽ là khoản ưu đãi hỗ trợ dựa trên

chi phí, không liên quan đến hoặc giới hạn bởi nghĩa vụ thuế phải nộp (hay liên quan đến doanh thu, lợi nhuận).

b) Sự phù hợp với cam kết WTO

Điều XVI Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch GATT 1994 và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures-Hiệp định SCM) đưa ra các quy định về các khoản trợ cấp của chính phủ.

(1) Định nghĩa của trợ cấp theo WTO:

Trợ cấp được định nghĩa là các khoản trợ giúp bằng tài chính của chính phủ hoặc cơ quan nhà nước, mang lại lợi ích cho đối tượng nhận trợ cấp. Trợ cấp có thể có một trong các hình thức sau hoặc kết hợp của các hình thức dưới đây, từ chính phủ hoặc thông qua các quỹ, các tổ chức tín thác, hoặc tư nhân:

- Trợ cấp trực tiếp bằng tiền (ví dụ: cấp vốn, cho vay hoặc góp vốn cổ phần);
 - Các khoản tiền hoặc nợ có thể được chuyển trong tương lai (ví dụ: bảo lãnh khoản vay);
 - Miễn hoặc bỏ qua các khoản lẽ ra phải đóng (ví dụ: ưu đãi thuế, tín dụng);
 - Mua hàng, cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hóa (trừ cơ sở hạ tầng chung).
- Trợ cấp sẽ phải tuân theo các quy tắc trong Hiệp định SCM nếu thỏa mãn điều kiện về “tính riêng biệt”, tức là các khoản trợ cấp này được áp dụng riêng cho một doanh nghiệp, một ngành hoặc nhóm doanh nghiệp hoặc nhóm ngành. WTO yêu cầu các nước thành viên hạn chế các khoản trợ cấp làm sai lệch việc phân bổ nguồn lực trong nền kinh tế. Các chương trình trợ giúp của chính phủ được áp dụng rộng rãi trong một nền kinh tế có thể không vi phạm nguyên tắc nêu trên. Theo quy định tại Hiệp định SCM, các trường hợp trợ cấp dưới đây có thể bị coi là có “tính riêng biệt”:

- Trợ cấp cho các doanh nghiệp cụ thể, hoặc ngành cụ thể.
- Trợ cấp cho một khu vực địa lý cụ thể.
- Các khoản trợ cấp bị cấm

(2) Các loại trợ cấp theo WTO

Về nguyên tắc, Chính phủ có thể trợ cấp cho các công ty với những hạn chế và điều kiện nhất định.

Hiệp định SCM xác định hai loại trợ cấp: trợ cấp bị cấm (trợ cấp đèn đỏ), trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng - tức là có thể bị thách thức trong WTO hoặc áp dụng các biện pháp đối kháng). Ban đầu, Hiệp định SCM có một danh mục thứ ba là Trợ cấp không bị khiếu kiện (trợ cấp đèn

xanh). Danh mục này tồn tại trong năm năm, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 1999 và không được gia hạn.

- *Về trợ cấp bị cấm*, theo điều 3 của Hiệp định SCM, các khoản trợ cấp sau đây bị cấm:

+ Trợ cấp xuất khẩu - nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào dựa trên một hoặc nhiều điều kiện khi xuất khẩu, kể cả trường hợp có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế. Ví dụ, trợ cấp được cấp theo giá trị hoặc tỷ lệ xuất khẩu, trợ cấp cho chi phí nguyên vật liệu để xuất khẩu, ưu đãi/ thuế hoàn lại được cấp nếu có hoạt động xuất khẩu.

+ Trợ cấp khuyễn khích tiêu dùng sản phẩm trong nước: nghĩa là bất kỳ khoản trợ cấp nào phụ thuộc vào việc sử dụng hàng hóa trong nước thay vì hàng nhập khẩu, dù chỉ là một hoặc một trong một số điều kiện khác.

Ngoài ra, theo chú thích 4 trong Hiệp định SCM giải thích thêm cho lời văn về việc trợ cấp bị coi là tồn tại khi “có quy định pháp luật hay được áp dụng trên thực tế” đối với hoạt động xuất khẩu như sau: “Tiêu chí này có nghĩa là cho dù không có quy định pháp luật rằng chính phủ sẽ cấp trợ cấp nếu bên nhận trợ cấp đạt được kết quả xuất khẩu nhất định, nhưng trên thực tế trợ cấp vẫn được cấp gắn với tình hình xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu ở hiện tại hoặc trong tương lai. Việc cấp trợ cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu không vì thế mà lập tức bị coi là trợ cấp xuất khẩu hiếu theo nghĩa của Điều này.”

Như vậy, khoản trợ cấp dành cho doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm sẽ không thuộc khoản trợ cấp bị cấm, nếu khoản trợ cấp đó không ràng buộc hoặc phụ thuộc vào xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu, và thỏa mãn các điều kiện khác của Hiệp định SCM. Quan điểm này đã được thảo luận và lưu ý trong quá trình đàm phán WTO giữa Việt Nam và các thành viên khác về các ưu đãi dành cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất mà Việt Nam khẳng định rằng các ưu đãi đó sẽ phù hợp với WTO, tức là các ưu đãi sẽ không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc tỷ lệ nội địa hóa.

- *Về trợ cấp có thể bị khiếu kiện*, theo điều 5 của Hiệp định SCM, trợ cấp không bị cấm nhưng có thể bị khiếu kiện (trợ cấp đèn vàng) là việc một Thành viên thông qua việc sử dụng bất kỳ trợ cấp nào để gây ra tác động có hại đến quyền lợi của Thành viên khác, cụ thể:

+ Gây tổn hại cho một ngành sản xuất của một Thành viên khác;

+ Làm vô hiệu hay gây phương hại đến những quyền lợi mà Thành viên khác trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng từ Hiệp định GATT 1994, đặc biệt là những quyền lợi có được từ những cam kết theo Điều 2 của Hiệp định GATT 1994.

+ Gây tổn hại nghiêm trọng tới quyền lợi của một Thành viên khác. Trong trường hợp này, quốc gia khiếu nại phải chứng minh rằng trợ cấp do quốc gia thành viên khác cung cấp có ảnh hưởng xấu đến lợi ích của quốc gia đó.

Việc xác định thiệt hại có thể tại quốc gia nhập khẩu, hoặc các nhà xuất khẩu đối thủ từ một quốc gia khác khi cả hai cạnh tranh ở thị trường thứ ba, hoặc tại quốc gia cấp trợ cấp khiến các nhà xuất khẩu nước ngoài mất lợi thế cạnh tranh.

Thông thường, trợ cấp đèn vàng sẽ được đưa ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO để phán quyết. Nếu Cơ quan giải quyết tranh chấp quy định rằng trợ cấp có tác động bất lợi, trợ cấp đó phải được thu hồi hoặc ảnh hưởng bất lợi của nó phải được loại bỏ. Hầu hết các khoản trợ cấp, chẳng hạn như trợ cấp sản xuất, thuộc loại "có thể đối kháng". Việc tạo ra một hệ thống các biện pháp khắc phục đa phương cho phép các Thành viên đặt câu hỏi cho các khoản trợ cấp làm phát sinh các tác động bất lợi thể hiện một bước tiến lớn so với cơ chế trước đây của WTO. Tuy nhiên, cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO hiện nay vẫn bị các nước thành viên chỉ trích là thiếu hiệu quả và vẫn tồn tại những khó khăn trong hầu hết các trường hợp đối với Thành viên khiếu nại để chứng minh các tác động thương mại bất lợi phát sinh từ trợ cấp.

- Nghĩa vụ thông báo về trợ cấp:

Điều 25 của Hiệp định SCM yêu cầu các Thành viên thông báo về mọi khoản trợ cấp cụ thể (ở tất cả các cấp chính quyền và bao gồm tất cả các lĩnh vực hàng hóa, bao gồm cả nông nghiệp) cho Ủy ban SCM, và thông báo các biện pháp đối kháng được triển khai, thường là định kì nửa năm hoặc hàng năm. Các thông báo này là chủ đề được Ủy ban SCM xem xét và thảo luận.

Theo báo cáo của Ủy ban trợ cấp và Các biện pháp đối kháng về Chương trình trợ cấp của Việt Nam ngày 27 tháng 2 năm 2020, Việt Nam đã đệ trình một thông báo mới và đầy đủ theo điều XVI của GATT 1994 và điều 25 của Hiệp định SCM. Trong báo cáo này, tất cả các khoản trợ cấp hiện có ở Việt Nam (bao gồm ưu đãi thuế suất TNDN, miễn thuế nhập khẩu, miễn tiền thuê đất, ... cho các dự án đầu tư vào các lĩnh vực/địa điểm ưu đãi, thuế suất ưu đãi cho các dự án năng lượng mặt trời/gió, v.v.) đều đã được báo cáo. Theo báo cáo này, không có trợ cấp nào có tác động đến thương mại tức là các khoản trợ cấp này được phép theo WTO.

Ngoài ra, một số yếu tố nên xem xét là hiện tại thực tế thủ tục giải quyết tranh chấp của WTO đang thiếu hiệu quả (chưa có tổ chức tài phán giải quyết), các nước nhập khẩu chính các sản phẩm sản xuất của Việt Nam gồm Hoa Kỳ, EU... tuy nhiên các quốc gia này không sản xuất các sản phẩm tương tự ở quy mô đáng kể nên rất khó để chứng minh bị thiệt hại, do đó cũng khó có căn cứ để đánh thuế đối kháng.

Tại Hoa Kỳ có áp dụng các ưu đãi hỗ trợ cho sản xuất đối với các dự án chiến lược như ưu đãi bằng tiền mặt cho sản xuất pin xe điện ... cũng không thuộc đối tượng phải áp thuế đối kháng.

Kết luận

Trên cơ sở các thông tin và phân tích nêu trên, các cơ chế trợ cấp dựa trên chi phí không thuộc loại trợ cấp bị cấm, nếu trợ cấp này áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài, các công ty xuất khẩu và các công ty bán hàng trong nước) và nó không phụ thuộc vào kết quả hoạt động xuất khẩu hoặc thu nhập từ xuất khẩu (không bị coi là có “tính riêng biệt” và không phải là trợ cấp xuất khẩu). Các nước thành viên WTO khác có thể xem xét lại các khoản trợ cấp mà một quốc gia đưa ra để xác định xem khoản trợ cấp đó có tạo ra bất kỳ ảnh hưởng xấu nào đến lợi ích của họ hay không. Tuy nhiên, khả năng cao một chương trình trợ cấp dựa trên chi phí nghiên cứu và phát triển, đầu tư tài sản cố định, đào tạo, đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội không gây tổn hại nghiêm trọng cho các nước thành viên khác.

c) *Sự phù hợp với các Hiệp định thương mại tự do (FTA)*

(1) Các hình thức hỗ trợ như đề xuất không nêu đích danh doanh nghiệp được hưởng. Thay vào đó, chính sách chỉ đặt ra các tiêu chí, và trong trường hợp bất kỳ doanh nghiệp nào đạt được các tiêu chí này, thì doanh nghiệp đó cũng sẽ được hưởng hỗ trợ. Do đó, không vi phạm phân biệt đối xử trong phạm vi bảo hộ đầu tư theo thỏa thuận của các FTA.

(2) Yếu tố hỗ trợ theo ngành sản xuất cụ thể, hoặc loại sản phẩm cụ thể không làm phát sinh yếu tố phân biệt đối xử do không đặt ra bất kỳ rào cản tham gia thị trường nào đối với các doanh nghiệp muốn đáp ứng đủ tiêu chí để được hưởng hỗ trợ.

(3) Ngoài ra, đối với FTA tiêu biểu như Hiệp định CPTPP, các hình thức hỗ trợ trên cũng đảm bảo ít rủi ro vi phạm đến các quy tắc trong hiệp định. Theo đó, Hiệp định CPTPP quy định không Bên nào được đưa ra điều kiện hưởng ưu đãi (liên quan đến việc thành lập, mua lại, mở rộng, quản lý, điều hành, vận hành, bán hay định đoạt) để đạt tỷ lệ hàm lượng nội địa; để ưu đãi đối với hàng hóa sản xuất tại lãnh thổ mình; để ràng buộc giá trị xuất, nhập khẩu hoặc nguồn thu ngoại tệ... Trong khi đó, điều kiện để được hưởng hỗ trợ đầu tư trong chính sách này không thuộc trường hợp bị ngăn cản theo quy định trên, mà chỉ nhằm để thu hút vốn đầu tư và bình ổn môi trường đầu tư. Ngoài ra, việc hỗ trợ cho giá trị sản xuất gia tăng của sản phẩm công nghệ cao cũng chỉ nhằm mục đích khuyến khích tạo ra giá trị sản xuất của sản phẩm tại nội địa, mà không đặt ra các điều kiện ràng buộc về hàm lượng nội địa thì doanh nghiệp mới được nhận hỗ trợ. Bởi vậy, chính sách hỗ trợ đầu tư này ít rủi ro vi phạm đến các nguyên tắc về hạn chế trợ cấp trong Hiệp định CPTPP.

(4) Trong công văn góp ý đối với Dự thảo hồ sơ Nghị định, Bộ Ngoại giao cũng đánh giá rằng “chính sách hỗ trợ được đề xuất cơ bản không trái với quy định của WTO đối với các trợ cấp có thể bị đối kháng theo Điều 5, Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM), chính sách hỗ trợ được đề xuất cho các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước trên cơ sở đáp ứng các tiêu chí chung

về chi phí, ngành nghề đầu tư, do đó không vi phạm các nghĩa vụ về không phân biệt đối xử với nhà đầu tư trong các Hiệp định đầu tư, cũng như trong Chương Đầu tư của các FTA thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên”.

(4) Đánh giá tác động về thủ tục hành chính

(i) Đối tượng doanh nghiệp công nghệ cao, dự án quy mô lớn, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm là những đối tượng hiện nay đang được hưởng chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, nên việc đánh giá và chọn lọc đối tượng có thể tận dụng thủ tục hành chính hiện hành. Cụ thể, thủ tục xác nhận Doanh nghiệp công nghệ cao, dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao là thủ tục đã có sẵn theo quy định hiện hành của Luật công nghệ cao. Doanh nghiệp có thể tự đánh giá việc đáp ứng các điều kiện về quy mô vốn, tiến độ giải ngân của dự án, vì vậy không phát sinh thêm nhiều các thủ tục xác nhận về đối tượng đối với nhóm công nghệ cao.

(ii) Các đối tượng như doanh nghiệp có dự án chip, mạch tích hợp bán dẫn có phát sinh thêm thủ tục cho cơ quan chuyên môn để đánh giá, lựa chọn.

(iii) Quy trình thủ tục đề xuất và thẩm định hỗ trợ đầu tư là thủ tục hành chính mới áp dụng cho các đối tượng hưởng hỗ trợ. Tuy nhiên thực tế quy trình này được xây dựng tương tự với quy trình thẩm định các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

(5) Đánh giá tác động về vấn đề giới: không có

3.5. Kiến nghị giải pháp: kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (thẩm quyền ban hành chính sách là Chính phủ).

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Báo cáo đánh giá tác động đã được lấy ý kiến của các bộ, ngành, cơ quan trung ương, các công ty kiểm toán quốc tế và các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước. Cơ quan đánh giá tác động đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực cho việc thi hành văn bản

- Từ nguồn ngân sách trung ương;
- Từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản bao gồm các nội dung được xác định như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến văn bản: Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến nội dung văn bản và các quy định liên quan; Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền phổ biến những yêu cầu, nội dung và các quy định của văn bản kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp hiểu biết, nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong văn bản, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện văn bản.

V. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Chính phủ báo cáo UBTVQH trước khi ban hành Nghị định.

Sau khi Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư được ban hành:

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức thi hành Nghị định này;
 - b) Phân công các Bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ để thực hiện việc xây dựng dự toán hàng năm, đánh giá, thẩm định, cấp hỗ trợ, kiểm tra và giám sát việc hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp cũng như các ưu đãi đầu tư khác.
2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện chính sách này.
3. Về việc thi hành

Nghị định áp dụng từ năm tài chính 2024.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của đề nghị xây dựng Nghị định thành lập, quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ đầu tư./.

(Xin gửi kèm theo:

Phụ lục I: Cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của Việt Nam

Phụ lục II: Trợ cấp và biện pháp đối kháng theo Hiệp định WTO

Phụ lục III: Rà soát một số Quỹ tài chính nhà nước)

Noi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, PTTg Lê Minh Khái (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp
- Lưu: VT, ĐTNN_{DA}

KT. BỘ TRƯỞNG
THÚ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Ngọc

PHỤ LỤC I
CƠ CHẾ ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA VIỆT NAM

I. VỀ HÌNH THỨC VÀ ĐỐI TƯỢNG ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

Điều 15. Hình thức và đối tượng áp dụng ưu đãi đầu tư

1. Hình thức ưu đãi đầu tư bao gồm:

a) Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

c) Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất; /

d) Khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế.

2. Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư bao gồm:

a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;

b) Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này;

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời có một trong các tiêu chí sau: có tổng doanh thu tối thiểu đạt 10.000 tỷ đồng mỗi năm trong thời gian chậm nhất sau 03 năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên 3.000 lao động;

d) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên; dự án đầu tư sử dụng lao động là người khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

đ) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ; dự án có chuyên giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, pháp luật về khoa học và công nghệ; doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và

dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Dự án đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển;

g) Đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

3. Ưu đãi đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

4. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư được áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai.

5. Ưu đãi đầu tư quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này không áp dụng đối với các dự án đầu tư sau đây:

a) Dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

b) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ dự án sản xuất ô tô, tàu bay, du thuyền;

c) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại theo quy định của pháp luật về nhà ở.

6. Ưu đãi đầu tư được áp dụng có thời hạn và trên cơ sở kết quả thực hiện dự án của nhà đầu tư. Nhà đầu tư phải đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật trong thời gian hưởng ưu đãi đầu tư.

7. Dự án đầu tư đáp ứng điều kiện hưởng các mức ưu đãi đầu tư khác nhau, bao gồm cả ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 20 của Luật này thì được áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao nhất.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

II. VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐẶC BIỆT

Điều 20. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt

1. Chính phủ quyết định việc áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt nhằm khuyến khích phát triển một số dự án đầu tư có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 10.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Mức ưu đãi và thời hạn áp dụng ưu đãi đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về đất đai.

4. Hỗ trợ đầu tư đặc biệt được thực hiện theo các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật này.

5. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

b) Dự án đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 15 của Luật này.

6. Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

PHỤ LỤC II

TRỢ CẤP VÀ BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG THEO HIỆP ĐỊNH WTO

I. Định nghĩa của trợ cấp

Sự hỗ trợ về tài chính của Chính Phủ cho một **ngành công nghiệp và doanh nghiệp nào đó** để **Chính phủ** đạt được một chính sách nhất định

II. Ý nghĩa của biện pháp đối kháng

1. Biện pháp đối kháng là một biện pháp để **bổ sung và áp đặt thuế đối kháng (“CVD”)** đối với **hàng hóa nhập khẩu tương ứng** với hàng hóa và nhà xuất khẩu hoặc nước xuất khẩu được chỉ định nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp trong nước khi có lo ngại về thiệt hại thực tế do nhập khẩu hàng hóa đã được trợ cấp hoặc tiền khuyến khích trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến chế tạo, sản xuất hoặc xuất khẩu ở nước ngoài.

2. Để thực hiện biện pháp đối kháng cần thỏa mãn 3 điều kiện sau:

- i.Tồn tại sự hỗ trợ tài chính (Financial contribution) từ cơ quan chính phủ/nhà nước
- ii.Phát sinh lợi ích (benefit) đối với doanh nghiệp hay ngành công nghiệp đặc thù do sự hỗ trợ tài chính đó
- iii.Vì lý do đó, doanh nghiệp cạnh tranh hay các ngành công nghiệp ở nước nhập khẩu bị thiệt hại và mối quan hệ nhân quả được thiết lập giữa việc chi trả trợ cấp và thiệt hại về công nghiệp

III. Nội dung chính của Hiệp định WTO

1. Trợ cấp tuân theo các biện pháp đối kháng theo hiệp định WTO bao gồm các trợ cấp tài chính của chính phủ và kết quả là lợi ích kinh tế được hình thành. Đặc biệt, điều quan trọng là phải xác định tính đặc thù của trợ cấp (Specificity) và liệu trợ cấp có gây thiệt hại nghiêm trọng (Serious Prejudice) đến lợi ích của quốc gia khác hay không để có thể áp dụng các biện pháp đối kháng

2. Tính đặc thù có nghĩa là khả năng tiếp cận trợ cấp bị giới hạn ở các công ty cụ thể

(i) Theo luật, tính đặc thù phát sinh khi trợ cấp chỉ được trả cho một số công ty và một số ngành công nghiệp, và được coi là không có tính đặc thù khi các khoản trợ cấp được thực hiện theo các tiêu chuẩn và điều kiện khách quan mà không có sự chỉ định của một số công ty hoặc ngành công nghiệp nào.

(ii) Theo luật dù không có tính đặc thù, tuy nhiên trên thực tế, trong trường hợp việc cấp hoặc sử dụng trợ cấp mang tính phân biệt đối xử vẫn được coi là có tính đặc thù.

(iii) Trợ cấp được chi trả cho các doanh nghiệp trên một địa bàn nhất định cũng được coi là có tính đặc thù.

3. Việc xác định **thiệt hại nghiêm trọng** hay không phải được chứng minh dựa trên các tiêu chí sau

(i) Tỷ lệ trợ cấp vượt quá 5%

(ii) Trợ cấp để bù đắp cho những thua lỗ của một ngành công nghiệp hoặc một DN đặc thù

(iii) Trường hợp xóa nợ

(*) Theo tiêu chuẩn tính quan trọng (de minimis) thuế đối kháng của Hoa Kỳ và EU, nếu mức trợ cấp **thấp hơn 1% giá hàng hóa** (2% đối với các nước đang phát triển) thì không bị coi là thiệt hại nghiêm trọng) ▷ Việt Nam không phải là nước đang phát triển

IV. Phân tích các ví dụ biện pháp đối kháng chính đối với hình thức trợ cấp

Trong các ví dụ điều tra về các biện pháp đối kháng chính, tất cả các lợi ích như miễn giảm thuế, hỗ trợ tài chính ... đều được coi là trợ cấp. (Tuy nhiên, trợ cấp dựa trên kết quả hoạt động xuất khẩu được phân loại là trợ cấp bị cấm và so với các khoản trợ cấp khác, thông thường các khoản khấu trừ thuế (Tax credit) có khả năng cao được đánh giá là không mang tính đặc thù)

Ngoài ra, trợ cấp chi trả cho nhà cung cấp - Vendor cũng thuộc đối tượng điều tra áp dụng biện pháp đối kháng.

Trong quá khứ, giao dịch trực tiếp là bán hàng trực tiếp và vận chuyển hàng hóa từ nước sản xuất sang nước nhập khẩu là đối tượng chính của các cuộc điều tra, tuy nhiên vẫn có ví dụ điều tra trong trường hợp tái xuất khẩu.

Khả năng áp dụng biện pháp đối kháng theo hình thức/tính chất trợ cấp được tóm tắt như sau:

Phân loại	Khả năng
Trợ cấp với hình thức khác	<p>(i) Các khoản trợ cấp xuất khẩu dành cho doanh nghiệp đáp ứng điều kiện kết quả hoạt động xuất khẩu thuộc “trợ cấp bị cấm”</p> <p>(ii) Hoàn trả lại trợ cấp</p>
Miễn trừ chi phí (điện,	Khi các khoản trợ cấp cho các cơ sở vật chất sản xuất được trả cho một công ty cụ thể hoặc nhà cung cấp của một

	nước, chi phí thuê...)	công ty cụ thể, nó có nhiều khả năng được đánh giá là có ' tính đặc thù '
	Giảm trừ thuế (Tax credit)	So với các khoản trợ cấp hình thức khác thì có nhiều khả năng được đánh giá là có " tính đặc thù " thấp
	Hạng mục khác ^(*)	(i) Ưu đãi miễn giảm thuế như thuế nhập khẩu/GTGT dành cho doanh nghiệp đặc thù được chỉ định có khả năng cao bị coi là trợ cấp có " tính đặc thù " (ii) Các khoản trợ cấp xuất khẩu dành cho doanh nghiệp đáp ứng điều kiện kết quả xuất khẩu thuộc " trợ cấp bị cấm "

(*) Miễn giảm thuế quan/thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu, thuế địa phương, thuế nhà thầu nước ngoài (FCT)...

V. Tình hình điều tra/áp dụng thuế đối kháng

Theo thống kê về điều tra và áp dụng thuế đối kháng thì Mỹ và EU là chiếm đa số:

Theo tiêu chuẩn quốc gia xuất khẩu			Theo tiêu chuẩn quốc gia điều tra		
Quốc gia	Điều tra	Áp dụng	Quốc gia	Điều tra	Áp dụng
Trung Quốc	189	129	Mỹ	290	173
Ấn Độ	93	56	EU	89	45
Hàn Quốc	32	15	Canada	76	36
Việt Nam	23	9	Úc	38	16
Khác	295	135	Khác	139	74
Tổng	632	344	Tổng	362	344

Các mặt hàng điều tra và áp dụng biện pháp đối kháng chính tập trung vào các sản phẩm phi kim loại (Chương Mục 15 trong quy định phân loại HS code) (mức 50%), và thiết bị gia dụng, điện thoại di động, chất bán dẫn (Chương Mục 16 trong quy định phân loại HS c), v.v. ở mức 5% ▷ Lý do tập trung vào các lĩnh

vực nguyên vật liệu chính như thép...vì có thể dễ dàng so sánh tương đối về sản phẩm, giá, chuỗi cung ứng...(nghĩa là dễ chứng minh về sự thiệt hại nghiêm trọng)

VI. Hạng mục cần nhắc biện pháp đối kháng khi áp dụng trợ cấp

1. Khi xem các ví dụ và quy định của Hiệp định WTO, khoản trợ cấp có thể áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp mà không giới hạn trong một số doanh nghiệp đặc thù nào hoặc một lĩnh vực kinh tế đặc biệt nào thì sẽ không thuộc đối tượng áp dụng biện pháp đối kháng.

2. Ngoài ra, bất kể mức độ cụ thể nào, nếu tỷ lệ trợ cấp được duy trì trong phạm vi 1% giá bán (giá do người sản xuất nhận trợ cấp bán ra) thì không áp dụng các biện pháp đối kháng.

3. Ngay cả khi có cơ cấu giao dịch phức tạp thì cũng cần tính đến khả năng bị áp dụng biện pháp đối kháng, ví dụ trường hợp cơ cấu tái xuất tức là sản xuất theo đơn đặt hàng của công ty mẹ (doanh nghiệp bán lại công ty mẹ của Tập đoàn và Tập đoàn bán cho các nhà phân phối tại nước nhập khẩu), thông thường người khiếu nại rất khó để chứng minh thiệt hại (nghĩa là các công ty sản xuất theo đơn đặt hàng/gia công có nguy cơ áp dụng các biện pháp đối kháng tương đối thấp), vì vậy việc xuất khẩu tới thị trường Hoa Kỳ và EU nơi có nhiều cuộc điều tra và áp dụng biện pháp đối kháng cần xem xét duy trì cơ cấu sản xuất theo đơn đặt hàng/gia công.

4. Việc chuyển đổi các khoản giảm và miễn thuế thành trợ cấp có thể bị truy vấn (challenge), tuy nhiên i) đó là một quyết định hợp lý của Chính phủ Việt Nam nhằm nâng cao tính hiệu lực của việc giảm và miễn thuế sau khi áp dụng thuế TTTC Trụ cột 2 (ở quốc gia khác cũng đã hoặc đang nghiên cứu tương tự), ii) Chi trả trợ cấp trong phạm vi ưu đãi đã được dự kiến tương ứng với khoản miễn giảm thuế hiện tại, iii) Cần phải nhấn mạnh rằng việc áp dụng trợ cấp là một phần/mắt xích của cuộc cải cách thuế cũng như là một quyết định tất yếu đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

VII. Nội dung chính liên quan đến biện pháp đối kháng đối với khoản trợ cấp trong hiệp định WTO

1. Điều kiện chính của “Trợ cấp” (Điều 1 Khoản 1)

(i) Nếu có sự đóng góp tài chính (*) của chính phủ trong lãnh thổ của một quốc gia thành viên WTO và lợi ích kinh tế được trao bởi điều này

(*) 1) Thông lệ của chính phủ liên quan đến việc chuyển tiền trực tiếp (ví dụ như viện trợ không hoàn lại, các khoản vay và tham gia cổ phần), chuyển nhượng trực tiếp các quỹ tiềm năng hoặc các nghĩa vụ nợ (ví dụ như bảo lãnh khoản vay); 2) từ bỏ hoặc không đánh thuế là các khoản phải thu của chính phủ (các ưu đãi tài chính như khấu trừ thuế); 3) Chính phủ cung cấp hoặc mua hàng hóa hoặc dịch vụ không phải là vốn đầu tư gián tiếp chung của xã hội

(ii) Trợ cấp được đánh giá là có "tính đặc thù" sẽ trở thành đối tượng áp dụng biện pháp đối kháng ▷ Điều này là do chi phí sản xuất của các công ty được trợ cấp có chọn lọc được giảm xuống, dẫn đến sự méo mó trong thương mại quốc tế.

(iii) Trợ cấp được chia làm 3 loại: trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể đối kháng và trợ cấp không thể đối kháng (trợ cấp được phép)

2. Trợ cấp mang tính đặc thù (Điều 2)

Trong trường hợp chính phủ hoặc luật pháp hạn chế rõ ràng quyền tiếp cận trợ cấp cho các công ty cụ thể/đặc thù. (Tuy nhiên, dù bề ngoài không có "tính đặc thù" thì vẫn có thể xem xét các yếu tố khác để đánh giá bản chất là có tính đặc thù) (*)

(*) Ví dụ: sử dụng các kế hoạch trợ cấp của một số công ty cụ thể, sử dụng áp đảo bởi các công ty cụ thể, số trợ cấp lớn không tương xứng cho các công ty cụ thể và phương cách chính phủ/cơ quan nhà nước thực hiện quyền quyết định trong các quyết định trợ cấp)

3. Trợ cấp không mang tính đặc thù (Điều 2)

(i) Trong trường hợp các tiêu chuẩn hoặc điều kiện (*) mang tính khách quan quy định điều kiện người thụ hưởng và số trợ cấp được thiết lập phù hợp với chính phủ hoặc luật pháp, và các điều kiện thụ hưởng là tự động và các điều kiện và tiêu chuẩn này được tuân thủ nghiêm ngặt

(*) Trường hợp không ưu tiên cụ thể một công ty nào hơn các công ty khác và trung lập như về số lượng nhân viên, quy mô của công ty...

(ii) Trong trường hợp chính phủ quy định/thay đổi thuế suất có thể áp dụng chung

4. Trợ cấp bị cấm (bị coi là trợ cấp đặc thù) (Điều 3)

(i) Trợ cấp được chi trả theo kết quả xuất khẩu (hệ thống dự trữ ngoại tệ bao gồm trợ cấp trực tiếp hoặc tiền thưởng xuất khẩu cho các doanh nghiệp/ngành công nghiệp theo kết quả xuất khẩu hoặc các thông lệ tương tự, v.v.)

(ii) Trợ cấp được chi trả theo điều kiện sử dụng hàng hóa nội địa thay vì hàng hóa nhập khẩu

5. Trợ cấp có thể đối kháng (Điều 5)

Do các do các khoản trợ cấp cụ thể 1) thiệt hại cho ngành công nghiệp nội địa của các Quốc gia Thành viên khác; 2) vô hiệu hóa hoặc xâm hại lợi ích của một Thành viên theo GATT; hoặc 3) gây ra "thiệt hại nghiêm trọng" cho lợi ích của các Quốc gia Thành viên khác;

6. Thiệt hại nghiêm trọng (Điều 6)

- (i) Khi 'trợ cấp / giá sản phẩm' vượt quá 5%³⁵
- (ii) Trợ cấp để bù đắp những tổn thất trong hoạt động của một số ngành hoặc doanh nghiệp nhất định;

Hoặc:

- (iii) Miễn giảm nghĩa vụ tài chính trực tiếp

7. Trợ cấp được phép (Điều 8)

(i) Trợ cấp đáp ứng các yêu cầu sau đối với đối tượng là trợ cấp không đặc thù hoặc ngay cả là trợ cấp đặc thù

(ii) Trợ cấp hỗ trợ nghiên cứu: Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của các công ty hoặc viện nghiên cứu ký hợp đồng với các công ty (nghiên cứu công nghiệp: tối đa 75% chi phí, các hoạt động phát triển trước cạnh tranh: tối đa 50%)

(iii) Trợ cấp hỗ trợ phát triển khu vực: Hỗ trợ không đặc thù cho các khu vực kém phát triển³⁶ trong các nước thành viên

(iv) Trợ cấp môi trường: Là một biện pháp không lặp lại để các thiết bị hiện có đã sử dụng trong hơn 2 năm phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường mới theo luật, giới hạn ở 20% chi phí thích ứng

(v) Cần thông báo trước cho Ủy ban trợ cấp và các biện pháp đối kháng trước khi thực hiện trợ cấp được phép; Cũng bắt buộc phải thông báo về nội dung khoản trợ cấp hàng năm (tuy nhiên, thực tế chưa có quốc gia nào thông báo)

Tuy nhiên, các quy định về trợ cấp được phép chỉ có hiệu lực trong 5 năm sau khi hiệp định WTO có hiệu lực, và do sự khác biệt về lập trường của các nước thành viên, không thể đạt được thỏa thuận về việc áp dụng gia hạn nên đã hết hiệu lực vào ngày 1/1/2000. Do đó, hiện tại thực hiện điều tra và đánh thuế đối kháng đối với trợ cấp được phép theo từng quốc gia (Điều 31 của Hiệp định)

³⁵ (*) Về 'thiệt hại nghiêm trọng' hoặc 'trợ cấp được phép', có cách hiểu khác nhau giữa các quốc gia. Theo quy định 'de minimis' (tỷ lệ không đáng kể) ở Mỹ và EU, các khoản trợ cấp trong vòng 1% giá hàng hóa (trong vòng 2% so với giá đóng cửa ở các nước đang phát triển) không bị coi là thiệt hại nghiêm trọng.

³⁶ Khu vực có mức thu nhập từ 85% trở xuống so với mức trung bình của cả nước hoặc tỷ lệ thất nghiệp cao hơn mức trung bình của cả nước từ 10% trở lên

PHỤ LỤC III
RÀ SOÁT MỘT SỐ QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC

STT	Tên Quỹ	Cơ quan quản lý	Địa vị pháp lý	Tổ chức bộ máy	Nguồn của quỹ	Hình thức hỗ trợ
1	Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ³⁷	MPI	<p>là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, do Thủ tướng Chính phủ thành lập.</p> <p>Quỹ hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.</p> <p>Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật</p>	<p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Quỹ gồm có:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng thành viên; 2. Kiểm soát viên; 3. Giám đốc và bộ máy giúp việc 	<p>a) Vốn điều lệ được cấp từ NSNN từ nguồn chi cho đầu tư phát triển</p> <p>b) Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ;</p> <p>c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân;</p> <p>d) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ.</p>	<p>Cho vay, tài trợ, tăng cường năng lực (tổ chức hội thảo, truyền thông, đào tạo, ...)</p>
2	Quỹ đổi mới công nghệ	MOST	<p>là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</p> <p>Quỹ hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn</p>	<p>Cơ cấu tổ chức của Quỹ bao gồm:</p> <p>Hội đồng Quản lý Quỹ.</p> <p>Kiểm soát viên.</p>	<p>Vốn điều lệ của quỹ được cấp từ ngân sách nhà nước</p> <p>Nguồn vốn khác:</p> <p>a) Kinh phí hỗ trợ vốn cho các chương trình, nhiệm vụ</p>	<p>Cho vay, hỗ trợ lãi suất cho vay, bảo lãnh vay vốn, hỗ trợ vốn</p>

³⁷ Nghị định 39/2019/NĐ-CP ngày 10/5/2019 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

	quốc gia ³⁸		một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật	Giám đốc Quỹ và bộ máy giúp việc.	khoa học và công nghệ do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao Quỹ thực hiện. Hàng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và quyết định nhu cầu sử dụng vốn của Quỹ từ ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ theo quy định; b) Kinh phí bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ; c) Kinh phí hình thành từ các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp, đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, trong nước và nước ngoài dành cho Quỹ; d) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.	
3	Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã ³⁹	Liên minh hợp tác xã	là tổ chức tài chính Nhà nước được thành lập theo Quyết định Thủ tướng Chính phủ, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, ó vốn điều lệ, có bảng	Bộ máy quản lý và điều hành của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã gồm có Hội đồng quản lý, Ban	Vốn điều lệ được cấp từ NSNN kể từ khi Quỹ đi vào hoạt động Các nguồn khác:	Cho vay đầu tư. Hỗ trợ có hoàn lại vốn gốc. Uỷ thác cho vay, hỗ trợ.

³⁸ Quyết định 04/2021/QĐ-TTg ngày 29/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

³⁹ Quyết định 59/2007/QĐ-BTC ngày 11/7/2007 của Bộ Tài chính phê duyệt Điều lệ tổ chức hoạt động Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

			cân đối kế toán riêng, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước.	kiểm soát và Cơ quan điều hành.	<p>1. Các khoản đóng góp tự nguyện của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>2. Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.</p> <p>3. Các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.</p> <p>4. Vốn nhận uỷ thác từ ngân sách địa phương, từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>5. Vốn từ các chương trình, dự án trong và ngoài nước hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>6. Các khoản vốn huy động khác theo quy định của pháp luật</p>	Nhận uỷ thác Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động và thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mua trái phiếu Chính phủ
4	Quỹ phát triển KHCN	MOST	đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và tại các ngân hàng trong nước	Hội đồng quản lý Quỹ ⁴¹ , Cơ quan điều hành Quỹ ⁴² và Ban Kiểm soát Quỹ	Từ NSNN: - Kinh phí tài trợ, hỗ trợ và chi hoạt động quản lý của Quỹ được bố trí từ chi sự	a) Tài trợ không hoàn lại toàn bộ hoặc một phần chi phí.

⁴¹ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm

⁴² Cơ quan điều hành Quỹ gồm Giám đốc Quỹ, các Phó giám đốc Quỹ, các đơn vị chuyên môn

	quốc gia ⁴⁰			Quỹ được áp dụng quy định tự chủ về biên chế và tài chính theo chế độ hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm - Kinh phí thông qua quỹ và vốn do Thủ tướng giao Các nguồn ngoài NSNN khác như thu từ KQHD của quỹ, đóng góp, tự nguyện của cá nhân, tổ chức	b) Cho vay không lấy lãi hoặc lãi suất thấp. c) Bảo lãnh vốn vay.
5	Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam ⁴³	Trực thuộc Bộ TNMT và chịu sự quản lý tài chính của MOF	Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam là tổ chức tài chính Nhà nước trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật	Tổ chức của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam bao gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và Cơ quan điều hành nghiệp v	Vốn điều lệ, kinh phí được cấp từ NSNN Các nguồn khác như: a) Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải, chất thải rắn, khai thác khoáng sản và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật; b) Các khoản tiền đền bù thiệt hại về môi trường của các tổ chức, cá nhân nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; c) Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;	a) Cho vay với lãi suất ưu đãi; b) Hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vay vốn cho các dự án môi trường vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác theo quy định của pháp luật; c) Tài trợ kinh phí cho việc xây dựng, triển khai các dự án huy động nguồn vốn của Quỹ nhằm thực hiện các

⁴⁰ Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 của Chính phủ.

⁴³ Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam.

				d) Lệ phí bán CERs (CERs là tên viết tắt của chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận, 1 CERs được xác định bằng 1 tấn khí CO2 tương đương); đ) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;e) Các nguồn vốn bổ sung khác theo quy định của pháp luật;	nhiệm vụ, hoạt động xử lý khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố, thảm họa môi trường gây ra	
6	Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam ⁴⁴	Trực thuộc bộ MIC	Tổ chức tài chính nhà nước, có tư cách pháp nhân, có con dấu, bảng cân đối kế toán riêng. Quỹ mở tài khoản tại ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước	Quỹ có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng (do BT MIC bổ nhiệm) và bộ máy giúp việc	Đóng góp của doanh nghiệp viễn thông và viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân	Hỗ trợ tài chính để đảm bảo hoạt động thường xuyên và chi đầu tư cơ sở vật chất

⁴⁴ Quyết định số 11/2014/QĐ-TTg ngày 27/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.